# PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

### BỘ QUY CHẾ AN TOÀN HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG LĨNH VỰC TÀU BAY VÀ KHAI THÁC TÀU BAY

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

### Phần 7
### GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(Tiếp theo Công báo số 141 + 142)

### Chương G
### CẤP GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG KHÁC THÀNH VIÊN TỔ LÁI

**7.290. PHẠM VI ÁP DỤNG**

(a) Phần này quy định các yêu cầu để cấp các loại giấy phép, năng định, chứng chỉ và phép kiểm tra cấp cho:

(1) Giáo viên mặt đất;

(2) Nhân viên điều độ khai thác bay;

(3) Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay;

(4) Nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không.

(b) Đối với đề nghị cấp giấy phép, năng định nhân viên hàng không khác thành viên tổ lái nêu tại khoản (a) của Điều này:

(1) Người làm đơn đề nghị phải nộp hồ sơ 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Cục HKVN; nội dung hồ sơ bao gồm các tài liệu quy định theo từng lĩnh vực giấy phép và năng định cụ thể của Chương này và phải được xác nhận bởi Người khai thác sử dụng;

(2) Trong vòng 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm thẩm định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ và thông báo với người làm đơn.

Nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ theo quy định, thời gian đối với thủ tục cấp giấy phép, năng định sẽ được tính kể từ khi hồ sơ đã được bổ sung đầy đủ và đáp ứng yêu cầu;

(3) Trong vòng 10 ngày, kể từ khi thông báo về tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, Cục HKVN tổ chức sát hạch theo quy định đối với loại giấy phép và năng định tương ứng;

(4) Cục HKVN cấp giấy phép, năng định theo đề nghị trong vòng 5 ngày làm việc, kể từ khi người làm đơn đạt được kết quả sát hạch theo quy định.

## Mục I
## TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG

### 7.300. PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này quy định các tiêu chuẩn đối với tiếp viên hàng không.

### 7.303. ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG

(a) Tiếp viên hàng không phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

(1) Tối thiểu 18 tuổi;

(2) Có chứng chỉ tốt nghiệp khóa huấn luyện tiếp viên hàng không tại ATO được Cục HKVN phê chuẩn hoặc công nhận;

(3) Có Giấy chứng nhận sức khỏe còn hiệu lực do trung tâm y tế có thẩm quyền cấp;

(4) Được hãng hàng không tuyển dụng làm tiếp viên hàng không.

(5) Đáp ứng các yêu cầu tương ứng tại Mục này.

### 7.305. YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG

(a) Tiếp viên hàng không phải hoàn thành các yêu cầu về huấn luyện của Phần 14 với người có AOC.

### 7.307. YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG

(a) Tiếp viên hàng không phải hoàn thành các yêu cầu về kinh nghiệm của Phần 14 với người có AOC.

### 7.310. YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG

(a) Tiếp viên hàng không phải hoàn thành các yêu cầu về kiểm tra sự thành thạo và năng lực nêu tại Phần 14 với người có AOC.

## Mục II
## GIÁO VIÊN MẶT ĐẤT

### 7.320. PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này quy định các điều kiện để cấp giấy phép giáo viên mặt đất và các điều kiện cần thiết và các hạn chế theo giấy phép và năng định.

### 7.323. ĐIỀU KIỆN LÀ GIÁO VIÊN MẶT ĐẤT

(a) Người có đủ điều kiện để cấp giấy phép giáo viên mặt đất phải:

(1) Tối thiểu 18 tuổi;

(2) Thông thạo ngôn ngữ tiếng Anh mức 4 trở lên;

(3) Có kinh nghiệm 5 năm làm việc và 3 tháng thực tập như giáo viên mặt đất trong 12 tháng trước đó trong lĩnh vực chuyên môn tương ứng với lĩnh vực giảng dạy;

(4) Đạt bài kiểm tra sát hạch kiến thức về kiến thức chuyên môn phù hợp với lĩnh vực giảng dạy theo quy định của Cục HKVN.

(b) Đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

(1) Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

(2) Có giấy phép giáo viên mặt đất hoặc giáo viên bay được cấp theo quy định của Phần này;

(3) Có chứng chỉ tốt nghiệp khóa huấn luyện giáo viên mặt đất hoặc giáo viên bay tại ATO được Cục HKVN công nhận;

(c) Bài kiểm tra sát hạch kiến thức theo quy định tại điểm (a), khoản (3) của Điều này không áp dụng đối với các ứng viên là giáo viên bay hoặc có chứng chỉ tốt nghiệp khóa huấn luyện giáo viên mặt đất hoặc giáo viên bay tương ứng với lĩnh vực giảng dạy tại ATO được Cục HKVN công nhận.

## Mục III
## NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY

### 7.350. PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Mục này thiết lập yêu cầu cho việc cấp giấy phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT) và điều kiện duy trì hiệu lực giấy phép sử dụng cho tàu bay và trực thăng với các mức như sau:

(1) Mức A;

(2) Mức B1;

(3) Mức B2;

(4) Mức C.

(b) Mức A và B1 được chia ra các tiểu mức liên quan đến cấu hình kết hợp giữa tàu bay, trực thăng, động cơ tuốc-bin hoặc động cơ pit-tông theo như sau:

(1) Tiểu mức A1 và B1.1: tàu bay động cơ tuốc-bin;

(2) Tiểu mức A2 và B1.2: tàu bay động cơ pit-tông;

(3) Tiểu mức A3 và B1.3: trực thăng động cơ tuốc-bin;

(4) Tiểu mức A4 và B1.4: trực thăng động cơ pit-tông.

*Phụ lục 1 Điều 7.350 về thủ tục cấp/cấp lại giấy phép và năng định cho nhân viên bảo dưỡng tàu bay.*

**7.353. CÁC YÊU CẦU VÀ QUYỀN HẠN ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY**

(a) Người có đủ điều kiện để cấp giấy phép AMT phải:

(1) Tối thiểu 18 tuổi;

(2) Thể hiện khả năng đọc, nói, viết và hiểu tiếng Anh qua việc đọc và giải thích các tài liệu bảo dưỡng phù hợp và viết các câu về hỏng hóc và sửa chữa khắc phục;

(3) Tuân thủ được yêu cầu về kiến thức, kinh nghiệm và năng lực phù hợp với năng định đề nghị cấp;

(4) Đạt các bài kiểm tra sát hạch liên quan tới năng định đề nghị cấp.

(b) Người có giấy phép AMT làm đơn đề nghị cấp năng định bổ sung phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định và đạt bài kiểm tra sát hạch của năng định đề nghị cấp.

(c) Các quyền hạn sau đây sẽ được áp dụng đối với nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay nếu đảm bảo việc tuân thủ với các điều kiện của khoản (d) của Điều này:

(1) Giấy chứng nhận AMT mức A cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng cho các công việc bảo dưỡng ngoại trường dạng nhỏ theo kế hoạch hoặc sửa chữa các hỏng hóc đơn giản trong phạm vi công việc được ghi cụ thể trong giấy phép. Quyền hạn ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng bị hạn chế trong phạm vi các công việc mà người có Giấy chứng nhận đã trực tiếp thực hiện tại tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5;

(2) Giấy chứng nhận AMT mức B1 cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu

bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng sau khi thực hiện công việc bảo dưỡng trên cấu trúc tàu bay, hệ thống tạo lực đẩy và các hệ thống cơ giới và điện. Năng định của nhân viên B1 còn bao gồm cả việc thay thế các khối máy điện tử yêu cầu thực hiện các công việc kiểm tra đơn giản để khẳng định trạng thái làm việc tốt của khối máy đó. Năng định B1 sẽ tự động bao gồm cả các tiểu mức A tương ứng;

(3) Giấy chứng nhận AMT mức B2 cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng sau khi thực hiện công việc bảo dưỡng trên các hệ thống điện và điện tử của tàu bay;

(4) Giấy chứng nhận AMT mức C cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng sau khi thực hiện công việc bảo dưỡng nội trường theo kế hoạch trên tàu bay. Năng định này áp dụng cho toàn bộ tàu bay trong tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5.

(d) Người có giấy phép AMT sẽ không được thực hiện các năng định trong giấy phép, trừ khi:

(1) Tuân thủ với các yêu cầu được quy định đối với tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5;

(2) Trong khoảng thời gian 2 năm trước đó phải có tối thiểu 6 tháng kinh nghiệm bảo dưỡng trực tiếp theo các năng định đã được cấp trong giấy phép AMT hoặc chứng minh đã đáp ứng các điều kiện để cấp giấy phép liên quan.

*Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.353 về quyền hạn của việc huấn luyện trên loại/ công việc cụ thể và các năng định.*

**7.355. YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY**

(a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép AMT hoặc bổ sung năng định cho giấy phép AMT, sau khi đáp ứng các quy định áp dụng về kinh nghiệm phải đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết theo các nội dung do Cục HKVN tổ chức phù hợp với năng định của giấy phép AMT; Bài kiểm tra về kiến thức cơ bản hàng không có thể do tổ chức huấn luyện được Cục HKVN ủy quyền thực hiện.

*Ghi chú: Xem Phụ lục 1 của Điều 7.355 về yêu cầu kiến thức cơ bản hàng không của nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay.*

(b) Cục HKVN sẽ miễn giảm toàn bộ hoặc một phần đối với yêu cầu về kiến thức cơ bản hàng không cho người làm đơn đề nghị cấp AMT được đào tạo thuộc lĩnh vực kỹ thuật khác tương đương với các kiến thức cơ bản hàng không được thiết lập tại Phụ lục 1 của Điều 7.355.

**7.357. YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM VÀ HUẤN LUYỆN ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY**

(a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép hoặc năng định AMT phải có đầy đủ:

(1) Chứng chỉ tốt nghiệp khóa huấn luyện phù hợp với năng định đề nghị cấp tại ATO được Cục HKVN công nhận; hoặc

(2) Tài liệu là bằng chứng về kinh nghiệm thực hành được Cục HKVN chấp nhận áp dụng cho khoảng thời gian và loại công việc phù hợp với năng định đề nghị cấp.

*Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.357 về yêu cầu kinh nghiệm của nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay.*

**7.360. YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY**

(a) Người làm đơn đề nghị cấp phép hoặc năng định AMT phải thể hiện khả năng để thực hiện nhiệm vụ của các chức năng được cấp sau khi thỏa mãn bài kiểm tra vấn đáp và thực hành đối với năng định đề nghị cấp.

(b) Bài kiểm tra phải bao gồm các kỹ năng cơ bản của người làm đơn trong quá trình thực hành và các nội dung trong bài kiểm tra viết cho năng định đề nghị cấp.

(c) Người làm đơn đề nghị cấp năng định đối với hệ thống tạo lực đẩy phải chứng tỏ được khả năng của mình để thực hiện sửa chữa nhỏ và thực hiện thay đổi nhỏ đối với cánh quạt.

(d) Bài kiểm tra vấn đáp và thực hành đối với năng định đề nghị cấp phải do Cục HKVN hoặc tổ chức huấn luyện được Cục HKVN ủy quyền thực hiện.

## Mục IV
## NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY ĐƯỢC CỤC HKVN CẤP ỦY QUYỀN KIỂM TRA, RÀ SOÁT BẢO DƯỠNG (AMT-IA)

**7.370. PHẠM VI ÁP DỤNG**

(a) Chương này quy định các điều kiện để cấp AMT-IA và các giới hạn của AMT-IA

**7.373. ĐIỀU KIỆN LÀ NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY ĐƯỢC CỤC HKVN CẤP ỦY QUYỀN GIÁM SÁT KIỂM TRA**

(a) Người đề nghị cấp AMT-IA phải tuân thủ các yêu cầu về điều kiện sau đây:

(1) Có giấy phép AMT còn hiệu lực với năng định tối thiểu ở mức B1 hoặc B2 đối với loại tàu bay liên quan; hoặc

(2) Có tối thiểu 8 năm kinh nghiệm thực tế trong công tác bảo dưỡng tàu bay, trong đó phải có ít nhất 2 năm trước thời điểm được ủy quyền đã tham gia vào công việc ký xác nhận hoàn thành công việc bảo dưỡng loại tàu bay liên quan;

(3) Là người được Người khai thác hoặc cơ sở bảo dưỡng được phê chuẩn sử dụng và đề nghị Cục HKVN ủy quyền kiểm tra, rà soát bảo dưỡng, đối với loại tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa lớn hơn 2730 kg, hoặc có cơ sở làm việc cố định để người đề nghị cấp có thể thực hiện quyền giám sát đối với tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa nhỏ hơn 2730 kg;

(4) Có trang thiết bị, dữ liệu giám sát phù hợp để thực hiện việc kiểm tra giám sát tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt và các khối máy lẻ khác liên quan;

(5) Đã hoàn thành khóa huấn luyện chuyển loại đối với loại tàu bay liên quan và các quy trình bảo dưỡng nêu trong tài liệu giải trình điều hành bảo dưỡng của Người khai thác, tài liệu giải trình tổ chức bảo dưỡng của tổ chức bảo dưỡng được Cục HKVN phê chuẩn, đối với tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa lớn hơn 2730 kg;

(6) Đạt kỳ kiểm tra sát hạch lý thuyết thể hiện được khả năng của người làm đơn để kiểm tra giám sát theo các tiêu chuẩn về an toàn để cho phép tàu bay vào khai thác sau các dạng bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ và lớn, cải tiến, kiểm tra định kỳ hàng năm, kiểm tra tăng dần theo quy định của Phần 4 đối với tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa nhỏ hơn 2730 kg.

(b) Người làm đơn không đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết theo quy định tại điểm (5) và (6) khoản (a) của Điều này có thể làm đơn đề nghị kiểm tra sát hạch lại sau tối thiểu 60 ngày kể từ ngày không đạt bài kiểm tra lần trước.

**7.375. THỜI HẠN ỦY QUYỀN GIÁM SÁT KIỂM TRA CHO NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY**

(a) Ủy quyền cho nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng thực hiện kiểm tra và rà soát bảo dưỡng (IA) có giá trị 24 tháng.

(b) Người có IA chỉ được thực hiện quyền khi có AMT và có chứng chỉ phù hợp do tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn cấp, đối với tàu bay có tải trọng cất cánh tối

đa lớn hơn 2730 kg hoặc có cả 2 năng định tàu bay và hệ thống tạo lực đẩy còn hiệu lực đối với tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa nhỏ hơn 2730 kg.

(c) IA sẽ hết hiệu lực trong những trường hợp sau:

(1) IA bị đình chỉ, thu hồi hoặc hủy bỏ;

(2) Người có IA không còn làm việc cho Người khai thác hoặc tổ chức bảo dưỡng hoặc không có cơ sở làm việc cố định;

(3) Người có IA không còn trang thiết bị và dữ liệu cần thiết cho việc thực hiện nhiệm vụ theo IA;

(4) Theo đề nghị của Người khai thác hoặc tổ chức bảo dưỡng.

(d) IA bị đình chỉ, thu hồi hoặc hủy bỏ trong trường hợp người được ủy quyền không còn đủ điều kiện để được cấp AMT hoặc IA, không thực hiện nhiệm vụ theo IA, thực hiện hành vi vi phạm khác uy hiếp an toàn, an ninh hàng không, vi phạm nghiêm trọng kỷ luật của đơn vị.

(e) Người được cấp IA có trách nhiệm nộp lại giấy ủy quyền cho Cục HKVN khi được yêu cầu, bị thu hồi, đình chỉ hoặc hủy bỏ.

**7.377. GIA HẠN NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY CÓ QUYỀN GIÁM SÁT KIỂM TRA**

(a) Để đủ điều kiện gia hạn IA cho thời hạn 2 năm, người làm đơn trong vòng 90 ngày trước ngày hết hạn phải xuất trình cho cơ quan được Cục HKVN chỉ định bằng chứng người đó vẫn đáp ứng được các yêu cầu cho thấy trong thời gian có hiệu lực của IA người đó:

(1) Thực hiện dạng kiểm tra năm ít nhất 1 lần/mỗi 3 tháng trong khoảng thời gian có hiệu lực của IA;

(2) Thực hiện kiểm tra sửa chữa hoặc cải tiến lớn ít nhất 1 lần/12 tháng trong khoảng thời gian có hiệu lực của IA;

(3) Thực hiện hoặc giám sát và phê chuẩn ít nhất 1 lần kiểm tra tiếp tục theo tiêu chuẩn hàng năm trong khoảng thời gian có hiệu lực của IA. Các yêu cầu từ điểm (1) đến điểm (3), khoản (a) áp dụng cho nhân viên được ủy quyền kiểm tra, rà soát bảo dưỡng tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa nhỏ hơn 2730 kg;

(4) Nhân viên kỹ thuật được ủy quyền kiểm tra, rà soát bảo dưỡng tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa lớn hơn 2730 kg phải thực hiện kiểm tra và ký xác nhận

tối thiểu 3 Giấy chứng nhận rà soát bảo dưỡng theo quy định tại Phần 20 trong vòng 24 tháng;

(5) Hoàn thành khóa huấn luyện hồi phục IA có không ít hơn 16 giờ huấn luyện trong khoảng thời gian 12 tháng trước khi làm đơn gia hạn.

## Mục V
## NHÂN VIÊN SỬA CHỮA CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG (ARS)

### 7.380. PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này quy định các điều kiện để cấp giấy phép và năng định ARS và các điều kiện cần thiết theo giấy phép và năng định

### 7.383. ĐIỀU KIỆN LÀ NHÂN VIÊN SỬA CHỮA CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG

(a) Người có đủ điều kiện để cấp giấy phép ARS phải:

(1) Tối thiểu 18 tuổi;

(2) Thể hiện khả năng đọc, nói viết và hiểu tiếng Anh qua việc đọc và giải thích các tài liệu bảo dưỡng phù hợp và viết các câu về hỏng hóc và sửa chữa khắc phục;

(3) Đạt trình độ chuyên môn để thực hiện bảo dưỡng tàu bay, khối máy lẻ tàu bay phù hợp với công việc của người đó;

(4) Làm một công việc cụ thể yêu cầu phải có trình độ chuyên môn tại một cơ sở sửa chữa tàu bay theo Phần 5 hoặc người có AOC theo Phần 12 mà theo yêu cầu trong tài liệu khai thác phải thực hiện bảo dưỡng, bảo dưỡng phòng ngừa hoặc cải tiến tàu bay được phê chuẩn với chương trình bảo dưỡng theo MCM;

(5) Được tổ chức sử dụng đề nghị và được Cục HKVN chấp nhận có đủ khả năng bảo dưỡng tàu bay hoặc khối máy lẻ phù hợp với công việc;

(6) Có một trong hai điều kiện sau:

(i) 18 tháng kinh nghiệm thực hành quy trình, việc tiến hành, phương pháp kiểm tra, tài liệu, dụng cụ, dụng cụ máy móc, và các thiết bị khác được sử dụng phổ biến trong công việc bảo dưỡng hoặc công việc đặc thù mà người đó thực hiện;

(ii) Hoàn thành khóa huấn luyện chính thức được thiết kế đặc biệt cho trình độ của công việc của người làm đơn và được Cục HKVN chấp thuận.

(7) Đạt kỳ kiểm tra sát hạch kiến thức và kỹ năng do ATO được Cục HKVN công nhận thực hiện.

(b) Các quy định của Mục này không áp dụng đối với việc cấp giấy phép ARS - lắp ráp tàu bay thử nghiệm.

**7.385. NĂNG ĐỊNH ARS TRONG TỔ CHỨC BẢO DƯỠNG**

(a) Năng định cấp cho người đề nghị cấp thuộc tổ chức bảo dưỡng phải phù hợp với năng định được cấp cho tổ chức bảo dưỡng tàu bay, được giới hạn tới công việc cụ thể mà người đó thực hiện, giám sát hoặc phê chuẩn đưa vào sử dụng.

(b) Năng định cấp cho người đề nghị cấp thuộc Người khai thác tàu bay có tổ chức bảo dưỡng tàu bay phải phù hợp với năng định được cấp cho Người khai thác tàu bay, được giới hạn tới công việc cụ thể mà người đó thực hiện, giám sát hoặc phê chuẩn đưa vào sử dụng.

**7.387. GIẤY PHÉP ARS: LẮP RÁP TÀU BAY THỬ NGHIỆM - ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

(a) Người có đủ điều kiện để được cấp giấy phép ARS phải:

(1) Tối thiểu 18 tuổi;

(2) Là người lắp ráp tàu bay sơ cấp của loại tàu bay phù hợp với giấy phép đề nghị cấp;

(3) Thể hiện được với Cục HKVN khả năng xác định tàu bay trong điều kiện hoạt động an toàn; và

(4) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài có quyền cư trú hợp pháp lâu dài tại Việt Nam.

(b) Người có giấy phép ARS (lắp ráp tàu bay thử nghiệm) có thể thực hiện việc kiểm tra các điều kiện đối với tàu bay được tự lắp ráp theo các giới hạn khai thác của tàu bay đó.

**7.390. GIẤY PHÉP ARS: LẮP RÁP TÀU BAY THỬ NGHIỆM**

(a) Các thông tin sau đây phải được cung cấp để bổ sung cho năng định được cấp:

(1) Kiểu tàu bay;

(2) Loại tàu bay;

(3) Số xuất xưởng;

(4) Ngày phê chuẩn tàu bay.

# CÁC PHỤ LỤC

## PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.095: CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ KIỂM TRA THỰC HÀNH

(a) Ngoại trừ các quy định ở khoản (b), các năng định người lái tàu bay khác để được kiểm tra thực hành lấy giấy phép và năng định theo quy định ở Phần này, người đề nghị phải:

(1) Qua kiểm tra lý thuyết trong vòng 12 tháng trước tháng hoàn thành kiểm tra thực hành, nếu có yêu cầu;

(2) Có kết quả kiểm tra lý thuyết vào thời điểm nộp đơn đề nghị kiểm tra thực hành, nếu có yêu cầu kiểm tra lý thuyết

(3) Hoàn thành huấn luyện theo quy định và đạt được kinh nghiệm khai thác theo quy định của Phần này để cấp giấy phép và năng định;

(4) Đáp ứng được yêu cầu về tuổi được cấp giấy phép và năng định của Chương này; và

(5) Nhật ký bay, hồ sơ huấn luyện có chứng nhận của giáo viên hướng dẫn được ủy quyền xác nhận người đề nghị cấp:

(i) Được huấn luyện để cấp giấy phép trong thời hạn 60 ngày trước ngày làm đơn đề nghị kiểm tra thực hành;

(ii) Sẵn sàng để kiểm tra thực hành theo quy định;

(iii) Hoàn thiện được kiến thức còn thiếu về các lĩnh vực trong kỳ thi kiểm tra lý thuyết dành cho người lái.

(b) Người đề nghị cấp ATPL hoặc năng định bổ sung vào giấy phép ATPL có thể kiểm tra thực hành với chứng chỉ lý thuyết đã hết hạn miễn là người đó:

(1) Được sử dụng làm thành viên tổ lái do có chứng chỉ theo quy định của Phần 12 vào thời điểm kiểm tra thực hành và hoàn thành:

(i) Chương trình huấn luyện người chỉ huy tàu bay được phê chuẩn phù hợp với giấy phép và năng định được cấp; và

(ii) Các quy định về huấn luyện phù hợp với giấy phép và năng định.

(2) Được sử dụng làm thành viên tổ lái trong khai thác vận tải hàng không quân sự của Việt Nam vào thời gian kiểm tra thực hành, và hoàn thành chương trình huấn luyện người chỉ huy tàu bay phù hợp với giấy phép và năng định đề nghị cấp.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.100: KIỂM TRA THỰC HÀNH: TRANG THIẾT BỊ, BUỒNG LÁI MÔ PHỎNG, TÀU BAY THEO YÊU CẦU**

(a) Tổng quát: Ngoại trừ quy định tại điểm (2) khoản (a), hoặc khi cho phép tiến hành kiểm tra thực hành trên buồng lái giả định hoặc thiết bị giả định huấn luyện bay được phê chuẩn, người đề nghị cấp giấy phép hoặc năng định theo quy định tại Phần này phải cung cấp:

(1) Tàu bay, mang đăng ký quốc tịch Việt Nam, đối với mỗi bài kiểm tra:

(i) Là loại, hạng tàu bay (nếu áp dụng) áp dụng với giấy phép hoặc năng định đề nghị cấp; và

(ii) Đạt tiêu chuẩn đang áp dụng, giới hạn hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay ban đầu.

(2) Đối với giáo viên thực hiện kiểm tra thực hành, người đề nghị cấp có thể cung cấp:

(i) Tàu bay có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay hiện hành ngoài tiêu chuẩn, hạn chế hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay ban đầu nhưng đáp ứng được các yêu cầu tại điểm (1) khoản (a);

(ii) Tàu bay cùng loại, hạng nếu áp dụng, đăng ký nước ngoài được quốc gia đăng ký cấp Giấy chứng nhận; hoặc

(iii) Tàu bay quân sự cùng loại, hạng, nếu áp dụng được người đề nghị xin cấp giấy phép hoặc năng định.

(b) Yêu cầu về thiết bị (không phải các thiết bị điều khiển): người đề nghị kiểm tra thực hành phải sử dụng tàu bay có:

(1) Thiết bị phù hợp đối với mỗi giai đoạn kiểm tra thực hành theo quy định

(2) Không có các hạn chế về khai thác gây cản trở việc sử dụng tàu bay trong bất kỳ giai đoạn kiểm tra nào của bài kiểm tra thực hành

(3) Ngoại trừ quy định ở khoản (e), tàu bay phải có ít nhất hai vị trí lái với tầm nhìn thích hợp để khai thác tàu bay an toàn; và

(4) Buồng lái và tầm nhìn bên ngoài thích hợp để đánh giá các thao tác của người được kiểm tra khi có ghế phụ bổ sung cho giáo viên.

(c) Kiểm soát theo quy định: mỗi người đề nghị kiểm tra thực hành phải sử dụng tàu bay (không phải tàu bay nhẹ hơn không khí) có kiểm soát công suất động cơ và

cần lái dễ sử dụng và cả hai người lái có thể cùng sử dụng được, trừ khi giáo viên kiểm tra quyết định bài kiểm tra thực hành có thể được tiến hành một cách an toàn trên tàu bay mà không cần có hệ thống kiểm soát dễ sử dụng.

(d) Thiết bị bay mô phỏng: người đề nghị kiểm tra thực hành liên quan đến vận hành tàu bay chủ yếu bằng thiết bị phải cung cấp:

(1) Thiết bị trên tàu bay cho phép người được kiểm tra thực hiện các giai đoạn kiểm tra cấp năng định; và

(2) Thiết bị cản trở người được kiểm tra nhìn ra bên ngoài tàu bay nhưng không cản trở giáo viên kiểm tra nhìn ra ngoài tàu bay.

(e) Tàu bay với hệ thống điều khiển đơn: Người được kiểm tra có thể hoàn thành bài kiểm tra thực hành trên tàu bay với hệ thống điều khiển đơn, miễn là:

(1) Giáo viên đồng ý cho tiến hành kiểm tra;

(2) Bài kiểm tra không liên quan đến các kỹ năng điều khiển tàu bay bằng thiết bị; và

(3) Giáo viên ngồi ở vị trí quan sát có thể quan sát khả năng của người được kiểm tra.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.103: SỬ DỤNG BUỒNG LÁI GIẢ ĐỊNH ĐƯỢC PHÊ CHUẨN HOẶC THIẾT BỊ HUẤN LUYỆN BAY ĐƯỢC PHÊ CHUẨN**

(a) Tổng quát: Nếu buồng lái mô phỏng được phê chuẩn hoặc thiết bị huấn luyện bay được phê chuẩn sử dụng cho việc thực hiện huấn luyện và kiểm tra thực hành lấy giấy phép hoặc năng định loại, hạng theo quy định (nếu áp dụng), thì buồng lái giả định hoặc thiết bị huấn luyện bay phải được sử dụng phù hợp với khóa huấn luyện được phê chuẩn của ATO;

(b) Kiểm tra trước khi bay: việc kiểm tra trước khi bay phải được tiến hành theo quy trình đã được phê chuẩn.

(c) Kiểm tra thực hành.

(1) Người đề nghị kiểm tra có thể được cấp năng định sau khi hoàn thành các bài kiểm tra thực hành theo quy định của Cục HKVN, nếu buồng lái giả định ở mức C hoặc D; hoặc

(2) Nếu buồng lái giả định không ở mức C hoặc D, thì trong chuyến bay phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây theo quy định:

(i) Cất cánh bình thường;

(ii) Tiếp cận ILS bình thường;

(iii) Tiếp cận hụt; và

(iv) Hạ cánh bình thường.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.110: VỀ THỦ TỤC CẤP, CÔNG NHẬN, CẤP LẠI GIẤY PHÉP, NĂNG ĐỊNH NGƯỜI LÁI TÀU BAY**

(a) Người đề nghị cấp, công nhận giấy phép và năng định người lái tàu bay phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm các tài liệu sau đây:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép người lái tàu bay theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Điều 7.110 của Bộ quy chế này;

(2) Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của thủ trưởng đơn vị hoặc chính quyền địa phương;

(3) Giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với quy định của Bộ Y tế và Phần 8 Bộ quy chế an toàn hàng không;

(4) Sổ ghi giờ bay huấn luyện và xác nhận của giáo viên xác nhận người đó đã sẵn sàng cho kiểm tra sát hạch thực hành;

(5) Kết quả bài kiểm tra sát hạch trên chủng loại, hạng, loại tàu bay phù hợp với năng định đề nghị cấp;

(6) Bản sao chứng chỉ đủ trình độ ngôn ngữ tiếng Anh tối thiểu mức 4 theo quy định tại Phụ ước 1 của Công ước về hàng không dân dụng quốc tế của cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh cho nhân viên hàng không được Cục HKVN cấp hoặc công nhận.

(b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và thực hiện việc cấp giấy phép người lái tàu bay cho những người đề nghị đáp ứng được các yêu cầu của Bộ quy chế an toàn hàng không này.

(c) Giấy phép và năng định người lái tàu bay được cấp lại trong trường hợp giấy phép được cấp hết thời hạn hiệu lực, bị mất, hư hỏng. Người đề nghị phải hoàn thành 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ.

(d) Người làm đơn đề nghị cấp lại giấy phép người lái tàu bay phải nộp hồ sơ tối thiểu 30 ngày trước ngày hết hạn của giấy phép đã được cấp. Hồ sơ bao gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp lại nêu rõ lý do;

(2) Giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với quy định của Bộ Y tế và Phần 8 Bộ quy chế an toàn hàng không còn hiệu lực;

(3) Kết quả kiểm tra sát hạch trình độ, kinh nghiệm trên chủng loại, hạng, loại tàu bay phù hợp với năng định đề nghị cấp;

(4) Bản sao chứng chỉ đủ trình độ ngôn ngữ tiếng Anh tối thiểu mức 4 theo quy định tại Phụ ước 1 của Công ước về hàng không dân dụng quốc tế của cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh cho nhân viên hàng không được Cục HKVN cấp hoặc công nhận còn hiệu lực.

(e) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép người lái tàu bay trong trường hợp giấy phép bị mất, bị rách, người đề nghị phải nộp hồ sơ đến Cục HKVN tối thiểu 7 ngày làm việc. Hồ sơ bao gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp lại nêu rõ lý do;

(2) Bản gốc hoặc bản sao giấy phép và năng định đã được cấp (nếu có).

**PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 7.110: THỦ TỤC GIA HẠN CÁC LOẠI NĂNG ĐỊNH - THÀNH VIÊN TỔ BAY**

(a) Người đề nghị gia hạn năng định - thành viên tổ lái phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm:

(1) Đơn đề nghị gia hạn năng định - thành viên tổ lái (theo Phụ lục 3 Điều 7.110);

(2) Giấy chứng nhận sức khỏe còn hiệu lực kèm theo bản chính để đối chiếu;

(3) Bản sao giấy phép lái tàu bay còn hiệu lực kèm theo bản chính để đối chiếu;

(4) Kết quả kiểm tra sát hạch lý thuyết về những nội dung theo quy định;

(5) Kết quả kiểm tra sát hạch thực hành với các nội dung khai thác áp dụng cho năng định chủng loại tàu bay và năng định hạng tàu bay phù hợp của người đề nghị.

(b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và thực hiện việc gia hạn năng định phù hợp.

## PHỤ LỤC 3 ĐIỀU 7.110: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CÔNG NHẬN, GIA HẠN/PHỤC HỒI GIẤY PHÉP VÀ NĂNG ĐỊNH NGƯỜI LÁI TÀU BAY

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/ MINISTRY OF TRANSPORT
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM/ CIVIL AVIATION ADMINISTRATION OF VIETNAM

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/GIA HẠN/ PHỤC HỒI GIẤY PHÉP, NĂNG ĐỊNH NGƯỜI LÁI TÀU BAY**
**ISSUE/REVALIDATION/RENEWAL FUNCTION AND RATING APPLICATION FORM**

Yêu cầu viết chữ in hoa bằng mực màu đen hoặc xanh/
complete theform in block capitals using black or dark blue ink.

**1. THÔNG TIN CÁ NHÂN**
***PERSONAL DETAILS***

Mã phi công (nếu biết)/*Personal reference number (if known)* ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
Họ và tên/*Full name*: .....
.....

Chức danh/*Title*:..... Ngày sinh/*Date of birth* (dd/mm/yyyy): .....
Nơi sinh/*Place of birth*:
Quốc tịch/*Nationality*:..... Tỉnh/*Town* .....quốc gia/*Country*.....

Địa chỉ/Permanent address:.....
.....

Điện thoại/*Telephone Number*: ..... Số ĐT khác/*Alternative Tel:*.
.....
E mail: ..... Fax: .....
.....

Địa chỉ liên hệ khác (nếu có)/*Address for correspondence (if different from above)* .....
.....
.....
..... Tel:.....

| **2. PHẦN ĐƠN ĐỀ NGHỊ**<br>***APPLICATION*** | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **Tôi làm đơn này đề nghị/**<br>*I am applying for* | | Cấp lần đầu/<br>*Initial issue* | Gia hạn/<br>*Revalidation* | Hồi phục/<br>*Renewal* |
| Năng định loại/<br>Type Rating ☐<br><br>Năng định hạng/<br>Class Rating ☐ | Khả năng<br>bay thiết bị/<br>Intrument Rating<br><br>ME ☐ / SE ☐ | .....<br>..... | .....<br>..... | .....<br>..... |
| | | Tổng giờ bay<br>PIC/Hour<br>.....<br>..... | Kiểm tra/kinh<br>nghiệm<br>by check/<br>experience | Nêu lý do/<br>*Please*<br>*specify* |
| Ghi chú/ *Note*:<br>• gạch những phần không cần thiết */ *delete as appropriate;* đánh dấu vào các ô phù hợp/ *tick appropriate box*<br>• ghi đầy đủ chức năng vào các ô phù hợp / *please specify*: (VD/ Eg: B777 Lái chính/ *PIC*; ATR72 Lái phụ / *Copilot)*<br>• nếu năng định quá hạn 5 năm, phải làm hồ sơ cấp lại năng định/ *Expired rating over 5 years, submit to CAAV for issue* | | | | |

| **3. CỤC HKVN SỬ DỤNG**<br>***CAAV USE ONLY*** | | | |
|---|---|---|---|
| Ngày/*Date:* | Hóa đơn/*Receip No.:* | | Ngày cấp/*Date of Issue:* |
| Type Rating/ Instrument Rating<br>..... Date..... Valid until .....<br>..... | | | |
| Chuyên viên cấp phép/<br>*Issued by* | Hồ sơ gồm/<br>*Enclosures* | Điều kiện hạn chế/<br>*Limitations* | Ký duyệt/*Signed by* |

**4. NỘP PHÍ VÀ LỆ PHÍ**
***PAYMENT METHODS***

Phí và lệ phí phải được nộp cùng hồ sơ cấp phép, trừ khi có sự thỏa thuận khác, hồ sơ cấp phép sẽ không được Cục HKVN xem xét giải quyết nếu phí và lệ phí không được nộp đầy đủ theo mức do Nhà nước quy định. Tham khảo tại địa chỉ internet - www.caa.gov.vn
*Otherwise agreed by the CAAV, all fees must be paid when application is submitted. The application shall not be assessed if the fees for licences, associated ratings and assessments prescribed are not adequately paid . This is available on our website - www.caa.gov.vn - under Personnel Licensing - Flight Safety Standard Department.*

| | |
|---|---|
| **Người làm đơn trả /*Applicant pay*** ☐<br><br>Hình thức thanh toán/*I am paying by* ☐ | **Công ty người làm đơn trả/*Company pay*** |

**MASTERCARD** ☐ **SWITCH** ☐ **VISA** ☐ **CHEQUE** ☐ **OTHER** ☐
(Please tick appropriate box).

**5. LỜI CAM ĐOAN**
***DECLARATION OF APPLICANT***

Tôi xin cam đoan các thông tin khai theo mẫu trên là đúng sự thật
*I declare that the information provided on this form is correct.*

Chữ ký/*Signature* ..... Ngày/*Date*.....
..... .....

Hành vi cố ý làm đơn, cung cấp thông tin sai sự thật nhằm mục đích được cấp giấy phép, năng định hoặc các phê chuẩn khác là vi phạm pháp luật. Tùy từng trường hợp cụ thể mà người thực hiện hành vi này có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
*It is an offence to make, with intent to deceive, any false representations for the purpose of procuring the grant, issue, renewal or variation of any certificate, licence, approval, permission or other document. Persons doing so render themselves liable, on summary conviction, to a fine or imprisonment.*

**6. HƯỚNG DẪN NỘP ĐƠN VÀ HỒ SƠ**
SUBMISSION INSTRUCTIONS

Gửi đơn tới/*Send your completed application form to:*

**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - PHÒNG TIÊU CHUẨN AN TOÀN BAY**
**119 NGUYỄN SƠN - QUẬN LONG BIÊN –TP. HÀ NỘI**
***Civil Aviation Administration of Vietnam, Personnel Licensing Division - Flight Safety Standard Department, 6th Floor Aviation House, Gialam Airport , 119 Nguyen Son Str., Long Bien Dist. Hanoi.***

Hồ sơ cấp giấy phép yêu cầu có các giấy tờ sau, việc nộp không đủ hồ sơ dẫn đến việc thời gian đánh giá hồ sơ cấp phép sẽ bị kéo dài.

*The following documentation should be enclosed. Please note that failure to submit all of the required documentation may lead to a delay in the processing of your application.*

Hồ sơ đi kèm/*Together with:*

(a) Mẫu kiểm tra sát hạch kỹ năng máy bay loại bay khai thác/*TR MPA Skill Test (Form CAAV/FSSD/PEL-FCL 1611)*

(b) Giấy phép lái tàu bay/*the current Vietnamese professional licence*

(c) Sổ ghi giờ bay/*actual flying log book(s).* Hồ sơ về giờ bay tính trên máy tính được chấp thuận với điều kiện trên từng trang in phải có đầy đủ các thông tin theo QCHK-CB1.085 và người làm đơn phải ký xác nhận trên từng trang.
*Computerised logbooks are acceptable, provided that these are submitted in hard copy paper format and contain the relevant information (as specified in the VAR-FCL1.085) with each page certified as true and signed by the applicant.*

(d) Chứng chỉ y tế loại I do Cục HKVN cấp / *Valid CAAV Class One Medical Certificate.*

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.113: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC NĂNG ĐỊNH THIẾT BỊ**

(a) Ngoài các quy định tại Điều 7.113, người đề nghị cấp năng định bay bằng thiết bị phải được huấn luyện mặt đất do giáo viên được Cục HKVN bổ nhiệm hướng dẫn về các lĩnh vực kiến thức hàng không áp dụng với năng định bay bằng thiết bị, sau đây :

(1) Các quy tắc và quy định liên quan đến IFR; liên quan đến thực hành và các quy tắc dịch vụ không lưu;

(2) Việc sử dụng, các hạn chế và trạng thái hoạt động tốt của thiết bị điện tử và các thiết bị cần thiết để kiểm soát và dẫn đường máy bay và trực thăng theo IFR và trong điều kiện khí tượng bay bằng thiết bị; cách sử dụng và các hạn chế của lái tự động;

(3) Các sai số của la bàn, lượn vòng và gia tốc; các hạn chế trong khai thác và thiết bị con quay hồi chuyển và các hiệu ứng tiến động; thực hành và các quy trình trong trường hợp sai khi bay bằng thiết bị;

(4) Chuẩn bị và kiểm tra trước khi bay phù hợp với bay theo IFR;

(5) Kế hoạch bay; chuẩn bị và thực hiện các kế hoạch bay dịch vụ không lưu theo IFR; quy trình đặt lại đồng hồ đo;

(6) Tính năng con người liên quan đến bay bằng thiết bị trên máy bay hoặc trực thăng;

(7) Sự suy xét và đưa ra quyết định;

(8) Chương trình phối hợp tổ bay, bao gồm liên lạc và hợp tác của tổ bay;

(9) Việc áp dụng thông tin khí tượng hàng không; đọc, hiểu và sử dụng các báo cáo, bảng biểu và các bản dự báo khí tượng; mã cài đặt và chữ viết tắt; quy trình thu nhận thông tin khí tượng; đồng hồ đo;

(10) Nhận và sử dụng các báo cáo, dự báo khí tượng và các xu hướng thời tiết dựa trên các thông tin đó;

(11) Quan sát các điều kiện thời tiết.

(12) Nguyên nhân, nhận biết và ảnh hưởng của động cơ, cánh quạt hoặc rotor và khung bị đóng băng; quy trình thẩm thấu bề mặt tiết diện; tránh thời tiết xấu;

(13) Nhận biết tình huống thời tiết xấu và tránh gió cạnh;

(14) Thực hành dẫn đường sử dụng hỗ trợ của đài dẫn đường;

(15) Sử dụng hệ thống dẫn đường trong các giai đoạn của chuyến bay: khởi hành, trong khi bay, tiếp cận và hạ cánh; nhận biết hỗ trợ của đài dẫn đường;

(16) Dịch và sử dụng các tài liệu như AIP, NOTAM, các mã cài đặt và chữ viết tắt hàng không; các bảng biểu quy trình bay bằng thiết bị khi khởi hành, trong khi bay, hạ độ cao và tiếp cận;

(17) Các quy trình khẩn nguy và đề phòng, thực hành an toàn với sự hỗ trợ bay theo IFR;

(18) Các quy trình điện đài và sắp xếp từ ngữ áp dụng khi khai thác tàu bay theo IFR; xử lý trong trường hợp liên lạc nhầm;

(19) Các thông tin phù hợp trong tài liệu hướng dẫn do Cục HKVN công bố áp dụng đối với khai thác bay theo IFR;

(20) Hệ thống và quy trình KSKL đối với khai thác bay bằng thiết bị;

(21) Dẫn đường IFR và tiếp cận sử dụng hệ thống dẫn đường;

(22) Sử dụng IFR trong khi bay và quy trình tiếp cận bằng thiết bị;

(23) Khai thác an toàn và hiệu quả tàu bay theo quy tắc và điều kiện bay bằng thiết bị.

## PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 7.113: CÁC YÊU CẦU HƯỚNG DẪN BAY CẤP NĂNG ĐỊNH THIẾT BỊ

(a) Ngoài các quy định của Điều 7.113, người đề nghị cấp năng định thiết bị phải được giáo viên hướng dẫn do Cục HKVN bổ nhiệm huấn luyện trên tàu bay có ghi giờ bay, hoặc trên buồng lái mô phỏng hoặc các thiết bị huấn luyện bay được Cục HKVN phê chuẩn bao gồm các giai đoạn huấn luyện sau:

(1) Các thủ tục trước khi bay gồm có sử dụng tài liệu hướng dẫn bay hoặc các tài liệu tương đương, và tài liệu về dịch vụ không lưu phù hợp khi chuẩn bị kế hoạch bay IFR;

(2) Kiểm tra trước khi bay, sử dụng danh mục kiểm tra, lăn và kiểm tra trước khi cất cánh;

(3) Các phương thức và thao tác khai thác IFR trong điều kiện bình thường, bất thường và khẩn nguy gồm có ít nhất là:

(i) Chuyển sang bay bằng thiết bị khi cất cánh;

(ii) Khởi hành và hạ cánh bằng thiết bị tiêu chuẩn;

(iii) Các phương thức IFR trong khi bay;

(iv) Giữ nguyên các phương thức bay;

(v) Tiếp cận bằng thiết bị tới tiêu chuẩn tối thiểu theo quy định;

(vi) Các phương thức tiếp cận hụt;

(vii) Hạ cánh sau khi tiếp cận bằng thiết bị

(viii) Các thao tác trong khi bay và các tính năng bay đặc biệt.

(4) Các phương thức và kiểm soát tĩnh không;

(5) Bay bằng thiết bị;

(6) Hệ thống dẫn đường;

(7) Các phương thức tiếp cận bằng thiết bị;

(8) Khai thác khẩn nguy; và

(9) Các phương thức sau chuyến bay.

(b) Ngoài ra, đối với máy bay nhiều động cơ:

(1) Áp dụng tất cả các quy định trong điểm (3) khoản (a) của Phụ lục này; và

(2) Khai thác máy bay hoặc trực thăng chủ yếu bằng thiết bị với một động cơ không hoạt động hoặc giả định không hoạt động.

## PHỤ LỤC 3 ĐIỀU 7.113: CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM CẤP NĂNG ĐỊNH THIẾT BỊ

(a) Ngoài các quy định trong Điều 7.113, người đề nghị cấp năng định thiết bị phải có số giờ bay sau đây ghi trong nhật ký bay:

(1) Ít nhất là 50 giờ bay đường dài ở vị trí Người chỉ huy tàu bay, trong đó ít nhất là 10 giờ bay trên loại tàu bay đề nghị cấp năng định;

(2) Có tổng giờ bay là 40 giờ bay thiết bị thật hoặc thiết bị mô phỏng các giai đoạn khai thác theo các quy định tại Mục I của Chương F, bao gồm:

(i) Ít nhất là 10 giờ huấn luyện bay bằng thiết bị dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn bay do Cục HKVN bổ nhiệm trên loại tàu bay đề nghị cấp năng định;

(ii) Ít nhất là 3 giờ huấn luyện thiết bị phù hợp với năng định đề nghị cấp dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn bay do Cục HKVN bổ nhiệm khi chuẩn bị kiểm tra thực hành trong thời hạn 60 ngày trước ngày kiểm tra;

(b) Huấn luyện thiết bị theo quy tắc bay đường dài trên loại tàu bay ít nhất là một chuyến bay đường dài theo IFR bao gồm:

(1) Khoảng cách theo đường hàng không hoặc hành trình theo chỉ dẫn của ATC ít nhất:

(i) Đối với năng định thiết bị - máy bay: 250 dặm; hoặc

(ii) Đối với năng định thiết bị - trực thăng: 100 dặm; và

(2) Tiếp cận thiết bị tại mỗi sân bay; và

(3) Ba loại tiếp cận khác nhau sử dụng hệ thống dẫn đường.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.123: CÁC YÊU CẦU CHUNG VỀ CHO PHÉP KHAI THÁC CATII HOẶC CATIII**

(a) Người đề nghị cho phép khai thác CATII hoặc CATIII phải qua kiểm tra thực hành để:

(1) Cấp hoặc gia hạn cho phép khai thác CATII hoặc CATIII;

(2) Bổ sung tàu bay loại khác vào cho phép khai thác CATII hoặc CATIII.

(b) Để được kiểm tra thực hành cấp phép theo quy định của mục này, người đề nghị phải:

(1) Đáp ứng các yêu cầu đã nêu; và

(2) Nếu người đề nghị cấp không qua được bài kiểm tra thực hành trong vòng 12 tháng trước tháng kiểm tra:

(i) Đáp ứng được các yêu cầu đã nêu; và

(ii) Thực hiện ít nhất 6 lần tiếp cận ILS trong vòng 6 tháng trước tháng kiểm tra trong số đó ít nhất 3 lần phải được thực hiện không sử dụng coupler tiếp cận.

(c) Người đề nghị phải hoàn thành tiếp cận theo quy định:

(1) Dưới điều kiện bay bằng thiết bị thật hoặc mô phỏng;

(2) Tại độ cao quyết định tối thiểu để tiếp cận ILS trên loại tàu bay sử dụng để kiểm tra thực hành trừ khi việc tiếp cận không được thực hiện tại độ cao quyết định cho phép khai thác CATII;

(3) Khai thác CATII chỉ được cho phép tại độ cao quyết định nếu được tiến hành trong buồng lái mô phỏng hoặc thiết bị huấn luyện bay mô phỏng được phê chuẩn; và

(4) Trên tàu bay cùng loại và hạng, áp dụng, như tàu bay hoặc buồng lái mô phỏng được phê chuẩn dùng để thực hiện kiểm tra thực hành:

(i) Đại diện tàu bay cùng loại và hạng áp dụng như tàu bay đề nghị cho phép phê chuẩn; và

(ii) Được cấp phê chuẩn phù hợp với khóa huấn luyện được phê chuẩn do Trung tâm huấn luyện bay tiến hành.

(d) Thời gian bay đạt được đáp ứng các quy định có thể được sử dụng.

**PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 7.123: KIỂM TRA VẤN ĐÁP TRONG KHI THỰC HÀNH CATII HOẶC CATIII**

(a) Trong khi kiểm tra thực hành, người đề nghị phải chứng tỏ các yêu cầu về kiến thức tại Bảng 1 -7.123 qua các câu hỏi vấn đáp.

(b) Thanh tra bay và giáo viên kiểm tra bay có thể hỏi vấn đáp bất kỳ lúc nào trong khi kiểm tra thực hành.

| **BẢNG 1 - 7.123**<br>**CHỨNG TỎ CÁC KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG** | **CAT II** | **CAT III** |
|---|---|---|
| 1. Độ dài theo yêu cầu để hạ cánh | **X** | **X** |
| 2. Sử dụng và hạn chế của tầm nhìn trên đường CHC, bao gồm xác định việc kiểm soát RVR và thiết bị đo theo quy định | **X** | **X** |
| 3. Các đặc tính và hạn chế của ILS và hệ thống chiếu sáng đường băng | **X** | **X** |
| 4. Các đặc tính và hạn chế của hệ thống chỉ dẫn bay, cài tiếp cận tự động (bao gồm chia loại trục nếu được trang bị), hệ thống tay ga tự động (nếu trang bị), và thiết bị khác yêu cầu đối với CATII, CATIII | **X** | **X** |
| 5. Hệ thống cảnh báo hỏng thiết bị và trang thiết bị | **X** | **X** |
| 6. Sử dụng các điểm mốc thực tế nếu có hoặc các giới hạn và độ cao mà ở đó thông thường có thể cảm nhận được với số liệu tầm nhìn đường cất hạ cánh (RVR) bị giảm | **X** | **X** |
| 7. Thứ tự các điểm mốc quan sát thực tế trong quá trình tiếp cận trong điều kiện tầm nhìn bằng hoặc cao hơn điều kiện hạ cánh tối thiểu. | **X** | **X** |

| **BẢNG 1 - 7.123**<br>**CHỨNG TỎ CÁC KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG** | **CAT II** | **CAT III** |
|---|---|---|
| 8. Địa tiêu trong điều kiện thời tiết tối thiểu | **X** | **X** |
| 9. Nhận dạng độ cao quyết định hoặc độ cao được cảnh báo nếu áp dụng, sử dụng đồng hồ đo độ cao vô tuyến | **X** | **X** |
| 10. Các phương thức tiếp cận hụt và các kỹ thuật sử dụng thiết bị hiển thị trạng thái tàu bay theo chế độ tính toán hoặc cố định. | **X** | **X** |
| 11. Các phương thức và kỹ thuật liên quan đến chuyển từ bay thiết bị sang bay bằng mắt trong tiếp cận cuối cùng khi giảm RVR | **X** | **X** |
| 12. Nhận biết và có hành động chính xác đối với những hỏng hóc lớn trước và sau khi đạt độ cao quyết định hoặc độ cao cảnh bảo giới hạn, nếu áp dụng | **X** | **X** |
| 13. Nhận biết các giới hạn của vị trí chấp nhận được đối với tàu bay và đường bay khi tiếp cận, bay bằng, và nếu áp dụng, xả đà | | **X** |
| 14. Nhận biết và có phản ứng đối với hỏng hóc hệ thống trên không và dưới mặt đất hoặc tình trạng bất thường, đặc biệt sau khi qua độ cao quyết định hoặc độ cao cảnh báo, nếu áp dụng | | **X** |
| 15. Sự hỏng hóc không mong muốn đối với các điều kiện ít hơn RVR tối thiểu trong tiếp cận, bay bằng và xả đà | | **X** |
| 16. Thực hiện nhiệm vụ của F/O trong khai thác CATII, CATIII, trừ khi tàu bay đề nghị cấp năng định không yêu cầu F/O | **X** | **X** |
| 17. Các ảnh hưởng của gió cắt theo phương thẳng đứng và nằm ngang | **X** | **X** |

**PHỤ LỤC 3 ĐIỀU 7.123: KIỂM TRA BAY THỰC HÀNH CAT II VÀ CAT III**

(a) Bài kiểm tra bay thực hành phải được tiến hành trên tàu bay cùng loại và hạng áp dụng như tàu bay đề nghị cho phép hoặc trên buồng lái giả định được phê chuẩn:

(1) Đại diện tàu bay cùng loại và hạng áp dụng như tàu bay đề nghị cho phép phê chuẩn; và

(2) Được cấp phê chuẩn phù hợp với khóa huấn luyện được phê chuẩn do ATO tiến hành.

(b) Tất cả các lần tiếp cận được thực hiện trong khi bay phải sử dụng hệ thống hướng dẫn kiểm soát được phê chuẩn, ngoại trừ các quy định như đã nói trong bảng của mục này.

(c) Đối với việc cấp phép cho tàu bay yêu cầu năng định loại, người đề nghị phải qua kiểm tra thực hành với F/O có năng định loại tàu bay cho phép thực hiện

(d) Thanh tra bay và giáo viên kiểm tra bay có thể hỏi vấn đáp bất kỳ lúc nào trong khi kiểm tra thực hành.

(e) Các bài kiểm tra thực hành phải gồm có các thao tác và phương thức theo quy định:

(1) Trong điều kiện bay bằng thiết bị thật hoặc mô phỏng thể hiện các điều kiện thời tiết tối thiểu cho tiếp cận, hạ cánh và xả đà trong suốt bài kiểm tra thực hành;

(2) Tại độ cao tối thiểu đối với loại hoặc tiếp cận ILS của loại tàu bay kiểm tra thực hành.

*Ghi chú: Nếu bài kiểm tra thực hành được tiến hành trên tàu bay, giáo viên kiểm tra có thể giới hạn độ cao tối thiểu cao hơn phù hợp với điều kiện kiểm tra.*

| **BẢNG 2 - 7.123 CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG** | **CAT II** | **CAT III** |
|---|---|---|
| 1. Tiếp cận có cài ILS (chuyển sang hạ cánh) | **X** | **X** |
| 2. Tiếp cận có cài ILS (chuyển sang tiếp cận hụt) | **X** | **X** |
| 3. Tiếp cận ILS bằng tay, sử dụng chỉ huy hướng bay | **X** | |
| 4. Hạ cánh và xả đà tự động bình thường | | **X** |
| 5. Hạ cánh tự động bình thường với xả đà bằng tay (IIIb) sau khi hỏng mode xả đà tại điểm tiếp cận | | **X** |

| BẢNG 2 - 7.123 CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG | CAT II | CAT III |
|---|---|---|
| 6. Hạ cánh bình thường bằng tay | X | |
| 7. Tiếp cận hụt | X | X |
| 8. Tiếp cận hụt với một động cơ không hoạt động (nếu tàu bay vẫn có khả năng hoạt động) | X | X |

**PHỤ LỤC 4 ĐIỀU 7.123: CÁC YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI PHÊ CHUẨN NGƯỜI LÁI KHAI THÁC CATII VÀ CATIII**

(a) Cục HKVN phê chuẩn khai thác CATII và CATIII cho người lái như một phần của năng định thiết bị hoặc giấy phép lái máy bay vận tải hàng không. Phê chuẩn CAT II và III sẽ bao gồm các hạn chế sau đây:

(1) Đối với khai thác CATII, 1,600 bộ (ft) RVR và 150 bộ (ft) độ cao quyết định; và

(2) Đối với khai thác CATIII, theo quy định trong tài liệu cho phép.

(b) Để xóa bỏ các hạn chế đối với việc cho phép khai thác CATII III:

(1) Người được Cục HKVN cho phép khai thác CATII có thể xóa bỏ hạn chế bằng cách chứng minh được là bắt đầu từ 6 tháng trước đến khi hạ cánh trong các điều kiện khai thác bằng thiết bị mô phỏng hoặc thiết bị thật, Người khai thác loại hình này thực hiện 3 lần tiếp cận ILS CATII với độ cao quyết định là 150 ft; hoặc

(2) Người được Cục HKVN cho phép khai thác CATIII có thể xóa bỏ hạn chế bằng cách chứng tỏ đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm theo quy định.

(c) Người được phép hoặc người đề nghị cho phép khai thác CATII, CATIII có thể sử dụng buồng lái giả định hoặc thiết bị huấn luyện mô phỏng nếu được Cục HKVN phê chuẩn đáp ứng được các yêu cầu về kinh nghiệm theo quy định hoặc về kiểm tra thực hành theo quy định của Phần này về cho phép khai thác CATII, CATIII như áp dụng.

## PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.135: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HỌC VIÊN BAY

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
**MINISTRY OF TRANSPORTATION**
**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**
**CIVIL AVIATION ADMINISTRATION OF VIET NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HỌC VIÊN BAY**
**Yêu cầu viết chữ IN HOA bằng mực màu đen hoặc xanh và xem hướng dẫn ghi đơn tại trang 2**

| **1. THÔNG TIN CÁ NHÂN** | |
|---|---|
| Họ và tên:..... | |
| Chức danh:.....Ngày tháng năm sinh: ..... | |
| Quốc tịch:.....Nơi sinh:..... | |
| Địa chỉ:..... | |
| Ngày giám định sức khỏe: ..... Ngày hết hạn:..... | |
| Điện thoại liên hệ:..... | |
| E-mail:..... | |
| Địa chỉ liên hệ khác (nếu có):..... | |

| **2. PHẦN KINH NGHIỆM TÍCH LŨY** | | |
|---|---|---|
| Tổ chức huấn luyện | Kiểm tra sát hạch | Ngày đạt |
| | | |
| | | |
| **KINH NGHIỆM TÍCH LŨY (GIỜ BAY)** | | |
| Lái chính | Thiết bị | Tổng giờ bay |
| | | |

**3. CAM KẾT CỦA NGƯỜI LÀM ĐƠN**

Tôi xin cam đoan những thông tin tôi đã khai ở trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chữ ký: Ngày tháng năm:

**4. CAM KẾT CỦA GIÁO VIÊN HUẤN LUYỆN BAY**

Tổ chức huấn luyện:

Tôi xin đảm bảo rằng học viên hoàn toàn đáp ứng các quy định trong tài liệu huấn luyện về bay theo quy tắc bay bằng mắt ban ngày (Tôi xin đính kèm hồ sơ huấn luyện của học viên), đạt kết quả trong kỳ thi lý thuyết nêu tại phần B, và đáp ứng các quy định nêu tại VAR 7/135.

Kính đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy phép cho học viên nói trên.

| Chữ ký của Giáo viên huấn luyện bay | Ngày | Tên | Số Giấy phép |
|---|---|---|---|
| | | | |

| Số hiệu chuyến bay kiểm tra | Ngày | Chặng bay |
|---|---|---|
| | | |

Nhận xét

.....

.....

Tôi xin đảm bảo rằng tôi đã thực hiện chuyến bay kiểm tra cho học viên nói trên theo quy định tại VAR.7/135 và trong quá trình kiểm tra, học viên đã đạt yêu cầu theo quy định tại tài liệu huấn luyện bay theo quy tắc bay bằng mắt ban ngày.

| Giám đốc Cơ sở huấn luyện | Ngày | Tên | Số Giấy phép |
|---|---|---|---|
| | | | |

| **5. PHẦN DÀNH CHO CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM** | | | |
|---|---|---|---|
| ***Chuyên viên cấp phép*** | ***Hồ sơ gồm*** | ***Điều kiện hạn chế*** | ***Ký duyệt*** |
| | | | |

| **6. NỘP PHÍ VÀ LỆ PHÍ** | | | |
|---|---|---|---|
| Phí và lệ phí phải được nộp cùng hồ sơ cấp phép, trừ khi có sự thỏa thuận khác, hồ sơ cấp phép sẽ không được Cục Hàng không Việt Nam xem xét giải quyết nếu phí và lệ phí không được nộp đầy đủ theo mức do Nhà nước quy định. | | | |
| Người làm đơn trả | | Công ty người làm đơn trả | |

**7. Hướng dẫn nộp đơn và hồ sơ**

Gửi đơn tới:

**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - PHÒNG TIÊU CHUẨN AN TOÀN BAY**
**119 NGUYỄN SƠN - QUẬN LONG BIÊN - TP. HÀ NỘI**

Hồ sơ đi kèm:
(a) sổ ghi giờ bay
(b) giấy phép lái tàu bay chuyên nghiệp do nước ngoài cấp nếu có
(c) chứng chỉ sức khỏe loại I còn hiệu lực
(d) 02 ảnh 3x4 và giấy tờ nhận dạng (CMND, hộ chiếu, .....)

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.137: CÁC THAO TÁC VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN HỌC VIÊN TRƯỚC KHI BAY ĐƠN**

(a) Ngoài các yêu cầu ở mục 7.137, người lái học viên được huấn luyện bay đơn phải được huấn luyện bay có ghi nhật ký theo quy định tại Bảng 1-7.137 về các thao tác và các phương thức, như áp dụng, đối với mỗi năng định hạng và loại:

*Ghi chú: Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/và hạng tàu bay như sau:*

*A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; RG= Tàu bay động cơ Rotor- Gyroplane; G= Tầu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)*

| **BẢNG 1 - 7.137**<br>**CÁC THAO TÁC VÀ PHƯƠNG THỨC CỤ THỂ** | **A** | **RH** | **RG** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) Các quy trình chuẩn bị bay cụ thể, bao gồm chuẩn bị và kế hoạch trước khi bay, khởi động hệ thống tạo lực và các hệ thống của tàu bay | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (2) Bố trí và các phương thức lắp đặt | | | | | | **X** |
| (3) Các quy trình lắp đặt và tháo rời tầu lượn | | | | **X** | | |
| (4) Lăn hoặc khai thác trên bể mặt, gồm cả runups | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (5) Kiểm tra việc chỉnh hướng kéo và xem lại hệ thống tín hiệu và các phương thức đưa vào khai thác | | | | **X** | | |
| (6) Kéo đẩy trên không, kéo đẩy dưới mặt đất, hoặc các phương thức tự vận hành | | | | **X** | | |
| (7) Bay chờ và các vòng lượn bay chờ | | **X** | | | | |
| (8) Cất cánh và hạ cánh, bao gồm CHC bình thường và có gió cạnh | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (9) Khởi hành: bình thường và có gió cạnh | | | | **X** | | |
| (10) Phương thức bay tại sân bay bao gồm cả đi và đến. | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | |

| **BẢNG 1 - 7.137**<br>**CÁC THAO TÁC VÀ PHƯƠNG THỨC CỤ THỂ** | **A** | **RH** | **RG** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (11) Chống va chạm, tránh gió cắt va tránh nhiễu động không khí | X | X | X | X | X | X |
| (12) Lấy độ cao và hạ độ cao | | | | | | X |
| (13) Lấy độ cao và vòng lượn lấy độ cao | X | X | X | X | X | X |
| (14) Bay thẳng và theo mức độ, vòng lượn theo cả hai hướng | X | X | X | X | X | X |
| (15) Các phương thức và kỹ thuật bay cao | | | | X | | |
| (16) Căn chỉnh, cân bằng và và kiểm soát áp suất trong ballonets và superheating | | | | | X | |
| (17) Vận hành nguồn khí nóng hoặc gas, cân bằng, van, thông gió và kênh rip như áp dụng | | | | | | X |
| (18) Hạ độ cao với vòng lượn và không vòng lượn sử dụng cấu hình lực cản cao và thấp | X | X | X | X | X | X |
| (19) Bay với các vận tốc khác nhau từ bay đường dài đến bay chậm | X | X | X | X | X | |
| (20) Vào thất tốc từ các trạng thái bay khác nhau và tổng hợp của công suất với khả năng phục hồi được bắt đầu ngay khi có dấu hiệu chỉ báo thất tốc đầu tiên, và sự phục hồi từ thất tốc toàn phần. | X | X | | X | | |
| (21) Các phương thức khẩn nguy và sai chức năng thiết bị | X | X | X | X | X | X |
| (22) Cơ động trên mặt đất | X | X | X | | | |
| (23) Tiếp cận khu vực hạ cánh | X | X | X | X | X | X |
| (24) Ảnh hưởng của gió khi lấy độ cao và đối với các góc tiếp cận | | | | | | X |
| (25) Phát hiện các trở ngại và các kỹ thuật tránh trở ngại | | | | | | X |

| **BẢNG 1 - 7.137**<br>**CÁC THAO TÁC VÀ PHƯƠNG THỨC CỤ THỂ** | **A** | **RH** | **RG** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (26) Tiếp cận khu vực hạ cánh với động cơ giả định thực hiện sai chức năng | **X** | **X** | **X** | | **X** | |
| (27) Tiếp cận với một động cơ giả định không hoạt động và hạ cánh đối với tàu bay nhiều động cơ | | **X** | | | | |
| (28) Trượt đến điểm hạ cánh | **X** | | | **X** | | |
| (29) Hạ cánh với tinh chỉnh tĩnh tích cực và bất lợi | | | | | **X** | |
| (30) Hạ cánh với các phương thức khôi phục | | | | | | **X** |
| (31) Giảm tốc độ nhanh | | **X** | | | | |
| (32) Bay vòng lượn | **X** | **X** | **X** | | **X** | |
| (33) Các phương thức khẩn nguy giả định, bao gồm giảm độ cao với cánh quay trực thăng ở chế độ làm việc tự xoay và khôi phục lại công suất để bay treo. | | **X** | | | | |
| (34) Các phương thức khẩn nguy giả định, bao gồm cả việc hạ cánh với tất cả động cơ bị mất công suất và cất cánh giả định với việc hỏng hệ thống tạo lực đẩy. | | | **X** | | | |
| (35) Giảm độ cao nhanh với động cơ hoạt động và với động cơ giả định không hoạt động và khôi phục từ các tình trạng này | | | **X** | | | |
| (36) Khai thác khẩn nguy, bao gồm các phương thức khai thác khi break towline | | | | **X** | | |
| (37) Sử dụng van xả áp hoặc cửa xả áp bảo vệ đối với giả định tình huống khẩn nguy | | | | | | **X** |

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.140: CÁC THAO TÁC VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN HỌC VIÊN BAY ĐƯỜNG DÀI**

(a) Học viên người lái được huấn luyện bay đường dài phải được huấn luyện có ghi nhật ký với các thao tác và phương thức theo quy định tại Bảng 1-7.140.

*Ghi chú: Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ hạng hoặc/ và loại tàu bay như sau: A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; PL=Nâng bằng công suất* (Powered Lift*; G= Tầu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)*

| **BẢNG 1 - 7.140**<br>**CÁC THAO TÁC VÀ PHƯƠNG THỨC CỤ THỂ** | **A** | **RH** | **PL** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) Sử dụng các sơ đồ hàng không đối với dẫn đường VFR sử dụng với sự hỗ trợ của la bàn từ | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | |
| (2) Sử dụng sơ đồ về tính năng của tàu bay liên quan đến bay đường dài | **X** | **X** | **X** | | **X** | |
| (3) Lấy và phân tích các báo cáo và dự báo thời tiết hàng không bao gồm nhận biết các tình huống khí hậu đặc biệt và dự đoán tầm nhìn trong khi bay | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | |
| (4) Nhận biết thời tiết và các điều kiện khí quyển cao hơn thuận lợi cho việc bay cao lên, hạ độ cao và kiểm soát độ cao trong bay đường dài | | | | **X** | | |
| (5) Nhận biết thời tiết và các điều kiện khí quyển cao hơn khi tiến hành hướng bay đường dài | | | | | **X** | |
| (6) Nhận biết, tránh và các hạn chế trong khai thác khi vào khu vực địa hình hiểm trở nơi học viên tiến hành chuyến bay huấn luyện đường dài | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | |
| (7) Sử dụng đài dẫn đường VFR và liên lạc hai chiều | **X** | **X** | **X** | | **X** | |
| (8) Lấy độ cao tại góc tốt nhất và tỷ lệ tốt nhất | **X** | **X** | **X** | | | |
| (9) Kiểm soát áp suất không khí liên quan đến lấy độ cao và hạ độ cao chuyến bay và kiểm soát độ cao | | | | | **X** | |

| BẢNG 1 - 7.140<br>CÁC THAO TÁC VÀ PHƯƠNG THỨC CỤ THỂ | A | RH | PL | G | LA | FB |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (10) Kiểm soát và hành động chủ yếu theo phương thức bay bằng thiết bị, bao gồm bay thẳng và bay level, vòng lượn, hạ độ cao, lấy độ cao, sử dụng hỗ trợ của đài dẫn đường, và các chỉ lệnh của ATC | X | X | X | | X | |
| (11) Hạ cánh không sử dụng đồng hồ đo độ cao từ ít nhất 2000 bộ (ft) so với mặt đất | | | | X | | |

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.155: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI TƯ NHÂN**

(a) Ngoài các yêu cầu ở mục 7.155, các yêu cầu về kiến thức hàng không đối với người lái tư nhân phù hợp với năng định loại và hạng đề nghị cấp quy định trong bảng sau:

*Ghi chú: Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/ và hạng tàu bay như sau:*

*A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; RG= Tàu bay động cơ Rotor- Gyroplane; G= Tầu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)*

| BẢNG 1 - 7.153<br>CÁC MÔN HỌC CỤ THỂ | A | RH | RG | PL | G | LA | FB |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (a) Áp dụng luật và các quy định về hàng không, quy trình lấy dụng cụ đo; các phương thức và thực hành dịch vụ không lưu phù hợp | X | X | X | X | X | X | X |
| (b) Các quy tắc khai thác (và lập chức năng của hệ thống tạo lực, nếu áp dụng), hệ thống và thiết bị bao gồm các giới hạn liên quan đến năng định loại tàu bay đề nghị cấp | X | X | X | X | X | X | X |

| **BẢNG 1 - 7.153**<br>**CÁC MÔN HỌC CỤ THỂ** | **A** | **RH** | **RG** | **PL** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (c) Các hạn chế trong khai thác của loại tàu bay có liên quan (và hệ thống tạo lực nếu áp dụng), thông tin về khai thác có liên quan từ tài liệu hướng dẫn khai thác bay và tài liệu phù hợp khác | X | X | X | X | X | X | X |
| (d) Các phương thức chuyển đổi (truyền dẫn động); | | X | | X | | | |
| (e) Các đặc tính vật lý và áp dụng thực hành gas | | | | | | X | X |
| (f) Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân phối trọng tải dựa trên các đặc tính bay, trọng tải và tính toán cân bằng. | X | X | X | X | X | X | X |
| (g) Sử dụng và thực hành áp dụng cất cánh, hạ cánh và các dữ liệu khác, bao gồm ảnh hưởng của nhiệt độ; | X | X | X | X | X | X | X |
| (h) Lập kế hoạch trước khi bay và trong chuyến bay phù hợp với khai thác tư nhân bằng VFR bao gồm: | X | X | X | X | | X | |
| (1) Lập kế hoạch trước khi bay và trong chuyến bay phù hợp với khai thác tư nhân bằng VFR; chuẩn bị và thực hiện lập kế hoạch bay dịch vụ không lưu; | X | X | X | X | | X | |
| (2) Các phương thức bay dịch vụ không lưu phù hợp | X | X | X | X | X | X | X |
| (3) Các phương thức báo cáo vị trí | X | X | X | X | | X | |
| (4) Các phương thức chỉnh thiết bị đo độ cao | X | X | X | X | X | X | X |
| (5) Khai thác trong khu vực bay với mật độ cao, tránh va chạm | X | X | X | X | X | X | X |

| **BẢNG 1 - 7.153**<br>**CÁC MÔN HỌC CỤ THỂ** | **A** | **RH** | **RG** | **PL** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (6) Thu lượm thông tin trên độ dài đường CHC tại sân bay có ý định sử dụng, dữ liệu về khoảng cách cất cánh và hạ cánh | X | X | X | X | X | | |
| (7) Xác định các yêu cầu tối thiểu về nhiên liệu | X | X | X | X | | X | X |
| (8) Lập kế hoạch chuyển đổi nếu chuyến bay theo kế hoạch không thể thực hiện hoặc trì hoãn; | X | X | X | X | X | X | X |
| (9) Khai thác trong khu vực bay với mật độ cao | X | X | X | X | X | X | X |
| (i) Đặc điểm của con người liên quan đến loại tàu bay bao gồm các quy tắc quản lý rủi ro và đe dọa | X | X | X | X | X | X | X |
| (j) Áp dụng khí tượng hàng không | X | X | X | X | X | X | X |
| (1) Các phương thức tiếp nhận thông tin thời tiết; thiết bị đo | X | X | X | X | X | X | X |
| (2) Lấy và sử dụng các báo cáo và dự báo thời tiết | X | X | X | X | X | X | X |
| (k) Các phương diện thực hành về dẫn đường trên không và kỹ thuật dead-reckoning; sử dụng sơ đồ hàng không đối với dẫn đường VFR; | X | X | X | X | X | X | X |
| (l) Áp dụng quản lý đe dọa và rủi ro trong khai thác | X | X | X | X | | X | X |
| (m) Các phương thức chỉnh thiết bị đo độ cao | X | X | X | X | X | X | X |
| (n) Sử dụng các tài liệu hàng không như AIP, NOTAM, các code và chữ viết tắt | X | X | X | X | X | X | X |
| (o) Các phương thức khẩn nguy và đề phòng và các hành động liên quan đến loại tàu bay; bao gồm: | | | | | | X | X |

| **BẢNG 1 - 7.153**<br>**CÁC MÔN HỌC CỤ THỂ** | **A** | **RH** | **RG** | **PL** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) Tránh khu vực thời tiết xấu, nhiễu động và các đe dọa khác đối với khai thác; | | | | | | **X** | **X** |
| (p) Các hành động tránh đe dọa đối với khai thác như ổn định động cơ, sự cộng hưởng trên mặt đất, mất điều khiển lá quét lùi, quay động lực học và các đe dọa khác đối với khai thác; các phương thức khai thác an toàn gắn với bay trong VMC; | | **X** | **X** | | | | |
| (q) Các quy tắc bay liên quan đến loại tàu bay | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (r) Các phương thức liên lạc vô tuyến điện và thoại như áp dụng với khai thác VFR; hành động khi hỏng thiết bị liên lạc | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (u) Các phương thức khởi hành khác nhau và các phương thức kết hợp | | | | | **X** | **X** | **X** |
| (v) quy trình báo cáo sự cố | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.157: CÁC YÊU CẦU VỀ HƯỚNG DẪN BAY PHI CÔNG TƯ NHÂN**

(a) Ngoài các yêu cầu ở mục 7.157, người đề nghị cấp giấy phép lái máy bay tư nhân phải được huấn luyện trên mặt đất và huấn luyện bay có ghi nhật ký do giáo viên được Cục HKVN bổ nhiệm phù hợp với năng định loại và hạng tàu bay hướng dẫn theo quy định tại bảng sau:

*Ghi chú: Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/ và hạng tàu bay như sau: A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; G= Tầu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)*

| **BẢNG 1 - 7.157**<br>**HUẤN LUYỆN CỤ THỂ** | **AS** | **RH** | **PL** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (a) Nhận biết và quản lý đe dọa và rủi ro; | X | X | X | | X | |
| (b) Khai thác trước khi bay bao gồm | X | X | X | X | X | X |
| (1) Xác định trọng tải và cân bằng | X | X | X | X | X | X |
| (2) Kiểm tra và chuẩn bị đưa tàu bay vào khai thác | X | X | X | X | X | X |
| (3) Lắp đặt, căn chỉnh và kiểm tra tàu bay | | | | X | | X |
| (4) Bơm và chằng tàu bay | | | | | X | X |
| (c) Khai thác sân bay và không lưu, bao gồm: | X | X | X | X | X | X |
| (1) Các phương thức và đề phòng tránh nhiễu động. | X | X | X | X | X | |
| (2) Khai thác đến và đi và chuyển sân bay kiểm soát, tuân thủ các phương thức dịch vụ không lưu; | X | X | X | X | X | |
| (3) Khai thác không lưu, | X | X | X | X | X | |
| (4) Khai thác đi và đến các sân bay; | X | X | X | X | X | |
| (5) Khai thác đi và đến điểm đỗ của thủy phi cơ; | X | | | | | |
| (6) Khai thác đi và đến sân bay trực thăng | | X | | | | |
| (7) Khai thác đi và đến điểm đỗ của tầu lượn | | | | X | | |
| (d) Kiểm soát tàu bay bằng mắt thường; | X | X | X | X | X | X |
| (e) Các thao tác trên mặt đất | X | X | X | | | |
| (f) Kiểm soát tàu bay trong mọi trạng thái bay và các chế độ đặc biệt của chuyến bay, bao gồm: | | | | | | |
| (1) Bay với tốc độ rất chậm; nhận biết và hồi phục từ các giai đoạn đầu của thất tốc và thất tốc toàn phần. | X | | X | X | | |

| **BẢNG 1 - 7.157**<br>**HUẤN LUYỆN CỤ THỂ** | **AS** | **RH** | **PL** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (2) Bay với tốc độ tối đa cho phép | **X** | | **X** | **X** | | |
| (3) Phục hồi thất tốc trong giai đoạn đầu bằng việc điều chỉnh công suất, kỹ thuật phục hồi thất tốc do chế độ vòng quay thấp trong dải vòng quay bình thường của động cơ; | | **X** | **X** | | | |
| (4) Nhận biết và phục hồi ở chế độ giảm độ cao quá nhanh. | | | | | | **X** |
| (g) Cất cánh và hạ cánh bao gồm: | | | | | | |
| (1) CHC bình thường | **X** | | | **X** | **X** | |
| (2) CHC có gió cắt | **X** | | | **X** | **X** | |
| (3) Cất cánh với các đặc tính tối đa (có chướng ngại vật hoặc đường cất hạ cánh ngắn) | **X** | | | | **X** | |
| (4) Hạ cánh ngắn | **X** | | | **X** | | |
| (5) Bay vòng lượn | **X** | | | | **X** | |
| (6) Vận chuyển trên mặt đất và nổ máy động cơ, cất và hạ cánh treo, có gió mạnh bất thường hoặc mặt đất có độ dốc. | | **X** | **X** | | | |
| (7) CHC với lực cần thiết tối thiểu; trong lượng cất cánh tối đa và các kỹ thuật hạ cánh; khai thác tại khu vực cấm; dừng nhanh; | | **X** | **X** | | | |
| (8) Các kỹ thuật và phương thức sử dụng phương pháp cất cánh (khởi hành và lấy độ cao) bao gồm giới hạn tốc độ phù hợp, các phương thức khẩn nguy và các tín hiệu được sử dụng; | | | | **X** | **X** | **X** |
| (9) Các phương thức tiếp cận và hạ cánh, bao gồm: | | | | | **X** | **X** |
| (h) Bay đường dài sử dụng | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |

| **BẢNG 1 - 7.157**<br>**HUẤN LUYỆN CỤ THỂ** | **AS** | **RH** | **PL** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) Mắt thường; | X | X | X | X | X | X |
| (2) Dead reckoning; | X | X | X | X | X | |
| (3) Hỗ trợ của đài dẫn đường, nơi có đài dẫn đường, | X | X | X | X | X | |
| (4) Bao gồm bay ít nhất là 1h. | | X | X | X | X | |
| (i) Bay chủ yếu bằng thiết bị, bao gồm thực hiện vòng lượn 180° | X | X | X | | X | |
| (j) Khai thác khẩn nguy bao gồm: | | | | | | |
| (1) Thiết bị giả định thực hiện sai chức năng đối với loại tàu bay cụ thể | X | X | X | X | X | |
| (2) Tiếp cận tự động | | X | X | | | |
| (3) Công suất liên quan đến xoay tự động và tiếp cận xoay tự động, nếu áp dụng; truyền động và driveshaft bị hỏng, nếu áp dụng | | | X | | | |
| (5) Nhận biết rò rỉ | X | X | X | X | X | X |
| (k) Các phương thức liên lạc và thoại | X | X | X | X | X | |
| (l) Kỹ thuật bay trồi lên và ở các tốc độ thuộc đặc tính của tàu bay | | | | X | | |
| (1) Bay đường dài hơn 250 dặm biển, với CHC tại ba điểm riêng biệt | X | X | X | | | |
| (2) Bay đường dài hơn 1h hoặc 100 dặm biển, với CHC tại ba điểm riêng biệt | | X | X | | | |
| (3) Bay đêm, bao gồm CHC và dẫn đường | X | X | X | | X | |
| (4) Bay đêm, bao gồm CHC và dẫn đường, nếu có năng định bay đêm | | | | X | | X |
| (5) Các phương thức khai thác sau khi bay | X | X | X | X | X | X |

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.160: CÁC QUY ĐỊNH VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI PHI CÔNG TƯ NHÂN**

(a) Các yêu cầu nêu trong bảng này bổ sung vào các yêu cầu của mục 7.160

*Ghi chú 1*: *Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/ và hạng tàu bay như sau:*

*A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; RG= Tàu bay động cơ Rotor- Gyroplane; G= Tầu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)*

*Ghi chú 2: TR= Chuyển từ A sang Rotocraft; TG= Chuyển từ A sang G; TA = Chuyển từ A hoặc R sang Airship; TP= Chuyển từ A sang PL.*

| **BẢNG 1 - 7.160<br>KINH NGHIỆM CỤ THỂ** | **AS** | **T R** | **TG** | **RH** | **RG** | **G** | **TA** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **SỐ GIỜ BAY TỐI THIỂU** | | | | | | | | | |
| (1) Tổng giờ bay | **40** | | | **40** | **40** | | | **40** | |
| (2) Tổng giờ bay - Khóa học được phê chuẩn | **35** | | | **35** | **40** | | | **40** | |
| (3) Hướng dẫn bay - Hạng tàu bay | 20 | 20 | 2 | 20 | 20 | 10 | 20 | 20 | 16 |
| (4) Hướng dẫn bay - Bay đường dài | 3 | | | 3 | 3 | | | 3 | |
| (5) Hướng dẫn bay - Thiết bị | 3 | 1 | | 2 | 3 | | 1 | 3 | |
| (6) Hướng dẫn bay - Chuẩn bị kiểm tra thực hành (trước 60 ngày) | 3 | 3 | | 3 | 3 | | 3 | 3 | |
| (7) Thời gian bay đơn dưới sự giám sát của giáo viên huớng dẫn bay | 10 | 5 | 2 | 10 | 10 | 2 | 5 | 10 | |
| (8) Thời gian bay đơn - Bay đường dài | 5 | | | 5 | 5 | | | 5 | |

| **BẢNG 1 - 7.160 KINH NGHIỆM CỤ THỂ** | **AS** | **T R** | **TG** | **RH** | **RG** | **G** | **TA** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ** | | | | | | | | | |
| (9) Số lần cất hạ cánh đơn đến điểm dừng hoàn toàn {với mỗi lần hạ cánh liên quan đến chuyến bay theo phương thức vòng lượn} tại sân bay với đài kiểm soát đang hoạt động | 5 | | | 5 | 5 | | | 5 | |
| (10) Bay đơn đường dài (theo quy định tối thiểu là 300 dặm), trong hành trình được thực hiện với hai điểm hạ cánh khác nhau. | | | | | | | | | |
| (11) Kinh khí cầu tự do lấy độ cao, nếu dùng gas, đến 2000ft AGL | | | | | | | | | 1 |
| (12) Kinh khí cầu tự do lấy độ cao, nếu dùng bộ làm nóng, đến 3000 ft AGL | | | | | | | | | 2 |
| **SỐ CHUYẾN BAY** | | | | | | | | | |
| (13) Các chuyến bay huấn luyện (Khởi hành và hạ cánh) | | | **10** | | | **20** | | | **8** |
| (14) Các chuyến bay đơn | | | **5** | | | **10** | | | **3** |
| (15) Các chuyến bay huấn luyện - Chuẩn bị kiểm tra thực hành (trong vòng 60 ngày) | | | **3** | | | **3** | | | **1** |

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.163: CÁC HẠN CHẾ TRONG GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI TƯ NHÂN CÓ NĂNG ĐỊNH KINH KHÍ CẦU**

(a) Các yêu cầu trong Phụ lục này bổ sung cho Điều 7.163.

(b) Nếu người đề nghị cấp giấy phép người lái tư nhân với năng định kinh khí cầu kiểm tra thực hành trên kinh khí cầu dùng hơi nóng thì:

(1) Cục HKVN phải giới hạn trong giấy phép là năng định kinh khí cầu dùng hơi nóng; và

(2) Người lái có thể xóa bỏ hạn chế bằng cách đạt được kinh nghiệm lái kinh khí cầu gas và được giáo viên hướng dẫn do Cục HKVN bổ nhiệm xác nhận trong nhật ký bay là anh ta có đầy đủ kinh nghiệm theo quy định và có khả năng khai thác kinh khí cầu gas.

(c) Nếu người đề nghị cấp giấy phép tư nhân với năng định kinh khí cầu kiểm tra thực hành trên khí cầu gas thì:

(1) Cục HKVN phải giới hạn trong giấy phép là năng định kinh khí cầu gas; và

(2) Người lái có thể xóa bỏ hạn chế bằng cách đạt được kinh nghiệm lái khinh khí cầu có bộ đốt trong khi bay (airborne heater) và được giáo viên hướng dẫn do Cục HKVN bổ nhiệm chứng thực vào nhật ký bay là anh ta có đầy đủ kinh nghiệm theo quy định và có khả năng khai thác kinh khí cầu arborne heater.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.175: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC LÝ THUYẾT ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THƯƠNG MẠI**

(a) Ngoài các quy định tại mục 7.175, người đề nghị cấp giấy phép thương mại phải được huấn luyện trên mặt đất có ghi nhật ký do giáo viên được Cục HKVN bổ nhiệm hướng dẫn về các lĩnh vực kiến thức tại khoản (b) của mục này áp dụng đối với năng định loại và hạng tàu bay đề nghị cấp.

*Ghi chú 1*; *Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/ và hạng tàu bay như sau: A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; RG= Tàu bay động cơ Rotor- Gyroplane; G= Tầu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)*

| **BẢNG 1 - 7.175**<br>**CÁC MÔN CỤ THỂ** | **A** | **RH** | **PL** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (a) Áp dụng luật và các quy định liên quan đến người có CPL, các quy tắc không lưu và các phương thức và thực hành dịch vụ không lưu phù hợp | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (b) Các quy tắc khai thác và hoạt động của hệ thống tạo lực, các hệ thống và thiết bị bao gồm các giới hạn liên quan đến năng định tàu bay đề nghị cấp | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (c) Các hạn chế trong khai thác của loại tàu bay và hệ thống tạo lực có liên quan; các thông tin về khai thác có liên quan từ tài liệu hướng dẫn bay hoặc tài liệu phù hợp khác; | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (d) Sử dụng và kiểm tra khả năng hoạt động của thiết bị và hệ thống tàu bay phù hợp; | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (e) Các quy trình bảo dưỡng khung sườn, hệ thống và hệ thống tạo lực của tàu bay phù hợp; | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (f) Truyền động; | | **X** | **X** | | | |
| (g) Các đặc tính vật lý và áp dụng đối với gas; | | | | | **X** | **X** |
| (h) Các ảnh hưởng của chất tải và phân phối trọng lượng đối với các đặc tính và tính năng; tính tải và cân bằng | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (i) Sử dụng và áp dụng thực tế CHC và các dữ liệu về tính năng khác, | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (j) Lập kế hoạch bay trước khi bay và trong chuyến bay phù hợp với khai thác thương mại theo VFR; bao gồm: | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (1) Lập kế hoạch bay trước khi bay và trong chuyến bay phù hợp với khai thác tư nhân theo VFR; chuẩn bị và thực hiện các kế hoạch bay dịch vụ không lưu; | **X** | **X** | **X** | | **X** | |

| **BẢNG 1 - 7.175**<br>**CÁC MÔN CỤ THỂ** | **A** | **RH** | **PL** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (2) Các phương thức dịch vụ không lưu phù hợp; | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (3) Các phương thức báo cáo vị trí của tàu bay; | **X** | **X** | **X** | | **X** | |
| (4) Các quy trình đặt đồng hồ đo độ cao; | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (5) Khai thác trong khu vực có mật độ không lưu cao; tránh va chạm | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (6) Thu thập thông tin về độ dài đường CHC tại sân bay dự kiến sử dụng, dữ liệu về khoảng cách CHC; | **X** | **X** | **X** | **X** | | |
| (7) Xác định các yêu cầu tối thiểu về nhiên liệu; | **X** | **X** | **X** | | **X** | **X** |
| (8) Lập kế hoạch thay thế nếu chuyến bay theo kế hoạch không thể thực hiện hoặc bị trì hoãn | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (k) Các ảnh hưởng của việc chất tải bên ngoài đối với việc điều khiển; | | **X** | **X** | | | |
| (l) Đặc điểm của con người bao gồm các quy tắc quản lý đe dọa và rủi ro; | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (m) Dịch và áp dụng các báo cáo, sơ đồ và dự báo khí tượng; sử dụng và các phương thức thu thập thông tin khí tượng trước và trong chuyến bay; đồng hồ đo độ cao; | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (n) Khí tượng hàng không; khí hậu tại các khu vực liên quan đối với các yếu tố có ảnh hưởng đến hàng không; sự chuyển động của hệ thống áp suất, cấu trúc phía trước; và đặc điểm và các đặc tính của hiện tượng thời tiết điển hình có ảnh hưởng đến các điều kiện cất cánh, trong khi bay và hạ cánh; | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (o) Các nguyên nhân, nhận biết và ảnh hưởng của sự đóng băng; các phương thức đưa vào ở phía trước; tránh khu vực thời tiết xấu; | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |

| **BẢNG 1 - 7.175**<br>**CÁC MÔN CỤ THỂ** | **A** | **RH** | **PL** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (p) Không lưu, bao gồm việc sử dụng các sơ đồ, thiết bị và hỗ trợ dẫn đường, sự am hiểu các quy tắc và các đặc tính của hệ thống dẫn đường phù hợp; | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (q)(i) Sử dụng, hạn chế và khả năng hoạt động của hệ thống điện điện tử và các thiết bị cần thiết đối với kiểm soát và dẫn đường | | | | | **X** | |
| (q)(ii) Sử dụng, độ chính xác và độ tin cậy của hệ thống dẫn đường được sử dụng trong các giai đoạn cất cánh, bay hành trình và hạ cánh của chuyến bay. | | | | | **X** | |
| (q)(iii) Các nguyên lý và đặc tính của hệ thống dẫn đường của tàu bay và hệ thống thống dẫn đường và tham chiếu bên ngoài, sự hoạt động của các thiết bị trên tàu bay. | | | | | **X** | |
| (r) Áp dụng quản lý rủi ro và đe dọa đối với tính năng khai thác; | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (s) Sử dụng các tài liệu hàng không như AIP, NOTAM, các mã cài đặt và chữ viết tắt | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (t) Quy trình đặt đồng hồ | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (u) Quy trình đề phòng và khẩn nguy phù hợp, | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (v) Các phương thức khai thác vận chuyển thẳng (bao gồm chất tải bên ngoài), các nguy cơ nguy hiểm liên quan đến hàng nguy hiểm; | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (w) Các yêu cầu và thực hành giảng bình an toàn cho hành khách, bao gồm đề phòng khi đưa hành khách lên tàu bay và rời khỏi tàu bay; | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| (x) Các hành động khẩn nguy và đề phòng để tránh rủi ro trong khai thác, như ổn định động cơ; | | **X** | **X** | | | |

| BẢNG 1 - 7.175<br>CÁC MÔN CỤ THỂ | A | RH | PL | G | LA | FB |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (y) Các quy tắc bay; | X | X | X | X | X | X |
| (z) Các phương thức liên lạc điện đài và thoại như áp dụng khai thác VFR; hoạt động trong trường hợp liên lạc hỏng. | X | X | X | X | X | X |

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.177: CÁC YÊU CẦU VỀ HƯỚNG DẪN BAY ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP CPL**

(a) Tổng quát: Ngoài các quy định tại mục 7.177, người đề nghị cấp CPL phải được huấn luyện trên mặt đất và huấn luyện bay có ghi nhật ký do giáo viên được Cục HKVN bổ nhiệm hướng dẫn về các giai đoạn bay khai thác áp dụng đối với năng định hạng và loại đề nghị cấp theo quy định tại bảng dưới đây.

*Ghi chú 1*; *Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/ và hạng tàu bay như sau: A= Máy bay; G= Tầu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)*

| BẢNG 1 - 7.177<br>CÁC YÊU CẦU HUẤN LUYỆN CỤ THỂ | A | RH | PL | G | LA | FB |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) Nhận biết và quản lý rủi ro và đe dọa; | X | X | X | X | X | X |
| (2) Cân bằng khai thác trước khi bay, xác định trọng tải, kiểm tra và phục vụ tàu bay. | X | X | X | X | X | X |
| (3) Sân bay và khai thác bay vòng lượn bao gồm: | X | X | X | X | X | X |
| (a) Các phương thức cảnh báo tránh va chạm. | X | X | X | X | X | |
| (b) Khai thác đi, đến và bay qua sân bay có kiểm soát phù hợp với các phương thức dịch vụ không lưu | X | X | X | X | X | |
| (c) Khai thác bay vòng lượn, | X | X | X | X | X | |
| (d) Khai thác đi và đến các sân bay | X | X | X | X | X | |
| (4) Kiểm soát tàu bay bằng địa tiêu | X | X | X | X | X | X |
| (5) Kiểm soát tàu bay trong các giai đoạn bay xung yếu, bao gồm: | | | | | | |

| **BẢNG 1 - 7.177**<br>**CÁC YÊU CẦU HUẤN LUYỆN CỤ THỂ** | **A** | **RH** | **PL** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (a) Bay với tốc độ chậm đặc biệt; nhận dạng và hồi phục từ giai đoạn chòng chành ban đầu. | **X** | | **X** | **X** | | |
| (b) Bay với công suất lệch đối với năng định hạng hoặc loại tàu bay nhiều động cơ | **X** | | **X** | **X** | | |
| (c) Bay ở độ cao tối đa cho phép | **X** | | **X** | **X** | | |
| (d) Hồi phục ở giai đoạn đầu bằng cách ổn định công suất; kỹ thuật | | **X** | **X** | | | |
| (e) Bay treo ngoài tác động của các ảnh hưởng từ mặt đất, khai thác với tải treo ngoài nếu áp dụng; bay ở độ cao cao. | | **X** | **X** | | | |
| (6) CHC, bao gồm: | | | | | | |
| (a) CHC bình thường | **X** | | | **X** | **X** | |
| (b) CHC có gió cắt | **X** | | | **X** | **X** | |
| (c) Tính năng tối đa | **X** | | | | **X** | |
| (d) Hạ cánh ngắn | **X** | | | **X** | | |
| (e) Bay vòng lượn | **X** | | | | **X** | |
| (f) Vận hành trên mặt đất và nổ máy động cơ, cất và hạ cánh treo, trong trường hợp bình thường, gió mạnh hoặc mặt đất bị dốc, hoặc tiếp cận thẳng đứng hoặc độ dốc lớn. | | **X** | **X** | | | |
| (g) Cất cánh, lấy độ cao và tiếp cận theo phương thức Rolling. | | **X** | **X** | | | |
| (h) CHC với công suất động cơ tối thiểu cần thiết; các kỹ thuật CHC sử dụng tính năng tối đa; khai thác tại khu vực cấm, dừng nhanh; | | **X** | **X** | | | |
| (i) Các kỹ thuật và phương thức cất cánh (phương pháp rời đất và lấy độ cao được sử dụng, bao gồm cả các giới hạn tốc độ phù hợp và phương thức cũng như tín hiệu sử dụng. | | | | **X** | **X** | **X** |

| **BẢNG 1 - 7.177**<br>**CÁC YÊU CẦU HUẤN LUYỆN CỤ THỂ** | **A** | **RH** | **PL** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (j) Tiếp cận và hạ cánh bao gồm kiểm soát trên mặt đất | | | | | X | X |
| (7) Bay theo phương thức bay bằng thiết bị (IFR) | X | X | X | | X | |
| (8) Các thao tác bay cơ bản và khả năng phục hồi từ các tình huống bất thường. | X | X | X | | X | |
| (9) Bay đường dài sử dụng địa tiêu, có điều khiển dead reckoning và các phương tiện hỗ trợ dẫn đường; các phương thức bay đến sân bay dự phòng. | X | X | X | X | X | X |
| (10) Các phương thức và thao tác bay bất thường và khẩn cấp. | X | X | X | | X | |
| (a) Hạ cánh xoay tự động; | | X | X | | | |
| (b) Công suất được chuyển đổi sang chế độ quay tự động và tiếp cận với chế độ tự quay khi cần thiết; hỏng hóc của bộ truyền động hoặc trục ngắt bị hỏng trong trường hợp cần thiết. | X | X | X | | X | |
| (c) Nhận biết rò rỉ; | X | X | X | | X | |
| (11) Các phương thức liên lạc và liên lạc thoại | | | | | X | X |
| (12) Bơm lốp và chằng néo máy bay | | | | | X | X |
| (13) Cơ động trên mặt đất, cất cánh và đứng yên | | X | | | | |
| (14) Khai thác từ sân bay | X | X | X | X | X | |
| (a) Khai thác đi và đến nơi đỗ thủy phi cơ | X | | | | | |
| (b) Khai thác đi và đến sân bay trực thăng | | X | | | | |
| (c) Khai thác bay vòng lượn | X | X | X | X | X | |
| (d) Khai thác đi, đến và quá cảnh qua sân bay kiểm soát, tuân thủ các phương thức dịch vụ không lưu, liên lạc thoại | X | X | X | | X | |
| (15) Lập kế hoạch trước khi bay bao gồm tính tải và cân bằng | X | X | X | X | X | X |
| (16) Các kỹ thuật và phương thức cất cánh và lấy độ cao bao gồm hạn chế tốc độ phù hợp, các phương thức và tín hiệu khẩn nguy | | | | X | | X |

| **BẢNG 1 - 7.177**<br>**CÁC YÊU CẦU HUẤN LUYỆN CỤ THỂ** | **A** | **RH** | **PL** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (17) Cất cánh bình thường và có gió cắt | X | X | X | X | X | |
| (18) Tính năng cất cánh tối đa (đường băng ngắn và không có vật cản) | X | X | X | | | |
| (19) Cất cánh với công suất cất cánh tối thiểu cần thiết, không có gió và có độ dốc; | | X | | | | |
| (20) Cất cánh ở sân bay có độ cao cao | X | X | X | | | |
| (21) Hạ cánh bình thường và có gió cắt | X | X | X | X | X | |
| (22) Tính năng hạ cánh tối | X | X | X | | | |
| (23) Hạ cánh với công suất cần thiết; không có gió, đất dốc; | | X | | | | |
| (24) Hạ cánh ở độ cao cao | X | X | X | | | |
| (25) Vòng lượn khi tiếp cận hạ cánh | X | X | X | | X | |
| (26) Lắp đặt, căn chỉnh và kiểm tra tàu bay | | | | X | | X |
| (27) Khai thác trong khu vực hạn chế, dừng nhanh | | X | | | | |
| (28) Tiếp cận dốc | | X | | | | |
| (29) Tiếp cận và hạ cánh xoay tự động | | X | X | | | |
| (30) Tiếp cận và hạ cánh, bao gồm giữ tàu bay trên mặt đất | | | | | X | X |
| (31) Bay với tốc độ chậm tối đa cho phép | X | X | X | X | | |
| (32) Bay ở độ cao cao | X | X | X | | | |
| (33) Bay chờ | | X | | | | |
| (34) Tránh xoay; hồi phục từ giai đoạn chòng chành ban đầu và đầy đủ. | X | | | X | | |
| (35) Bay với các tính năng của máy bay bao gồm cả tốc độ tối đa cho phép | X | X | X | X | | |
| (36) Cơ động trên mặt đất | X | X | X | | | |
| (37) Khai thác tời cầu, nếu áp dụng | | X | | | X | |
| (38) Các tính năng cơ động bao gồm lượn vòng cơ động, bay vụt lên và cua gấp. | X | | | | | |

| BẢNG 1 - 7.177<br>CÁC YÊU CẦU HUẤN LUYỆN CỤ THỂ | A | RH | PL | G | LA | FB |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (39) Kỹ thuật tăng tốc và tốc độ | | | | X | | |
| (40) Hồi phục tại giai đoạn ban đầu từ việc ổn định công suất; kỹ thuật hồi phục từ rotor.rpm thấp trong tầm động cơ rpm bình thường. | | X | | | | |
| (41) Bay đường dài với hơn 250 dặm, CHC tại 3 điểm riêng biệt | X | X | X | | | |
| (42) Bay đường dài hơn 1h hoặc 100 dặm CHC tại 3 điểm riêng biệt | | X | X | | | |
| (43) Bay đêm, bao gồm CHC và dẫn đường | X | X | X | | | |
| (44) Bay đêm, bao gồm CHC và dẫn đường, nếu trong giấy phép có năng định bay đêm | | | | X | X | X |
| (45) Các phương thức sau khi bay | | | | | | |

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.180: CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP CPL**

Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.180 người đề nghị cấp CPL phải ghi nhật ký thời gian bay với tư cách người lái trên mỗi loại hoặc hạng đề nghị cấp ít nhất như sau:

| BẢNG 1 - 7. 180<br>KINH NGHIỆM CỤ THỂ | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) Người lái - Tất cả các loại tàu bay | 200 | | | 150 | 150 | | | 150 | |
| (2) Người lái- Tàu bay | 100 | | | 100 | 100 | | | 100 | |
| (3) Người lái - Chủng loại tàu bay | 50 | | | | | 25 | | | |
| (4) Người lái - Hạng tàu bay | 50 | 25 | 20 | 50 | 25 | | 25 | 25 | |
| (5) Người lái - Bay đêm | 10 | | | 10 | 10 | | 5 | 5 | |
| (6) Người chỉ huy tàu bay - Tất cả các loại tàu bay | 100 | | | 100 | 100 | | | 100 | |
| (7) Người chỉ huy tàu bay - Hạng tàu bay | 35 | 5 | | 35 | 35 | 30 | 5 | 30 | 2 |

| **BẢNG 1 - 7. 180**<br>**KINH NGHIỆM CỤ THỂ** | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (8) Người chỉ huy tàu bay - Bay đường dài - Chủng loại tàu bay | 50 | | | 20 | 20 | | | 20 | |
| (9) Người chỉ huy tàu bay - Bay đường dài - Hạng tàu bay | 10 | | | 10 | 10 | 10 | | 10 | |
| (10) GVHDB - Hạng tàu bay | 20 | 20 | 2 | 20 | 20 | 10 | 20 | 20 | 16 |
| (11) GVHDB- Bay đường dài | 3 | | | 3 | 3 | | | 3 | |
| (12) GVHDB | 10 | | | 10 | | | | | |
| (13) CHC ban đêm đến khi dừng lại hẳn (với mỗi lần hạ cánh liên quan đến bay vòng kín) tại sân bay | 10 | | 5 | 5 | | | 5 | 5 | |
| (14) Bay đơn đường dài (qui định tối thiểu), trong khóa huấn luyện có hai lần hạ cánh tại 2 điểm riêng biệt | 5 | | 3 | 3 | | | 3 | 3 | |
| (15) GVHDB- Chuẩn bị kiểm tra thực hành (trước 60 ngày) | 3 | 3 | | 3 | 3 | | 3 | 3 | |
| (16) Lấy độ cao kinh khí cầu (nếu dùng gas) đến 5000 ft | | | | | | | | | |
| (17) Lấy độ cao kinh khí cầu (nếu dùng khí đốt) đến độ cao trên mực nước biển đến 3000 ft. | | | | | | | | | |
| **SỐ CHUYẾN BAY** | | | | | | | | | |
| (18) Các chuyến bay đường dài | | | | | | 10 | | | 05 |
| (19) Huấn luyện bay (Khởi hành và hạ cánh) | | | 10 | | | 10 | | | 10 |
| (20) Các chuyến bay đơn - Chuẩn bị cấp năng định | | | 5 | | | 10 | | | 2 |
| (21) Các chuyến bay huấn luyện - Thực hành (Trong vòng 60 ngày trước) | | | 3 | | | 3 | | | 2 |

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.200: CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI CỦA TỔ LÁI NHIỀU THÀNH VIÊN**

**1. Huấn luyện:**

(a) Để đáp ứng các yêu cầu về giấy phép người lái của tổ lái nhiều thành viên, người đề nghị cấp giấy phép phải hoàn thành khóa huấn luyện được phê chuẩn.

(b) Việc huấn luyện phải được dựa trên năng lực của người lái và tiến hành trong môi trường khai thác tổ lái nhiều thành viên

(c) Trong quá trình huấn luyện, người đề nghị cấp phải có được đầy đủ kiến thức, kỹ năng và kỷ luật cơ bản theo quy định đối với lái phụ trên loại máy bay vận tải động cơ tua-bin có Giấy chứng nhận loại quy định việc khai thác với tổ lái tối thiểu ít nhất là hai thành viên.

**2. Mức đánh giá:**

(a) Người đề nghị cấp giấy phép người lái của tổ lái nhiều thành viên phải chứng tỏ được kỹ năng thực hiện đạt yêu cầu theo 9 đơn vị năng lực được quy định tại điểm (3) dưới đây.

(b) Kế hoạch huấn luyện cấp giấy phép người lái của tổ lái nhiều thành viên bao gồm một số mức quy định về năng lực người lái sẽ được Cục HKVN quy định.

**3. Các giai đoạn huấn luyện**

(a) Chín giai đoạn huấn luyện mà người đề nghị phải thực hiện như sau:

(1) Áp dụng các quy tắc quản lý đe dọa và rủi ro (TEM);

(2) Thực hiện khai thác máy bay trên mặt đất;

(3) Thực hiện cất cánh;

(4) Thực hiện lấy độ cao;

(5) Thực hiện bay bằng;

(6) Thực hiện hạ độ cao;

(7) Thực hiện tiếp cận;

(8) Thực hiện hạ cánh; và

(9) Thực hiện sau khi hạ cánh và khai thác máy bay sau chuyến bay;

(10) Các giai đoạn huấn luyện được phân chia nhỏ tới các chi tiết cấu thành mà các yêu cầu về tính năng đã được xác định cụ thể. Các giai đoạn huấn luyện và các yêu cầu về tính năng cụ thể do Cục HKVN quy định.

(b) Đơn đề nghị cấp phê chuẩn các quy tắc quản lý đe dọa và rủi ro là một giai đoạn huấn luyện đặc thù được hợp nhất với mỗi giai đoạn huấn luyện khác cho các mục đích huấn luyện và kiểm tra.

**4. Thiết bị huấn luyện mô phỏng**

(a) Các thiết bị huấn luyện bay mô phỏng được sử dụng để tích lũy kinh nghiệm cho người lái đề nghị cấp giấy phép tổ lái nhiều thành viên phải được Cục HKVN phê chuẩn.

(b) Các thiết bị huấn luyện mô phỏng được phân loại như sau:

**(1) Loại 1**: Huấn luyện từ xa (E-training) và các thiết bị mô phỏng công việc (part tasking devices) do Cục HKVN phê chuẩn có các đặc tính sau:

(i) Liên quan đến các phụ kiện khác với các phụ kiện thường liên quan tới máy tính bàn như bộ điều khiển đúp của cần tay ga, cần điều khiển máy bay hoặc bàn phím của FMS;

(ii) Liên quan đến hoạt động tâm lý lượng học khi áp dụng lực và thời gian phản hồi thích hợp.

**(2) Loại 2**: Thiết bị mô phỏng bay đại diện cho loại tàu bay lắp động cơ tuốc-bin được phê chuẩn cho tổ bay hai thành viên và có hệ thống bay ban ngày bằng mắt tăng cường và có trang bị hệ thống tự động lái.

(i) Yêu cầu này có thể được đáp ứng bằng thiết bị huấn luyện mô phỏng bay được trang bị bay ban ngày bằng mắt;

(ii) Phải đáp ứng, ở mức tối thiểu, các tính năng tương đương với quy định của FAA đối với FTD mức 5 hoặc JAA FNPT II MCC.

**(3) Loại 3**: Thiết bị mô phỏng bay đại diện cho loại tàu bay lắp nhiều động cơ tuốc-bin được phê chuẩn cho tổ bay hai thành viên và có hệ thống bay ban ngày bằng mắt tăng cường và có trang bị hệ thống tự động lái.

(i) Yêu cầu này có thể được đáp ứng bằng thiết bị huấn luyện mô phỏng bay được trang bị bay ban ngày bằng mắt;

(ii) Phải đáp ứng, ở mức tối thiểu, các tính năng tương đương như thiết bị mô phỏng bay mức B được quy định tại JAR-STD 1A hiện hành; và tại FAA AC120-40B hiện hành, bao gồm cả phương pháp áp dụng thay thế (alternative mean of compliance) cho phép tại AC120-40B;

(iii) Một số buồng tập mô phỏng bay đầy đủ (full flight simulator) mức A đã được đánh giá trước đây mà đã được phê chuẩn để sử dụng cho việc huấn luyện và kiểm tra thao tác bay vẫn có thể được sử dụng.

**(4) Loại 4**: Thiết bị mô phỏng bay hoàn toàn tương đương với thiết bị mô phỏng mức D và C có trang bị hệ thống bay ban ngày bằng mắt tăng cường.

*Ghi chú: Yêu cầu này có thể được đáp ứng bởi thiết bị mô phỏng bay đáp ứng, tối thiểu, các tính năng tương đương quy định cho buồng tập mô phỏng bay mức C và D được quy định tại JAR-STD 1A hiện hành và tại FAA AC120-40B hiện hành, bao gồm cả phương pháp áp dụng thay thế cho phép tại AC120-40B.*

## PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.215: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP ATPL

(a) Đối với cả trực thăng và máy bay: Ngoài các quy định tại Điều 7.215, người đề nghị cấp ATPL phải chứng tỏ mức kiến thức phù hợp với quyền được cấp của người có ATPL (máy bay hoặc trực thăng), ít nhất là trong các môn học sau đây:

(1) Các quy định và quy tắc liên quan đến ATPL: các quy tắc về không phận; thực hành và các phương thức dịch vụ không lưu phù hợp;

(2) Các thiết bị bay: các hỏng hóc của la bàn, nút và gia tốc; thiết bị con quay, các giới hạn trong khai thác và hiệu ứng chuyển động chậm của một vật thể quay xung quanh một trục; thực hành và các phương thức khi các thiết bị bay thực hiện sai chức năng;

(3) Kế hoạch bay khai thác trước chuyến bay và trong chuyến bay; chuẩn bị và ghi đủ vào kế hoạch bay không lưu; các phương thức cung cấp dịch vụ không lưu phù hợp; quy trình đặt đồng hồ đo độ cao;

(4) Năng lực con người liên quan đến vận tải hàng không;

(5) Dịch và áp dụng các báo cáo khí tượng hàng không, các biểu đồ và dự báo khí tượng; mã và các chữ viết tắt; sử dụng và các quy trình nắm bắt các thông tin khí tượng, trước và trong chuyến bay; đo độ cao;

(6) Khí tượng hàng không; khí hậu các vùng liên quan trên phương diện các yếu tố có ảnh hưởng đến hàng không; sự thay đổi của hệ thống áp suất; cấu trúc dải không khí, nguồn gốc và các đặc điểm của hiện tượng thời tiết đặc biệt ảnh hưởng đến các điều kiện cất cánh, trong khi bay và hạ cánh;

(7) Các nguyên nhân, nhận biết và ảnh hưởng của việc đóng băng trên động cơ và thân tàu bay; quy trình xuyên qua vùng/dải không khí; tránh khu vực thời tiết xấu;

(8) Không lưu, bao gồm sử dụng các biểu đồ hàng không, hỗ trợ dẫn đường bằng đài dẫn đường và hệ thống dẫn đường khu vực, các yêu cầu về dẫn đường đặc thù đối với các chuyến bay tầm xa.

(9) Sử dụng, chính xác và tin cậy hệ thống dẫn đường sử dụng trong các giai đoạn khởi hành, trong khi bay, tiếp cận và hạ cánh; nhận biết hỗ trợ dẫn đường của đài dẫn đường;

(10) Các quy tắc và đặc tính của hệ thống dẫn đường địa tiêu lắp trên tàu bay và khai thác thiết bị cất cánh; mã và viết tắt, và các sơ đồ phương thức khai thác bằng thiết bị trong khởi hành, trong khi bay, hạ độ cao và tiếp cận;

(11) Các phương thức khẩn nguy và đề phòng khẩn nguy; thực hành an toàn gắn liền với bay theo IFR;

(12) Các phương thức khai thác vận chuyển hàng hóa và hàng nguy hiểm;

(13) Các yêu cầu và thực hành đối với giảng bình an toàn cho hành khách, bao gồm việc đề phòng khi lấy hành khách lên tàu bay và cho hành khách xuống tàu bay;

(14) Các phương thức liên lạc vô tuyến điện và khẩu lệnh hành động trong trường hợp hỏng hệ thống liên lạc;

(15) Dịch và sử dụng tài liệu hàng không như AIP, NOTAM, các code hàng không và từ viết tắt, sơ đồ phương thức bay bằng thiết bị để khởi hành, trong chuyến bay, giảm độ cao và tiếp cận;

(b) Các lĩnh vực kiến thức bổ sung về hàng không: Người đề nghị phải chứng tỏ được mức kiến thức phù hợp với năng định được cấp trong ATPL (máy bay hoặc trực thăng), ít nhất là các môn sau đây:

(1) Các đặc tính chung và giới hạn của hệ thống điện, thủy lực, áp suất và các hệ thống khác của tàu bay; các hệ thống điều khiển, bao gồm lái tự động và tăng sự ổn định của tàu bay;

(2) Các quy tắc khai thác, làm chủ các phương thức và các hạn chế trong khai thác động cơ tàu bay; các ảnh hưởng của điều kiện khí quyển lên tính năng động cơ; các thông tin về khai thác có liên quan từ tài liệu hướng dẫn bay và tài liệu thích hợp khác;

(3) Các phương thức khai thác và các hạn chế của máy bay; các ảnh hưởng của điều kiện khí quyển lên tính năng động cơ;

(4) Sử dụng và kiểm tra khả năng hoạt động của thiết bị và các hệ thống của máy bay phù hợp;

(5) Các quy trình bảo dưỡng khung, hệ thống và động cơ của máy bay phù hợp;

(6) Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân phối trọng tải trên tàu bay, các đặc tính và tính năng bay; cách tính trọng tải và cân bằng;

(7) Sử dụng và thực hành cất cánh, hạ cánh và các dữ liệu về tính năng khác, bao gồm các phương thức kiểm soát đường dài;

(8) Thực hành khí tượng, bao gồm dịch và sử dụng báo cáo thời tiết, sơ đồ và dự báo thời tiết; luồng khí phản lực;

(9) Sử dụng, hạn chế và khả năng hoạt động của hệ thống điện điện tử và thiết bị cần thiết để điều khiển và dẫn đường máy bay;

(10) Các quy tắc bay liên quan đến máy bay; khí động học cận âm; các giới hạn cơ động cho phép; đặc tính thiết kế của cánh; hiệu ứng bổ trợ lực nâng và lực cản của các thiết bị; mối liên hệ giữa lực nâng, lực cản và lực đẩy tại các vận tốc và cấu hình của tàu bay khác nhau.

(c) Các lĩnh vực kiến thức bổ sung về trực thăng: Người đề nghị phải chứng tỏ được mức kiến thức phù hợp với năng định được cấp trong ATPL, ít nhất là các môn sau đây:

(1) Các đặc tính chung và giới hạn của hệ thống điện, thủy lực, áp suất và các hệ thống khác của tàu bay; các hệ thống điều khiển, bao gồm lái tự động và tăng sự ổn định của trực thăng;

(2) Các quy tắc khai thác, làm chủ các phương thức và các hạn chế trong khai thác động cơ tàu bay; các ảnh hưởng của điều kiện khí quyển lên tính năng động cơ; các thông tin về khai thác có liên quan từ tài liệu hướng dẫn bay và tài liệu thích hợp khác;

(3) Các phương thức khai thác và các hạn chế của trực thăng; các ảnh hưởng của điều kiện khí quyển lên tính năng động cơ;

(4) Sử dụng và kiểm tra khả năng hoạt động của thiết bị và các hệ thống của máy bay phù hợp;

(5) Các quy trình bảo dưỡng khung, hệ thống và động cơ của trực thăng phù hợp;

(6) Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân phối trọng tải trên trực thăng, các đặc tính và tính năng bay; cách tính trọng tải và cân bằng;

(7) Sử dụng và thực hành cất cánh, hạ cánh và các dữ liệu về tính năng khác bao gồm các phương thức kiểm soát bay đường dài;

(8) Các nguyên nhân, nhận biết và ảnh hưởng của động cơ, khung và đóng băng cánh quay; tránh khu vực thời tiết xấu;

(9) Sử dụng, hạn chế và khả năng hoạt động của avionics và các thiết bị cần thiết đối với việc kiểm soát và dẫn đường trực thăng;

(10) Các phương thức khẩn nguy và đề phòng;

(11) Các phương thức khai thác vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả hàng treo ngoài và hàng nguy hiểm;

(12) Các yêu cầu và thực hành đối với giảng bình an toàn cho hành khách, bao gồm việc đề phòng khi lên tàu bay và rời khỏi trực thăng;

(13) Các quy tắc bay liên quan đến trực thăng;

(14) Các phương thức liên lạc điện đài và sắp xếp từ ngữ áp dụng cho khai thác VFR; hành động trong trường hợp hỏng hệ thống liên lạc.

## PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.217: CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG BAY ĐỐI VỚI ATPL

(a) Ngoài các quy định tại Điều 7.217, người đề nghị phải chứng tỏ được khả năng thực hiện các phương thức và các thao tác do Cục HKVN quy định, với tư cách là người chỉ huy tàu bay trên máy bay nhiều động cơ yêu cầu khai thác cùng lái phụ, ít nhất bao gồm:

(1) Các thủ tục trước khi bay, gồm có chuẩn bị kế hoạch khai thác bay và thực hiện đầy đủ kế hoạch bay không lưu;

(2) Các phương thức bay và các thao tác bình thường trong các giai đoạn của chuyến bay;

(3) Các phương thức và các thao tác đối với khai thác IFR trong điều kiện bình thường, bất thường và khẩn nguy gồm có hỏng động cơ mô phỏng và bao gồm ít nhất các yếu tố sau:

(i) Chuyển sang bay bằng thiết bị khi cất cánh;

(ii) Khởi hành và đến bằng thiết bị tiêu chuẩn;

(iii) Các phương thức IFR và không lưu trong chuyến bay;

(iv) Các phương thức chờ;

(v) Tiếp cận bằng thiết bị đến mức tối thiểu theo quy định;

(vi) Các phương thức tiếp cận hụt;

(vii) Hạ cánh sau khi tiếp cận bằng thiết bị;

(4) Các phương thức khai thác bất thường và khẩn nguy và các thao tác liên quan đến hỏng hóc và sai chức năng thiết bị ví dụ như động cơ, hệ thống và khung sườn; và

(5) Các cách xử lý đối với sự mất khả năng làm việc và hợp tác của tổ bay, bao gồm chỉ định nhiệm vụ cho người lái, hợp tác của tổ bay và sử dụng danh mục kiểm tra.

(b) Đối với loại và hạng tàu bay khác, người đề nghị phải chứng tỏ khả năng thực hiện các phương thức và các thao tác của khoản (a) với tư cách là người chỉ huy tàu bay, ngoại trừ điểm (5), khoản (a) theo quy định trong các tiêu chuẩn về kiểm tra thực hành.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.220: KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP ATPL**

(a) Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.220 và, người đề nghị cấp ATPL phải có ít nhất kinh nghiệm đối với loại tàu bay đó được liệt kê trong bảng dưới đây:

*Ghi chú 1: Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/ và hạng tàu bay như sau: A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; RG= Tàu bay động cơ Rotor- Gyroplane; G= Tầu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)*

*Ghi chú 2: TR= Chuyển từ A sang Rotocraft; TG= Chuyển từ A sang G; TA= Chuyển từ A hoặc R sang Airship; TP= Chuyển từ A sang PL.*

| **BẢNG 1 - 7.200<br>KINH NGHIỆM CỤ THỂ** | **A** | **TR** | **TG** | **RH** | **PL** | **G** | **TLA** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **GIỜ BAY TỐI THIỂU** | | | | | | | | | |
| (1) Người lái - Trên hạng tàu bay | 1500 | | | 1000 | | | | | |
| (2) Người lái - Bay đường dài | 200 | | | 200 | | | | | |
| (3) Người lái - Đêm | 100 | | | 100 | | | | | |
| (4) Người lái - Đêm trên tàu bay | | | | 15 | | | | | |
| (5) Người lái - Thiết bị (Trên tàu bay hoặc trên SIM) | 75 | | | 75 | | | | | |
| (6) Người lái - Thiết bị (Trên tàu bay hoặc trên SIM) | | | | 25 | | | | | |
| (7) Người lái - Thiết bị (Thời gian bay Tối đa trên SIM) | 25 | | | 25 | | | | | |

| **BẢNG 1 - 7.200**<br>**KINH NGHIỆM CỤ THỂ** | **A** | **TR** | **TG** | **RH** | **PL** | **G** | **TLA** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (8) Người lái - Thiết bị (Thời gian bay tối đa trên SIM) trên hạng tàu bay trong khóa học | 50 | | | 50 | | | | | |
| (9) Người chỉ huy tàu bay - Loại tàu bay (hoặc Người chỉ huy tàu bay) dưới sự giám sát của giáo viên kiểm tra loại tàu bay (TRE). | 250 | | | 35 | | | | | |
| (10) Chuẩn bị cho kiểm tra thực hành bay (trước 60 ngày) | 3 | | | 3 | | | | | |

(b) Người lái đã thực hiện ít nhất 20 lần cất hạ cánh đêm đến khi dừng lại hẳn, được phép tính một lần cất hạ cánh đêm đến khi dừng lại hẳn bằng 1 giờ bay đêm để đáp ứng yêu cầu về thời gian bay đêm quy định trong bảng này nhưng không được tính quá 25h.

(c) Người đề nghị CPL có thể tính thời gian F/O sau đây hoặc thời gian làm cơ giới trên không đạt 1500h trong tổng số giờ bay với tư cách là người lái theo quy định của khoản (a) của Điều này:

(1) Thời gian F/O đạt được trên tàu bay:

(i) Yêu cầu có hơn một người lái theo quy định của tài liệu hướng dẫn bay hoặc Giấy chứng nhận loại tàu bay; hoặc

(ii) Tham gia vào khai thác theo quy định của Phần 12 yêu cầu đối với F/O;

(2) Thời gian làm cơ giới trên không đạt được:

(i) Trên máy bay yêu cầu có cơ giới trên không theo quy định của tài liệu hướng dẫn bay hoặc Giấy chứng nhận loại tàu bay;

(ii) Khi tham gia vào khai thác theo quy định của Phần 12 yêu cầu đối với cơ giới trên không;

(iii) Khi người lái đang tham dự chương trình huấn luyện được phê chuẩn theo Phần 12; và

(iv) Không quá 1h đối với mỗi 3h làm cơ giới trên không trong tổng số thời gian được tính không quá 500h.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.235: CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI KIẾN THỨC CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN BAY**

(a) Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.235, người đề nghị cấp năng định giáo viên hướng dẫn bay phải được giáo viên được ủy quyền huấn luyện trên mặt đất có ghi nhật ký về:

(1) Ngoài quy định tại khoản (b) của Điều này, người đề nghị phải được hướng dẫn cơ bản bao gồm:

(i) Quá trình huấn luyện;

(ii) Các yếu tố để giảng dạy có hiệu quả;

(iii) Phát triển các khóa học;

(iv) Kế hoạch huấn luyện;

(v) Sử dụng các thiết bị hỗ trợ huấn luyện;

(vi) Các phương pháp giảng dạy trong lớp học;

(vii) Các phương pháp áp dụng giảng dạy;

(viii) Phát triển chương trình huấn luyện;

(ix) Đặc điểm của con người liên quan đến hướng dẫn bay; và

(x) Phân tích và chữa các lỗi của học viên;

(xi) Đánh giá khả năng của học viên đối với các môn học trên mặt đất;

(xii) Đánh giá và kiểm tra học viên; huấn luyện về philosophies;

(2) Các lĩnh vực kiến thức về hàng không đối với PPL và CPL áp dụng trên loại tàu bay đề nghị cấp năng định giáo viên hướng dẫn; và

(3) Các lĩnh vực kiến thức về hàng không đối với năng định thiết bị áp dụng trên loại tàu bay đề nghị cấp năng định giáo viên hướng dẫn bay bằng thiết bị.

(b) Các đối tượng sau đây không cần tuân thủ điểm (1), khoản (a) của Điều này:

(1) Người có giấy phép giáo viên hướng dẫn trên mặt đất được cấp theo quy định của Phần này; hoặc

(2) Giáo viên tại trường đại học, trung học chuyên nghiệp, phổ thông trung học và tương đương.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.237: CÁC YÊU CẦU VỀ HƯỚNG DẪN BAY ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN HUẤN LUYỆN BAY**

(a) Phụ lục này bao gồm các yêu cầu bổ sung vào Điều 7.237;

(b) Người đề nghị cấp năng định giáo viên hướng dẫn bay phải thực hành các phương pháp hướng dẫn bao gồm hướng dẫn, thực hành, nhận biết và sửa chữa các lỗi chung của học viên;

(c) Người đề nghị phải thực hành các phương pháp hướng dẫn về các thao tác và các phương thức sẽ hướng dẫn cho học viên;

(d) Người đề nghị cấp giấy phép giáo viên hướng dẫn bay đáp ứng được các quy định này bao gồm được huấn luyện bay và trên mặt đất do giáo viên hướng dẫn được phép thực hiện và được xác nhận là người đề nghị thi đỗ kỳ kiểm tra thực hành về các lĩnh vực khai thác sau đây áp dụng đối với năng định giáo viên hướng dẫn bay.

*Ghi chú 1: Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/ và hạng tàu bay như sau: A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; RG= Tàu bay động cơ Rotor- Gyroplane; G= Tầu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)*

| **BẢNG 1 - 7.217**<br>**CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN CỤ THỂ** | **A** | **RH** | **PL** | **G** | **LA** | **FB** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) Hướng dẫn bay cơ bản | **X** | **X** | **X** | **X** | | |
| (2) Hướng dẫn kỹ thuật | **X** | **X** | **X** | **X** | | |
| (3) Chuẩn bị trước khi bay | **X** | **X** | **X** | **X** | | |
| (4) Bài chuẩn bị trước khi bay về cơ động trong chuyến bay | **X** | **X** | **X** | **X** | | |
| (5) Sân bay và khai thác thủy phi cơ | **X** | **X** | **X** | **X** | | |
| (6) Khai thác sân bay trực thăng | | **X** | | | | |
| (7) Khai thác bãi đỗ tầu lượn | | | | **X** | | |
| (8) Phương thức bay chờ | | **X** | | | | |
| (9) Cất cánh, hạ cánh và bay vòng lượn | **X** | **X** | **X** | **X** | | |
| (10) Khởi hành và hạ cánh | | | | **X** | | |
| (11) Tốc độ hoạt động | | | | **X** | | |
| (12) Quy tắc bay cơ bản | **X** | **X** | **X** | **X** | | |

| BẢNG 1 - 7.217<br>CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN CỤ THỂ | A | RH | PL | G | LA | FB |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (13) Bay với tốc độ chậm | X | X | X | X | | |
| (14) Chòng chành và xoáy | X | | | X | | |
| (15) Cơ động | X | X | X | X | | |
| | | | | X | | |
| (16) Kỹ thuật bay vọt lên | | | | | | |
| (17) Khai thác máy bay nhiều động cơ | X | X | | | | |
| (18) Khai thác đặc biệt | | X | | | | |
| (19) Tham chiếu mặt đất | X | X | X | X | | |
| (20) Cơ động thiết bị cơ bản | X | X | X | X | | |
| (21) Bay với phương thức bay bằng thiết bị | X | X | X | | | |
| (22) Các huấn lệnh và các phương thúc kiểm soát không lưu | X | X | X | | | |
| (23) Bay với phương thức bay bằng thiết bị | X | X | X | | | |
| (24) Sử dụng thiết bị hỗ trợ dẫn đường | X | X | X | | | |
| (25) Khai thác khẩn nguy | X | X | X | X | | |
| (26) Phương thức sau khi bay | X | X | X | X | | |
| (27) Khởi hành bay bằng thiết bị | X | X | | | | |
| (28) Bay cơ bản bằng thiết bị | X | X | | | | |
| (29) Các phương thức bay hành trình và đến bằng thiết bị | X | X | | | | |
| (30) Phương thức tiếp cận bằng thiết bị | X | X | | | | |

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.255: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG**

(a) Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.255, người đề nghị cấp giấy phép cơ giới trên không phải chứng tỏ kiến thức cơ bản phù hợp với năng định được cấp ít nhất là các môn học sau đây:

(1) Các quy tắc và quy định liên quan đến người có giấy phép cơ giới trên không; các quy tắc và quy định điều tiết việc khai thác tàu bay dân dụng liên quan đến các nhiệm vụ của cơ giới trên không;

(2) Nền tảng của khí động lực học;

(3) Các khía cạnh khai thác khí tượng;

(4) Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân bố trọng lượng trên máy bay, các tính năng và đặc tính bay; tính trọng tải và cân bằng.

(b) Để hoàn thành khóa học kiến thức về hàng không cấp giấy phép cơ giới trên không hoặc cấp năng định hạng cơ giới trên không, người đề nghị phải chứng tỏ mức kiến thức phù hợp với năng định được cấp cho người có giấy phép cơ giới trên không, ít nhất là các môn sau đây:

(1) Các quy tắc cơ bản về động cơ tuốc-bin khí và/hoặc động cơ pit-tông; các đặc tính của nhiên liệu, hệ thống nhiên liệu bao gồm kiểm soát nhiên liệu, dầu nhờn và hệ thống dầu nhờn; buồng đốt tăng lực và hệ thống phun; chức năng và khai thác hệ thống đánh lửa của động cơ và hệ thống khởi động;

(2) Các quy tắc khai thác, nắm vững các phường thức khai thác và các hạn chế trong khai thác của động cơ tàu bay; các ảnh hưởng của khí quyển lên tính năng động cơ;

(3) Khung, hệ thống kiểm soát bay, cấu trúc, hệ thống bánh lái, phanh và các bộ phận chống trượt, rỉ sét và thọ mệnh về độ mỏi vật liệu của cấu trúc máy bay, nhận dạng các thiếu hụt và hỏng hóc;

(4) Hệ thống chống mưa và đóng băng;

(5) Hệ thống áp suất và điều hòa, ôxy;

(6) Hệ thống thủy lực và khí nén;

(7) Lý thuyết điện cơ bản, hệ thống điện (AC và DC), hệ thống mạng điện tàu bay, tiếp mát và màn hình;

(8) Các quy tắc khai thác thiết bị, la bàn, lái tự động, điện đài, hỗ trợ dẫn đường bằng radar và điện đài, hệ thống quản lý bay, hiển thị và avionics;

(9) Các hạn chế của tàu bay;

(10) Hệ thống cứu hỏa, dập lửa;

(11) Sử dụng và kiểm tra khả năng hoạt động của thiết bị và hệ thống tàu bay phù hợp;

(12) Sử dụng và thực hành về dữ liệu bao gồm các phương thức kiểm soát bay đường dài;

(13) Đặc điểm của con người liên quan đến cơ giới trên không;

(14) Các quy tắc bảo dưỡng, các quy trình bảo dưỡng đủ điều kiện bay, báo cáo thiếu sót, kiểm tra trước khi bay; các quy trình cảnh báo khi nạp dầu và sử dụng hệ thống điện mặt đất; lắp đặt thiết bị và hệ thống khoang khách;

(15) Các phương thức khai thác bình thường, bất thường và khẩn nguy;

(16) Các phương thức khai thác vận chuyển hàng và hàng nguy hiểm;

(17) Các phương thức liên lạc điện đài và huấn lệnh;

(18) Kiến thức cơ bản về phương thức dẫn đường; các quy tắc và khai thác hệ thống bao kín.

## PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.257: CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG

(a) Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.257, người đề nghị cấp giấy phép cơ giới trên không với năng định hạng phải nộp hồ sơ sau đây:

(1) Ít nhất 100 giờ bay với chức năng là cơ giới trên không có thể gồm tối đa 50h trên buồng lái giả định được phê chuẩn;

(2) Trong vòng 90 ngày trước khi nộp đơn, phải hoàn thành khóa huấn luyện bay và trên mặt đất được phê chuẩn dành cho cơ giới trên không;

(3) Có ít nhất 200 giờ bay trên loại tàu bay vận tải với tư cách là PIC hoặc F/O thực hiện chức năng của PIC dưới sự giám sát của PIC;

(4) Có ít nhất là CPL với năng định thiết bị và ít nhất là 5h huấn luyện bay thực hiện nhiệm vụ của cơ giới trên không;

(5) Tốt nghiệp ít nhất khóa huấn luyện 2 năm về chuyên ngành hàng không về bảo dưỡng tàu bay và động cơ tàu bay với ít nhất 5h huấn luyện bay thực hiện nhiệm vụ của cơ giới trên không;

(6) Có chứng chỉ tốt nghiệp hàng không về điện, cơ khí của trường đại học hoặc trung học chuyên nghiệp, hoặc trường dạy nghề; có ít nhất 6 tháng kinh nghiệm thực tế bảo dưỡng tàu bay và ít nhất 5h huấn luyện bay thực hiện nhiệm vụ của cơ giới trên không.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.260: CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM KHAI THÁC ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG**

(a) Ngoài các yêu cầu của Điều 7.260, người đề nghị cấp giấy phép cơ giới trên không với năng định hạng phải thể hiện kinh nghiệm khai thác đạt yêu cầu trong thực hiện nhiệm vụ của cơ giới trên không dưới sự giám sát của cơ giới trên không được ủy quyền, đối với tàu bay sử dụng kiểm tra để cấp năng định, ít nhất trong các lĩnh vực sau:

(1) Các phương thức khai thác bình thường:

(i) Kiểm tra trước khi bay;

(ii) Quy trình nạp dầu, quản lý nhiên liệu;

(iii) Kiểm tra tài liệu bảo dưỡng;

(iv) Các phương thức bay bình thường trong các giai đoạn của chuyến bay;

(v) Sự phối hợp của tổ bay và các quy trình trong trường hợp tổ bay mất khả năng hoạt động;

(vi) Báo cáo hỏng hóc.

(2) Các phương thức khai thác bất thường và chuyển đổi (chờ).

(i) Nhận biết sự bất thường của hệ thống tàu bay;

(ii) Sử dụng các phương thức khai thác bất thường và chuyển đổi (chờ).

(3) Các phương thức khẩn nguy.

(i) Nhận biết các tình trạng khẩn nguy;

(ii) Sử dụng các phương thức khai thác khẩn nguy phù hợp.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.263: CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG**

(a) Ngoài các yêu cầu của Điều 7.263, người đề nghị phải:

(1) Thực hiện tốt quy trình kiểm tra trước khi bay, dịch vụ, khởi động, trước khi cất cánh và sau khi hạ cánh;

(2) Trong chuyến bay, thực hiện tốt các nhiệm vụ và các phương thức khai thác bình thường liên quan đến máy bay, động cơ máy bay, cánh quạt (nếu áp dụng), hệ thống và các thiết bị trên tàu bay;

(3) Trong chuyến bay, trên buồng lái giả định, hoặc các thiết bị huấn luyện mô phỏng, thực hiện tốt nhiệm vụ và các phương thức khai thác khẩn nguy, nhận biết

và có hành động phù hợp đối với việc thực hiện sai chức năng của máy bay, động cơ máy bay, cánh quạt (nếu áp dụng), hệ thống và các thiết bị trên tàu bay;

(4) Sử dụng các hệ thống của tàu bay khi tàu bay có khả năng hoạt động bình thường và khi có những hạn chế;

(5) Thể hiện tính quyết đoán tốt và kỹ năng hàng không;

(6) Áp dụng được kiến thức hàng không;

(7) Thực hiện các nhiệm vụ như một thành viên của tổ bay; và

(8) Liên lạc với các thành viên khác của tổ bay một cách hiệu quả.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.275: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC ĐỐI VỚI DẪN ĐƯỜNG TRÊN KHÔNG**

(a) Ngoài các quy định tại Điều 7.275, người đề nghị phải chứng tỏ được mức kiến thức phù hợp với năng định được cấp đối với người có giấy phép dẫn đường trên không, ít nhất là trong các nội dung sau đây:

(1) Các quy tắc và quy định liên quan đến người có giấy phép dẫn đường trên không; các phương thức và thực hành về dịch vụ không lưu phù hợp;

(2) Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân phối trọng tải trên tàu bay;

(3) Sử dụng các dữ liệu về cất cánh, hạ cánh và các dữ liệu về tính năng khác, bao gồm các phương thức kiểm soát đường dài;

(4) Kế hoạch bay khai thác trước khi bay và trong khi bay; chuẩn bị và hoàn thành kế hoạch bay dịch vụ không lưu; các phương thức dịch vụ không lưu phù hợp; các quy trình thiết lập thiết bị đo độ cao;

(5) Đặc điểm của con nguời liên quan đến việc dẫn đường trên không bao gồm các quy tắc quản lý đe dọa và rủi ro;

(6) Dịch và sử dụng các báo cáo khí tượng hàng không, sơ đồ và dự báo thời tiết; các code và chữ viết tắt, sử dụng và các quy trình nắm bắt thông tin khí tượng, kiểm tra trước khi bay và trong khi bay; thiết bị đo độ cao;

(7) Khí tượng hàng không; khí hậu liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến hàng không; sự chuyển động của hệ thống áp suất; cấu trúc phía trước, và các đặc điểm của hiện tượng khí hậu đặc biệt ảnh hưởng đến các điều kiện cất cánh, trong khi bay và hạ cánh;

(8) Phương thức định vị dựa vào vị trí đã được xác định trước đó (Dead-rekoning), phương thức định vị bằng áp suất (Pressure Pattern) và phương thức dẫn đường

(Celestial); sử dụng các sơ đồ hàng không, hỗ trợ dẫn đường bằng điện đài và hệ thống dẫn đường khu vực; các yêu cầu đặc thù về dẫn đường cho các chuyến bay tầm xa;

(9) Sử dụng, hạn chế và khả năng hoạt động của thiết bị điện tử và các thiết bị cần thiết đối với dẫn đường cho tàu bay;

(10) Sử dụng, độ chính xác và thực tế của hệ thống dẫn đường sử dụng trong các giai đoạn khởi hành, trong khi bay và tiếp cận; nhận biết hỗ trợ của đài dẫn đường;

(11) Các quy tắc, các đặc tính và sử dụng hệ thống dẫn đường địa tiêu và tự chứa; khai thác thiết bị hàng không;

(12) Các định nghĩa, đơn vị và các cách sử dụng trong phương thức dẫn đường thiên văn;

(13) Dịch và sử dụng các tài liệu hàng không như AIP, NOTAM, code, chữ viết tắt, sơ đồ phương thức khai thác bằng thiết bị khi khởi hành, trong chuyến bay, hạ độ cao, tiếp cận; quy tắc bay; các phương thức liên lạc vô tuyến điện và mẫu thoại liên lạc.

## PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.280: CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI DẪN ĐƯỜNG TRÊN KHÔNG

(a) Nhân viên dẫn đường trên không phải:

(1) Chứng tỏ thực hiện tốt các thủ tục kiểm tra trước khi bay, phục vụ, khởi động, trước khi cất cánh và sau khi hạ cánh;

(2) Trong chuyến bay, thực hiện tốt nhiệm vụ bình thường và các quy trình liên quan đến máy bay, động cơ máy bay, cánh quạt (nếu áp dụng), hệ thống và các thiết bị;

(3) Trong chuyến bay, trên buồng lái mô phỏng, hoặc trên các thiết bị huấn luyện được phê chuẩn, thực hiện tốt các nhiệm vụ và các phương thức khẩn nguy, nhận biết và có hành động thích hợp đối với việc thực hiện sai chức năng của máy bay, động cơ, cánh quạt (nếu áp dụng), hệ thống và các thiết bị;

(4) Sử dụng hệ thống tàu bay khi có khả năng hoạt động và khi có những hạn chế;

(5) Có óc quyết đoán tốt và kỹ năng hàng không;

(6) Áp dụng kiến thức hàng không;

(7) Thực hiện các nhiệm vụ với tư cách là một thành viên tổ bay tốt; và

(8) Liên lạc hiệu quả với các thành viên tổ bay khác.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.353: HUẤN LUYỆN VÀ PHÊ CHUẨN NĂNG ĐỊNH LOẠI TÀU BAY VÀ CÁC CÔNG VIỆC CỤ THỂ**

(a) Người có giấp phép AMT năng định A chỉ được phép thực hiện các công việc theo thẩm quyền được phê chuẩn trên một loại tàu bay cụ thể sau khi đã hoàn thành khóa huấn luyện các công việc cụ thể phù hợp với năng định A do tổ chức bảo dưỡng phù hợp với Phần 5 hoặc Phần 8 thực hiện. Việc huấn luyện sẽ phải bao gồm cả lý thuyết và thực hành phù hợp với các công việc sẽ được phê chuẩn. Việc hoàn thành khóa học phải được chứng minh bằng kết quả kiểm tra/hoặc đánh giá thực hành trực tiếp thực hiện do tổ chức được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc Phần 8.

(b) Trừ khi có quy định khác tại khoản (g), nhân viên kỹ thuật có giấy phép AMT năng định B1, B2 và C chỉ được thực hiện năng định của mình trên loại tàu bay cụ thể khi năng định đối với loại tàu bay đó được phê chuẩn trong giấy phép.

(c) Trừ khi có quy định khác tại khoản (h), năng định chỉ được cấp sau khi người đề nghị đã hoàn thành tốt khóa huấn luyện được Cục HKVN phê chuẩn hoặc thực hiện bởi tổ chức huấn luyện bảo dưỡng được Cục HKVN phê chuẩn phù hợp với Phần 8.

(d) Chương trình huấn luyện chuyển loại tàu bay cho nhân viên kỹ thuật có năng định B1 hoặc B2 phải bao gồm các phần lý thuyết và thực hành và bao gồm khóa học có liên quan đến các năng định đã quy định tại khoản (c), Điều 7.353. Chương trình huấn luyện lý thuyết và thực hành phải tuân thủ với các yêu cầu cụ thể do Cục HKVN quy định.

(e) Chương trình huấn luyện cho nhân viên có giấy phép AMT năng định loại C phải tuân thủ với các yêu cầu cụ thể do Cục HKVN quy định. Trong trường hợp AMT có năng định C có bằng kỹ sư hàng không, chương trình huấn luyện loại tàu bay đầu tiên phải tương đương ở mức B1 hoặc B2, chương trình huấn luyện thực hành không bắt buộc.

(f) Việc hoàn thành các khóa huấn luyện được quy định từ khoản (b) đến khoản (e) phải được chứng minh bằng kết quả kiểm tra. Việc kiểm tra kết quả huấn luyện phải đáp ứng các yêu cầu do Cục HKVN quy định. Việc kiểm tra đối với nhân viên có giấy phép AMT năng định B1, B2 và C phải được thực hiện bởi tổ chức huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 8 hoặc tổ chức huấn luyện thực hiện các khóa huấn luyện chuyển loại được phê chuẩn.

(g) Trái với quy định tại khoản (b), đối với loại tàu bay không phải là tàu bay lớn (có tải trọng cất cánh lớn hơn 5700 kg), người có giấy phép năng định B1 và

B2 có thể thực hiện các năng định của mình nếu trong giấp phép có ghi năng định đối với nhóm tàu bay phù hợp hoặc năng định của nhóm nhà chế tạo trừ khi Cục HKVN xác định tính phức tạp của loại tàu bay liên quan cần phải được phê chuẩn riêng rẽ.

(1) Năng định loại tàu bay của nhà chế tạo được cấp khi tuân thủ với các năng định loại của 2 tàu bay đại diện cho một nhóm nhà chế tạo.

(2) Năng định nhóm đầy đủ sẽ được cấp sau khi tuân thủ với các yêu cầu năng định loại của 3 loại tàu bay đại diện cho một nhóm các nhà chế tạo. Tuy nhiên, năng định nhóm đầy đủ không được cấp cho nhân viên B1 trên loại tàu bay từ 2 động cơ tuốc-bin phản lực trở lên.

(3) Các nhóm sẽ bao gồm:

(i) Đối với giấy phép năng định loại B1 hoặc C: Trực thăng động cơ pit-tông hoặc trực thăng động cơ tuốc-bin; tàu bay một động cơ pit-tông - có cấu trúc kim loại; tàu bay nhiều động cơ pit-tông - cấu trúc kim loại; tàu bay một động cơ pit-tông - có cấu trúc bằng gỗ; tàu bay có nhiều động cơ pit-tông - có cấu trúc bằng gỗ; tàu bay một động cơ pit-tông - có cấu trúc thân bằng vật liệu composite; tàu bay nhiều động cơ pit-tông - có kết cấu bằng vật liệu composite; tàu bay một động cơ tuốc-bin; và tàu bay nhiều động cơ tuốc-bin;

(ii) Đối với giấy phép năng định loại B2 và C: tàu bay; và trực thăng.

(h) Trái với quy định tại khoản (c), năng định đối với tàu bay không phải là tàu bay lớn cũng có thể được cấp căn cứ vào việc hoàn thành tốt bài kiểm tra năng định loại tàu bay có liên quan đến năng định B1, B2 và C và có bằng chứng đầy đủ về kinh nghiệm thực tế có được trên loại tàu bay đó, trừ phi Cục HKVN xác định loại tàu bay đó là phức tạp và yêu cầu tham gia khóa huấn luyện như điểm 3 dưới đây. Đối với năng định C cho tàu bay không phải là tàu bay lớn của người có bằng kỹ sư tàu bay, loại tàu bay kiểm tra đầu tiên phải tương đương của mức B1 hoặc B2.

(1) Đối với năng định loại B1, B2 và C, bài kiểm tra năng định loại tàu bay phải bao gồm bài kiểm tra về cơ giới tàu bay đối với năng định B1 và bài kiểm tra về bộ môn đối với B2 và cả bài kiểm tra B1 và B2 đối với năng định loại C;

(2) Bài kiểm tra sẽ phải tuân thủ các yêu cầu đặc biệt của Cục HKVN. Bài kiểm tra phải được thực hiện bởi tổ chức huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 8 hoặc trực tiếp thực hiện bởi Cục HKVN;

(3) Bài kiểm tra thực hành sẽ phải bao gồm kiểm tra các công việc đại diện cho từng nhóm công việc bảo dưỡng có liên quan đến năng định đề nghị.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.355: YÊU CẦU KIẾN THỨC ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT**

(a) Mức kiến thức cần thiết đối với giấy phép năng định loại A, B1, B2 và C:

(1) Kiến thức cơ bản cần thiết đối với năng định loại A, B1 và B2 được chỉ rõ bằng thước đo chỉ số mức (1, 2 và 3) đối với từng môn học. Giấy phép năng định loại C phải đáp ứng các yêu cầu về kiến thức cơ bản tương đương với năng định mức B1 hoặc B2.

(2) Kiến thức yêu cầu đối với chỉ số mức 1 được xác định như sau:

(i) Có kiến thức chung về các phần chính của môn học;

(ii) Mục đích: người làm đơn phải làm quen với các phần chính của môn học;

(iii) Người làm đơn phải đưa ra được mô tả tổng quát về môn học, sử dụng các từ ngữ thông dụng và các ví dụ minh họa;

(iv) Người làm đơn phải biết sử dụng các khái niệm đặc trưng.

(3) Kiến thức yêu cầu đối với chỉ số mức 2 được xác định như sau:

(i) Có kiến thức chung về các mặt lý thuyết và thực hành của môn học;

(ii) Có khả năng áp dụng kiến thức đã học được;

(iii) Mục đích: người làm đơn phải có khả năng hiểu được các nền tảng lý thuyết của môn học;

(iv) Người làm đơn phải đưa ra được mô tả tổng quát về môn học, sử dụng các ví dụ minh họa đặc trưng phù hợp;

(v) Người làm đơn phải biết sử dụng các công thức toán học trong mối liên hệ với các định luật vật lý để giải thích môn học;

(vi) Người làm đơn phải có khả năng đọc và hiểu được đồ họa, bản vẽ và sơ đồ mạch để mô tả môn học;

(vii) Người làm đơn phải biết áp dụng các kiến thức đã học một cách thực tế thông qua việc sử dụng các quy trình cụ thể.

(4) Kiến thức yêu cầu đối với chỉ số mức 3 được xác định như sau:

(i) Có kiến thức chi tiết về các mặt lý thuyết và thực hành của môn học;

(ii) Có khả năng tổng hợp và áp dụng các phần riêng rẽ của môn học một cách logic và đầy đủ;

(iii) Mục đích: người làm đơn phải có kiến thức lý thuyết của môn học và mối liên hệ tương tác giữa môn học này với các môn học khác;

(iv) Người làm đơn phải có khả năng mô tả chi tiết về môn học với việc sử dụng các kiến thức nền tảng của môn học và các ví dụ minh họa cụ thể;

(v) Người làm đơn phải biết sử dụng các công thức toán học có liên hệ với môn học;

(vi) Người làm đơn phải có khả năng đọc và hiểu được đồ họa, bản vẽ đơn giản và sơ đồ mạch để mô tả môn học;

(vii) Người làm đơn phải biết áp dụng các kiến thức đã học một cách thực tế thông qua việc sử dụng các hướng dẫn của nhà chế tạo;

(viii) Người làm đơn phải có khả năng đọc được kết quả từ các nguồn và dụng cụ, phương pháp đo khác nhau và áp dụng biện pháp khắc phục khi cần thiết.

(b) Các môn học: Kiến thức cần thiết đối với từng môn học cơ bản cho giấy phép AMT phải căn cứ theo bảng tham chiếu dưới đây. Các môn học áp dụng cho từng năng định sẽ được đánh dấu "×".

| **Môn học** | **A hoặc B1 tàu bay** | | **A hoặc B1 trực thăng** | | **B2** |
|---|---|---|---|---|---|
| | **Động cơ tuốc-bin** | **Động cơ pit-tông** | **Động cơ tuốc-bin** | **Động cơ pit-tông** | **Bộ môn** |
| 1. Toán | x | x | x | x | x |
| 2. Vật lý | x | x | x | x | x |
| 3. Điện cơ bản | x | x | x | x | x |
| 4. Điện tử cơ bản | x | x | x | x | x |
| 5. Hệ thống thiết bị điện tử kỹ thuật số. | x | x | x | x | x |
| 6. Vật liệu hàng không | x | x | x | x | x |
| 7. Thực hành bảo dưỡng | x | x | x | x | x |
| 8. Khí động học cơ bản | x | x | x | x | x |
| 9. Yếu tố con người | x | x | x | x | x |
| 10. Luật Hàng không dân dụng Việt Nam | x | x | x | x | x |
| 11. Khí động học, kết cấu và các hệ thống của tàu bay động cơ pit-tông | x | x | | | |

| Môn học | A hoặc B1 tàu bay | | A hoặc B1 trực thăng | | B2 |
|---|---|---|---|---|---|
| | Động cơ tuốc-bin | Động cơ pit-tông | Động cơ tuốc-bin | Động cơ pit-tông | Bộ môn |
| 12. Khí động học, kết cấu và các hệ thống của tàu bay trực thăng | | | x | x | |
| 13. Khí động học, kết cấu và các hệ thống của tàu bay | | | | | x |
| 14. Hệ thống tạo lực đẩy. | | | | | x |
| 15. Động cơ tuốc - bin khí. | x | | x | | |
| 16. Động cơ pit-tông | | x | | x | |
| 17. Cánh quạt | x | x | | | |

(c) Cục HKVN quy định các mức kiến thức cụ thể đối với từng loại năng định và các tiêu chuẩn kiểm tra.

(d) Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.355 người làm đơn còn phải chứng tỏ các kiến thức liên quan đến năng định được cấp và phù hợp với trách nhiệm bảo dưỡng tàu bay của người có giấy phép trên các lĩnh vực sau:

(1) Quy chế và nguyên tắc đối với người có giấy phép bảo dưỡng tàu bay bao gồm cả các yêu cầu về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay quy định việc phê chuẩn và duy trì tính đủ điều kiện bay của tàu bay và tổ chức bảo dưỡng tàu bay và các quy trình bảo dưỡng tàu bay liên quan;

(2) Toán học cơ bản và các đơn vị đo, các nguyên lý cơ bản và lý thuyết vật lý và hóa học áp dụng trong lĩnh vực bảo dưỡng tàu bay;

(3) Đặc tính và các ứng dụng vật liệu trong kết cấu tàu bay bao gồm cả nguyên lý và các chức năng của kết cấu tàu bay, kỹ thuật đinh tán, hệ thống tạo lực đẩy và các hệ thống liên quan, cơ học, chất lỏng và các nguồn điện và điện tử, thiết bị tàu bay, hệ thống hiển thị, hệ thống điều khiển, hệ thống dẫn đường trên không và hệ thống liên lạc;

(4) Các công việc yêu cầu nhằm đảm bảo tính đủ điều kiện bay của tàu bay bao gồm phương pháp và quy trình cho việc đại tu, sửa chữa, kiểm tra, thay thế hoặc

sửa chữa hỏng hóc của cấu trúc tàu bay, thiết bị và các hệ thống theo các phương pháp quy định tại các tài liệu hướng dẫn liên quan và các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng;

(5) Khả năng và giới hạn của con người đối với nhân viên kỹ thuật có giấy phép AMT.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.357: CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY**

(a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép AMT phải đáp ứng các yêu cầu về kinh nghiệm như sau:

(1) Đối với năng định A hoặc tiểu năng định B1.2 và B1.4:

(i) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan nếu người làm đơn không được huấn luyện về mặt kỹ thuật liên quan đến tàu bay;

(ii) 2 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện phù hợp với nhân viên kỹ thuật có tay nghề trên các lĩnh vực kỹ thuật khác;

(iii) 1 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện tại các trung tâm huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 8.

(2) Đối với năng định B2 hoặc tiểu năng định B1.3 hoặc B1.3:

(i) 5 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan nếu người làm đơn không được huấn luyện về mặt kỹ thuật liên quan đến tàu bay;

(ii) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện được Cục HKVN cho là phù hợp với nhân viên kỹ thuật có tay nghề trên các lĩnh vực kỹ thuật khác;

(iii) 2 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện tại các trung tâm huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 8.

(3) Đối với năng định C của tàu bay lớn:

(i) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế với các loại năng định B1.1, B1.3 hoặc B2 trên loại tàu bay lớn hoặc như nhân viên hỗ trợ năng định B1.1, B1.3 hoặc B2 của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc kết hợp của cả hai điều kiện trên;

(ii) 5 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế với các loại năng định B1.2, B1.4 trên loại tàu bay lớn hoặc như nhân viên hỗ trợ năng định B1.2, B1.4 của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc kết hợp của cả hai điều kiện trên.

(4) Đối với năng định C của tàu bay không phải là tàu bay lớn:

(i) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế với các loại năng định B1.1, B1.3 hoặc B2 trên loại tàu bay không phải là tàu bay lớn hoặc như nhân viên hỗ trợ năng định B1.1, B1.3 hoặc B2 của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc kết hợp của cả hai điều kiện trên.

(5) Đối với năng định C của nhân viên tốt nghiệp kỹ sư tàu bay:

(i) Đối với người làm đơn có bằng kỹ sư chuyên ngành kỹ thuật, từ các trường đại học hoặc các cấp học cao hơn được Cục HKVN công nhận, 3 năm kinh nghiệm trong môi trường bảo dưỡng tàu bay dân dụng với các công việc đại diện liên quan đến bảo dưỡng tàu bay trong đó có 6 tháng theo dõi công việc bảo dưỡng nội trường.

(b) Người đề nghị bổ sung năng định giấy phép AMT phải có kinh nghiệm bảo dưỡng tối thiểu phù hợp với năng định hoặc năng định phụ đề nghị bổ sung theo bảng sau đây:

| Từ / Đến | A1 | A2 | A3 | A4 | B1.1 | B1.2 | B1.3 | B1.4 | B2 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A1 | | 6 th. | 6 th. | 6 th. | 2 năm | 6 th. | 2 năm | 1 năm | 2 năm |
| A2 | 6 th. | | 6 th. | 6 th. | 2 năm | 6 th. | 2 năm | 1 năm | 2 năm |
| A3 | 6 th. | 6 th. | | 6 th. | 2 năm | 1 th | 2 năm | 6 th. | 2 năm |
| A4 | 6 th. | 6 th. | 6 th. | | 2 năm | 1 năm | 2 năm | 6 th. | 2 năm |
| B1.1 | Không | 6 th. | 6 th. | 6 th. | | 6 th | 6 th. | 6 th. | 1 năm |
| B1.2 | 6 th. | Không | 6 th. | 6 th. | 2 năm | | 2 năm | 6 th. | 2 năm |
| B1.3 | 6 th. | 6 th. | Không | 6 th. | 6 th | 6 th. | | 6 th. | 1 năm |
| B1.4 | 6 th. | 6 th. | 6 th. | Không | 2 năm | 6 th. | 2 năm | | 2 năm |
| B2 | 6 th. | 6 th. | 6 th. | 6 th. | 1 năm | 1 năm | 1 năm | 1 năm | |

(c) Đối với năng định loại A, B1, B2 kinh nghiệm phải là công việc thực tế trong các lĩnh vực liên quan đến công việc bảo dưỡng trên tàu bay.

(d) Đối với tất cả nhân viên kỹ thuật có giấy phép, kinh nghiệm thực tế cần thiết phải có tối thiểu một năm kinh nghiệm làm việc trên tàu bay trước khi đề nghị cấp năng định lần đầu. Đối với các lần bổ sung năng định tiếp theo kinh nghiệm thực tế cần thiết không nhất thiết phải là một năm nhưng không được ít hơn 3 tháng. Kinh nghiệm thực tế yêu cầu sẽ phụ thuộc vào sự khác biệt giữa năng định đang có và năng định đề nghị bổ sung. Kinh nghiệm thực tế phải đặc trưng cho năng định đề nghị bổ sung.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.350: VỀ THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VÀ NĂNG ĐỊNH CHO NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY (AMT) VÀ NHÂN VIÊN SỬA CHỮA CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG (ARS)**

(a) Người đề nghị cấp giấy phép và năng định nhân viên AMT/ARS phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm các tài liệu sau đây:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhân viên AMT/ARS;

(2) Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của thủ trưởng đơn vị hoặc chính quyền địa phương;

(3) Các tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hành được Cục HKVN chấp thuận và loại công việc phù hợp với năng định đề nghị cấp;

(4) Bản sao chứng thực chứng chỉ tốt nghiệp khóa huấn luyện phù hợp với năng định đề nghị cấp tại ATO được Cục HKVN công nhận;

(5) Kết quả bài kiểm tra sát hạch về kiến thức, kinh nghiệm phù hợp với năng định đề nghị cấp;

(b) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và thực hiện việc cấp giấy phép nhân viên nhân viên AMT/ARS cho những người đề nghị đáp ứng được các yêu cầu của Bộ quy chế an toàn hàng không này.

(c) Giấy phép và năng định nhân viên AMT/ARS được cấp lại trong trường hợp giấy phép được cấp hết thời hạn hiệu lực, bị mất, hư hỏng. Người đề nghị phải hoàn thành 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ.

(d) Người làm đơn đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên AMT/ARS phải nộp hồ sơ tối thiểu 20 ngày trước ngày hết hạn của giấy phép đã được cấp. Hồ sơ bao gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp lại nêu rõ lý do;

(2) Giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với quy định của Bộ Y tế và Phần 8 Bộ quy chế an toàn hàng không còn hiệu lực;

(3) Kết quả kiểm tra sát hạch trình độ, kinh nghiệm trên chủng loại, hạng, loại tàu bay phù hợp với năng định đề nghị cấp;

(e) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên AMT/ARS trong trường hợp giấy phép bị mất, bị rách, người đề nghị phải nộp hồ sơ đến Cục HKVN tối thiểu 7 ngày làm việc. Hồ sơ bao gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp lại nêu rõ lý do;

(2) Bản gốc hoặc bản sao giấy phép và năng định đã được cấp (nếu có).

(f) Người đề nghị gia hạn năng định nhân viên AMT/ARS phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm:

(1) Đơn đề nghị gia hạn năng định nhân viên AMT/ARS;

(2) Giấy chứng nhận sức khỏe còn hiệu lực kèm theo bản chính để đối chiếu;

(3) Bản sao giấy phép nhân viên AMT/ARS còn hiệu lực kèm theo bản chính để đối chiếu;

(4) Kết quả kiểm tra sát hạch lý thuyết về những nội dung theo quy định;

(5) Kết quả kiểm tra sát hạch thực hành với các nội dung khai thác áp dụng cho năng định chủng loại tàu bay và năng định hạng tàu bay phù hợp của người đề nghị.

(g) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và thực hiện việc gia hạn năng định phù hợp.

# Phần 8
# GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

**Chương A: QUY ĐỊNH CHUNG**

8.001. Phạm vi áp dụng

8.003. Định nghĩa

8.005. Các chữ viết tắt

8.007. Giấy chứng nhận sức khỏe

**Chương B: CÁC GIÁM ĐỊNH VIÊN Y KHOA HÀNG KHÔNG**

8.010. Phạm vi áp dụng

8.013. Giám định viên y khoa hàng không: định nghĩa và quyền hạn

8.015. Ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền

**Chương C: QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE**

8.020. Phạm vi áp dụng

8.023. Hồ sơ sức khỏe

8.025. Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe

8.035. Từ chối cấp giấy chứng nhận sức khỏe

8.037. Cấp giấy chứng nhận sức khỏe đặc biệt

8.040. Thừa nhận hiệu lực của giấy chứng nhận sức khỏe nước ngoài

8.043. Cấp lại giấy chứng nhận sức khỏe

8.045. Điều chỉnh thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận

8.047. Cấp lại đặc biệt đối với giấy chứng nhận sức khỏe

**Chương D: CƠ SỞ Y TẾ GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG**

8.050. Phạm vi áp dụng

8.053. Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không

8.055. Áp dụng để cấp hoặc sửa đổi bổ sung

8.057. Sửa đổi giấy chứng nhận amc

8.060. Niêm yết giấy chứng nhận

8.063. Phạm vi hoạt động của giấy chứng nhận

8.065. Mất năng định của giấy chứng nhận

8.067. Trụ sở văn phòng

8.070. Các chi nhánh

8.073. Thay đổi địa điểm

8.075. Bộ máy quản lý của AMC

8.080. Yêu cầu chung đối với các cán bộ của AMC

8.083. Máy móc thiết bị xét nghiệm

8.085. Hệ thống đảm bảo chất lượng

8.087. Kiểm tra và giám sát

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ CHUẨN**

**GIÁM ĐỊNH VIÊN Y KHOA HÀNG KHÔNG**

## Chương A
## QUY ĐỊNH CHUNG

### 8.001. PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Phần này quy định các yêu cầu của Việt Nam về Giấy chứng nhận sức khỏe của nhân viên hàng không và cấp, công nhận Giấy chứng nhận sức khỏe.

(b) Phần này áp dụng đối với tất cả những người có giấy phép hành nghề do Việt Nam cấp mà Giấy chứng nhận sức khỏe được quy định là điều kiện hiệu lực của giấy phép hành nghề.

(c) Phần này cũng có thể áp dụng cho tất cả những người được cung cấp các đánh giá về sức khỏe, các kết luận chính thức về sức khỏe và các đánh giá đặc biệt đối với khả năng làm việc.

### 8.003. ĐỊNH NGHĨA

(a) Đối với phần này các định nghĩa sau đây được áp dụng:

*Ghi chú: Các khái niệm khác liên quan đến hàng không đã được định nghĩa ở Phần 1 của Bộ quy chế an toàn hàng không này.*

**(1) Kết luận chính thức về sức khỏe:** Việc hoàn thành kết luận sẽ do một hoặc một vài chuyên gia y tế có thể chấp thuận để chuyển lên bộ phận cấp phép xem xét từng trường hợp có liên quan, trong trường hợp cần thiết tham khảo ý kiến bộ phận khai thác bay hoặc các chuyên gia khác làm cơ sở cho việc cấp Giấy chứng nhận hoặc Giấy chứng nhận của Việt Nam;

**(2) Cơ sở giám định Y khoa hàng không :** Tổ chức y tế hàng không được Cục HKVN phê chuẩn được phép thực hiện công việc đánh giá y tế đối với nhân viên hàng không và đưa ra khuyến cáo liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với các quy định của Phần này.

**(3) Trường hợp có thể**: Trong tình huống mà các điều khoản về sức khỏe của phần này, "Đang được cân nhắc".

**(4) Đánh giá sức khỏe**: Người có giấy phép hành nghề phải chứng minh được mình đủ điều kiện sức khỏe theo các yêu cầu cụ thể do quốc gia thành viên cấp;

**(5) Đánh giá viên y khoa** : Là thành viên của Hội đồng đánh giá kết quả giám định nhân viên hàng không được Cục HKVN phê chuẩn;

**(6) Giám định viên y khoa**: Là bác sỹ được đào tạo về y học hàng không, có kinh nghiệm và kiến thức thực hành trong môi trường hàng không được Cục

HKVN chấp thuận để thực hiện việc kiểm tra và giám định sức khỏe của nhân viên hàng không;

**(7) Thực chất các vấn đề cần phải bàn luận**: Việc sử dụng một hoặc một vài loại thuốc nào đó của nhân viên hàng không trong công việc đó là:

(i) Gây ra nguy cơ trực tiếp đối với người sử dụng hoặc gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe hoặc các vấn đề khác cần quan tâm; và/hoặc

(ii) Các nguyên nhân hoặc các vấn đề trở nên xấu hơn trong nghề nghiệp, xã hội, tinh thần hoặc là các vấn đề rối loạn chức năng sinh lý;

**(8) Các chất gây tác động đến hành vi trí tuệ:** Rượu, thuốc phiện, thuốc giảm đau an thần, thuốc ngủ, cocaine và một số chất khác;

**(9) Thừa nhận hiệu lực của Giấy chứng nhận**: Là việc chấp nhận của Cục HKVN đối với Giấy chứng nhận do quốc gia thành viên ICAO khác đã cấp nhằm mục đích:

(i) Thay thế cho việc cấp Giấy chứng nhận hoặc Giấy chứng nhận của Việt Nam; hoặc

**(10) Chất gây nghiện**: Tình trạng mà trong đó con người bị phụ thuộc vào các chất, không kể thuốc lá hoặc các đồ uống chất chứa xantin thông thường (e.g, caffeine) đồ uống, được thể hiện thông qua việc tăng mức độ dung sai cho phép, sự biểu hiện của các triệu chứng cai nghiện, mất kiểm soát khi sử dụng hoặc tiếp tục sử dụng bất chấp việc gây tổn hại đến sức khỏe hoặc làm suy yếu các chức năng xã hội, con người hoặc nghề nghiệp.

**8.005. CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

(a) Sau đây là các chữ viết tắt đã được sử dụng trong phần này

(1) AMC (Aviation Medical Center) - Cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không;

(2) AME (Aviation Medical Examiner) - Giám định viên y khoa;

(3) AMA (Aviation Medical Assessor) - Đánh giá viên y khoa;

(4) dB - decibels (Deciben/Đơn vị đo cường độ tiếng ồn tương đương với 1 micropascal);

(5) ICAO (International Civil Aviation Organization) - Tổ chức hàng không dân dụng Quốc tế.

**8.007. GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE**

(a) Cục HKVN cấp ba nhóm Giấy chứng nhận sức khỏe để thể hiện việc đủ năng lực sức khỏe tối thiểu.

(1) Nhóm 1: Áp dụng với người lái vận tải hàng không, thương mại hoặc giấy phép người lái của tổ lái nhiều thành viên;

(2) Nhóm 2: Áp dụng với học viên lái tàu bay, người lái tàu bay tư nhân, kỹ sư trên không, nhân viên dẫn đường, cơ giới trên không và tiếp viên hàng không;

(3) Nhóm 3: Áp dụng với giấy phép của kiểm soát viên không lưu.

## Chương B
## CÁC GIÁM ĐỊNH VIÊN Y KHOA HÀNG KHÔNG

### 8.010. PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này đưa ra các quy định bổ sung cho các quy định đã nêu tại Phần 1 của Bộ quy chế an toàn hàng không để áp dụng cho việc chấp thuận giám định viên y khoa hàng không của Cục HKVN.

### 8.013. GIÁM ĐỊNH VIÊN Y KHOA HÀNG KHÔNG: ĐỊNH NGHĨA VÀ QUYỀN HẠN

(a) Cục HKVN là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận các giám định viên y khoa hàng không của cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không để:

(1) Thực hiện việc khám sức khỏe để đánh giá sự phù hợp của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe phục vụ cho việc cấp hoặc gia hạn giấy phép, năng định theo quy định của Việt Nam; và

(2) Khuyến cáo việc cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với nội dung quy định tại phần này để đại diện được ủy quyền của Cục HKVN xem xét, quyết định.

(b) Một giám định viên y khoa hàng không phải:

(1) Có năng lực và giấy phép thực hiện chuyên môn về y tế;

(2) Đã qua khóa huấn luyện về y tế hàng không;

(3) Chứng tỏ được khả năng về y tế hàng không;

(4) Chứng tỏ sự hiểu biết các tiêu chuẩn sức khỏe của hàng không quốc tế;

(5) Chứng tỏ sự hiểu biết các hướng dẫn về hàng không quốc tế đối với AMEs;

(6) Được đào tạo cập nhật và bổ sung về kiến thức y tế hàng không;

(7) Có kiến thức thực hành và kinh nghiệm về các điều kiện làm việc của những người được cấp giấy phép và năng định trong khi họ thực hiện nhiệm vụ.

(c) Giám định viên y khoa hàng không, dựa trên cơ sở phán quyết của mình, có trách nhiệm báo cáo Cục HKVN mọi trường hợp không đáp ứng tiêu chuẩn sức khỏe của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe có ảnh hưởng đến an toàn bay.

**8.015. ỦY QUYỀN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

(a) Cục HKVN làm thủ tục chấp thuận giám định viên y khoa hàng không để:

(1) Kiểm tra người đề nghị cấp Giấy chứng nhận và những người có Giấy chứng nhận sức khỏe để quyết định xem họ có đủ tiêu chuẩn sức khỏe hay không; và

(2) Khuyến cáo việc cấp, cấp lại, từ chối hoặc thu hồi Giấy chứng nhận sức khỏe, khước từ về sức khỏe, miễn trừ hoặc xác nhận Giấy chứng nhận khỏe đặc biệt cho người đề nghị cấp giấy chứng trên cơ sở đáp ứng hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn sức khỏe liên quan.

(b) Cục HKVN được phép ủy quyền cho bác sỹ có khả năng chuyên môn đại diện cho Cục HKVN để tiến hành xem xét lại các hồ sơ sức khỏe, đánh giá lại tình trạng đủ sức khỏe của người đang đề nghị cấp hoặc đã có Giấy chứng nhận sức khỏe và trong một số trường hợp cần thiết có thể tiến hành kiểm tra hồ sơ của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận do cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không lưu giữ.

(c) Cục HKVN bảo lưu quyền xem xét lại bất cứ công việc nào do giám định viên y khoa hàng không thực hiện.

## Chương C
## QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

**8.020. PHẠM VI ÁP DỤNG**

(a) Chương này quy định các yêu cầu về trình tự cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đối với tất cả các loại Giấy chứng nhận sức khỏe nêu tại Điều 8.007.

**8.023. HỒ SƠ SỨC KHỎE**

(a) Để được cấp Giấy chứng nhận sức khỏe mỗi cá nhân đề nghị cấp phải ký và hoàn thiện đơn đề nghị theo mẫu biểu và cách thức thực hiện do Cục HKVN quy định để nộp cho cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không đã được Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận (AMC), trong đơn cung cấp các thông tin y tế cá nhân có liên quan tới:

(1) Bản thân, gia đình, và tiền sử di truyền một cách đầy đủ và chính xác theo sự hiểu biết của cá nhân đó; và

(2) Có hay không việc từ chối đánh giá tình trạng sức khỏe trước đây, thu hồi hoặc tạm thời đình chỉ và nếu có thì nêu lý do.

(b) Bất cứ thời điểm nào thấy cần thiết thông tin y tế bổ sung hoặc tiểu sử sức khỏe, cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không có thể yêu cầu người đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cung cấp hoặc ủy quyền cho bất kỳ phòng khám, bệnh viện, bác sỹ, hoặc một người nào đó cung cấp thông tin liên quan đến tiểu sử sức khỏe.

(c) Mỗi cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe phải nhận thức được sự cần thiết của việc báo cáo một cách đầy đủ và chính xác sự hiểu biết của mình và chịu trách nhiệm về thông tin sai lệch.

(d) Cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không báo cáo Cục HKVN bất cứ thông tin sai lệch nào của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe liên quan tới việc cấp giấy phép hoặc năng định.

(e) Nếu như người đề nghị cấp hoặc người được cấp Giấy chứng nhận sức khỏe không đủ khả năng cung cấp các yêu cầu thông tin về sức khỏe trong quá khứ, không xác nhận được các thông tin đó, hoặc cung cấp các thông tin sai lệch, Cục HKVN có thể:

(1) Tạm đình chỉ, sửa đổi hoặc thu hồi tất cả Giấy chứng nhận sức khỏe của cá nhân đó đang có; hoặc

(2) Từ chối việc cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đối với người đề nghị.

(f) Nếu như Giấy chứng nhận sức khỏe bị tạm thời đình chỉ hoặc sửa đổi theo mục này thì sự tạm đình chỉ hoặc sửa đổi đó vẫn giữ nguyên hiệu lực tới khi:

(1) Người được cấp hoặc người đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cung cấp yêu cầu về thông tin trong quá khứ, hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép; và

(2) Cục HKVN xác định được người được cấp hoặc người đề nghị cấp có đáp ứng các tiêu chuẩn sức khỏe hay không.

**8.025. HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE**

(a) Cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không tổ chức việc giám định sức khỏe của người đề nghị; tập hợp kết quả giám định của các giám định viên y khoa, chuyển cho Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

(b) Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe được Cục HKVN thành lập và ủy quyền xem xét tổng hợp kết quả giám định, kết luận về sức khỏe theo mẫu biểu và cách thức quy định, cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cho người đủ điều kiện.

(c) Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe báo cáo kết quả giám định, cấp Giấy chứng nhận sức khỏe lên Cục HKVN để kiểm tra, giám sát.

(d) Báo cáo kết quả giám định sức khỏe có thể gửi bằng thư điện tử nếu đảm bảo an ninh mạng. Trong trường hợp có nghi ngờ về an ninh mạng bị xâm phạm phải nhanh chóng thông báo cho Cục HKVN.

(a) Thành viên Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe phải đáp ứng các yêu cầu chuyên môn như đối với giám định viên y khoa hàng không và phải được huấn luyện về đánh giá các hồ sơ sức khỏe. Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động của Hội đồng theo quy chế do Cục HKVN ban hành.

*Ghi chú: Điều quan trọng là Cục HKVN phải biết được kết quả giám định sức khỏe của nhân viên hàng không được cấp Giấy chứng nhận hành nghề mà Giấy chứng nhận sức khỏe là điều kiện duy trì hiệu lực của giấy phép hành nghề.*

**8.027. SỰ BẢO MẬT VÀ TRUY CẬP HỒ SƠ SỨC KHỎE**

(a) Tất cả các nhân viên bao gồm giám định viên y khoa, thành viên Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe, nhân viên của cơ sở y tế giám định sức khỏe hàng không, nhân viên cấp phép của Cục HKVN có trách nhiệm bảo mật đối với hồ sơ sức khỏe của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe.

(b) Kết quả giám định sức khỏe và các hồ sơ liên quan phải được lưu giữ bảo đảm hạn chế việc tiếp cận của người không có phận sự.

(c) Thành viên Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe, người có thẩm quyền của Cục HKVN được truy cập tất cả các hồ sơ sức khỏe của người đề nghị cấp hoặc người đã được cấp Giấy chứng nhận sức khỏe mà các hồ sơ đó được lưu giữ bởi cơ sở y tế giám định sức khỏe hàng không hoặc bác sỹ tư nhân.

(d) Bất chấp quy định của sự cẩn mật, không một cá nhân nào có thể cho phép phát hành hoặc tiếp tục sử dụng Giấy chứng nhận sức khỏe khi mà người có Giấy chứng nhận không đủ tiêu chuẩn sức khỏe.

**8.033. CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE**

(a) Giấy chứng nhận sức khỏe được cấp cho nhân viên hàng không đáp ứng tiêu chuẩn sức khỏe tương ứng do Bộ Y tế ban hành, dựa trên kết quả kiểm tra và giám định y tế, tiểu sử sức khỏe của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

(b) Bất cứ cá nhân nào không đáp ứng tiêu chuẩn sức khỏe của chương này có thể đề nghị xem xét lại nếu thấy cần thiết.

**8.035. TỪ CHỐI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE**

(a) Việc từ chối cấp Giấy chứng nhận sức khỏe có hiệu lực:

(1) Vào thời điểm đánh giá tình trạng sức khỏe đã xác định rằng người đề nghị đã không đủ sức khỏe đúng theo các tiêu chuẩn sức khỏe của nhân viên hàng không do Bộ Y tế ban hành; và

(2) Cho tới lúc người đó được cơ quan có thẩm quyền xác định lại là đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

(b) Bất cứ người đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe nào bị Hội đồng đánh giá giám định từ chối cấp Giấy chứng nhận sức khỏe có thể, trong vòng 5 ngày, kể từ ngày bị từ chối, kiến nghị bằng văn bản đến Cục HKVN để xem xét lại việc từ chối đó.

(c) Việc từ chối cấp Giấy chứng nhận sức khỏe có hiệu lực ngay cho đến khi có quyết định khác của Cục HKVN.

**8.037. CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE ĐẶC BIỆT**

(a) Cục HKVN có thể cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đặc biệt đối với người đề nghị cấp Giấy chứng nhận không phù hợp các tiêu chuẩn có thể vận dụng để cấp Giấy chứng nhận sức khỏe nếu như cá nhân đó đưa ra được lý do thỏa đáng, bao gồm:

(1) Kết luận chính thức về sức khỏe chỉ ra rằng trong trường hợp đặc biệt người đề nghị cấp không đủ điều kiện với bất kỳ yêu cầu nào đó, về vấn đề này hay vấn đề khác nhưng điều đó cũng không ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền hạn được ghi trong giấy phép:

(i) Không ảnh hưởng đến an toàn khi thực hiện nhiệm vụ;

(ii) Không ảnh hưởng đến an toàn khai thác tàu bay; hoặc

(iii) Không ảnh hưởng đến việc gây ra mất khả năng làm việc.

(2) Liên quan đến năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận và các điều kiện làm việc cũng sẽ được cân nhắc một cách thích hợp;

(3) Khi giấy phép được ghi một vài giới hạn đặc biệt hoặc các giới hạn thì người có giấy phép phải tuân theo các giới hạn đó để thực hiện công việc an toàn.

**8.040. THỪA NHẬN HIỆU LỰC CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE NƯỚC NGOÀI**

(a) Cục HKVN có thể chấp thuận việc cấp Giấy chứng nhận sức khỏe, Giấy chứng nhận được cấp bởi một quốc gia thành viên khác của ICAO thay vì tiến hành giám định sức khỏe của cơ sở y tế giám định sức khỏe hàng không.

*Ghi chú: Cục HKVN có thể liên hệ với một nhà chức trách hàng không của quốc gia thành viên ICAO khác để quyết định hiệu lực của Giấy chứng nhận trình lên Cục HKVN.*

(b) Cục HKVN có thể chấp thuận Giấy chứng nhận sức khỏe do quốc gia thành viên ICAO khác cấp cho nhân viên hàng không trong thời gian thực hiện nhiệm vụ tại Việt Nam thay cho việc cấp Giấy chứng nhận sức khỏe mới.

*Ghi chú: Cục HKVN sẽ lập danh sách các quốc gia thành viên ICAO có Giấy chứng nhận sức khỏe được công nhận thay cho việc cấp mới.*

**8.043. CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE**

(a) Các yêu cầu đối với việc cấp lại Giấy chứng nhận sức khỏe tương tự như đối với yêu cầu của việc cấp lần đầu trừ khi có các quy định khác.

**8.045. ĐIỀU CHỈNH THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN**

(a) Thời hạn hiệu lực cho phép của Giấy chứng nhận sức khỏe đã được quy định:

(1) Tại Phần 10: cho người lái tàu bay, kỹ sư bay, và nhân viên dẫn đường;

(2) Tại Phần 13: cho tiếp viên hàng không.

(b) Cục HKVN có thể gia hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận sức khỏe tối đa là 30 ngày trong trường hợp nhân viên hàng không chưa thực hiện được việc giám định sức khỏe theo quy định vì các lý do bất khả kháng;

(c) Cục HKVN có thể giảm thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận sức khỏe đối với nhân viên hàng không khi có dấu hiệu về mặt lâm sàng.

**8.047. CẤP LẠI ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE**

(a) Quy định việc kiểm tra lại của người có giấy phép thực hiện nhiệm vụ ở khu vực xa nơi cơ sở y tế được chỉ định kiểm tra sức khỏe có thể được cấp lại Giấy chứng nhận sức khỏe đặc biệt khi xét thấy cần thiết và được Cục HKVN cho phép; việc cấp lại đó chỉ được thực hiện như một trường hợp ngoại lệ và không được lạm dụng.

(1) Thời hạn 6 tháng một lần, trong trường hợp thành viên tổ lái tàu bay không khai thác thương mại;

(2) Thời hạn không quá 03 tháng/01 lần cho hai lần liên tiếp có báo cáo về sức khỏe vẫn được sử dụng thuận lợi sau khi kiểm tra, trong trường hợp thành viên tổ lái tàu bay đang khai thác thương mại.

(b) Việc kiểm tra phải được thực hiện bởi:

(1) Giám định viên y khoa hàng không được chỉ định trong khu vực có liên quan; hoặc

(2) Trong trường hợp không có giám định viên y khoa hàng không được chấp thuận tại nơi thành viên tổ lái lưu trú thì công tác giám định có thể được thực hiện bởi bác sỹ có giấy phép hành nghề tại khu vực đó.

(c) Giấy chứng nhận của người lái tàu bay tư nhân sẽ được cấp lại đặc biệt một lần với thời gian không vượt quá 24 tháng nếu được giám định viên y khoa do quốc gia thành viên ICAO, nơi người lái tư nhân đó lưu trú tạm thời, thực hiện.

(d) Báo cáo kiểm tra sức khỏe được quy định trong Phần này phải được gửi lên nhà chức trách trước khi tiến hành thực hiện việc khai thác bất cứ tàu bay nào trong thời hạn cụ thể của cấp lại đặc biệt.

*Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 8.023 về thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận sức khỏe của nhân viên hàng không.*

## Chương D

## CƠ SỞ Y TẾ GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

### 8.050. PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này đưa ra các quy định áp dụng về cấp và duy trì hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

### 8.053. GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ Y TẾ GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(a) Không ai được phép tổ chức thực hiện việc giám định sức khỏe nhân viên hàng không khi không có Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không do Cục HKVN cấp.

(b) Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không có hiệu lực không quá 36 tháng trừ khi bị đình chỉ, hủy bỏ hoặc thu hồi trước thời hạn của Giấy chứng nhận được cấp.

**8.055. ÁP DỤNG ĐỂ CẤP HOẶC SỬA ĐỔI BỔ SUNG**

(a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không phải được nộp trước 30 trước ngày dự kiến tiến hành giám định y khoa.

(b) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không phải được thực hiện theo mẫu và cách thức thực hiện do Cục HKVN quy định.

(c) Nội dung của Giấy chứng nhận được Cục HKVN cấp bao gồm:

(1) Tên giao dịch, trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, phạm vi hoạt động của cơ sở giám định sức khỏe nhân viên hàng không, địa chỉ các văn phòng đại diện, chi nhánh (nếu có).

(d) Cục HKVN có thể cấp Giấy chứng nhận AMC cho:

(1) Cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không có địa chỉ trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam; hoặc

(2) Chi nhánh của cơ sở giám định sức khỏe nhân viên hàng không đặt tại Việt Nam hoặc nước ngoài.

**8.057. SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN AMC**

(a) Cục HKVN có thể sửa đổi Giấy chứng nhận AMC:

(1) Khi xác định là cần thiết vì lợi ích của việc tiêu chuẩn hóa; hoặc

(2) Theo đề nghị của cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

(b) Người được cấp AMC phải nộp đơn đề nghị phê chuẩn sửa đổi Giấy chứng nhận AMC trước 10 ngày, kể từ ngày dự kiến sửa đổi được đưa vào áp dụng

**8.060. NIÊM YẾT GIẤY CHỨNG NHẬN**

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận AMC phải niêm yết Giấy chứng nhận tại trụ sở Văn phòng chính của mình ở nơi có nhiều người qua lại và dễ nhìn.

**8.063. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN**

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận AMC chỉ có thể được quyền thực hiện một hoặc tất cả những giám định sức khỏe đối với:

(1) Nhóm 1;

(2) Nhóm 2;

(3) Nhóm 3; hoặc

(4) Xét nghiệm y tế đặc biệt.

(b) Người được cấp Giấy chứng nhận AMC có thể thực hiện quảng cáo và tiến hành giám định sức khỏe đối nhân viên hàng không theo phạm vi hoạt động của Giấy chứng nhận AMC do Cục HKVN cấp.

(c) Cục HKVN có thể yêu cầu người được cấp Giấy chứng nhận AMC tiến hành các xét nghiệm bổ sung hoặc xét nghiệm đặc biệt để đưa ra các kết luận y khoa chính thức đối với trường hợp bị xem xét về khả năng đáp ứng tiêu chuẩn sức khỏe phù hợp với Giấy chứng nhận sức khỏe tương ứng của người đề nghị.

**8.065. MẤT NĂNG ĐỊNH CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN**

(a) Cục HKVN có thể từ chối, đình chỉ, thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận theo Chương D của Phần này khi có dấu hiệu chứng tỏ:

(1) Cơ sở giám định sức khỏe không đáp ứng, hoặc không còn đáp ứng được những yêu cầu của Chương D Phần này;

(2) Người đệ trình đơn không đầy đủ, hoặc không chính xác, hoặc chứa đựng những thông tin thiếu trung thực.

(b) Cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không có Giấy chứng nhận AMC bị đình chỉ, bị thu hồi hoặc bị hủy bỏ sẽ phải nhanh chóng:

(1) Tháo bỏ mọi chỉ dẫn, biển hiệu ở bất kỳ nơi nào mà AMC đã được Cục HKVN cho phép trước đây; và

(2) Thông báo cho tất cả các công ty quảng cáo, cơ quan thông tin mà AMC sử dụng để quảng cáo dừng mọi việc quảng cáo cho các hoạt động của cơ sở giám định.

(3) Nộp lại Giấy chứng nhận cơ sở giám định sức khỏe nhân viên hàng không cho Cục HKVN trong vòng 5 ngày kể từ ngày Cục HKVN ra quyết định thu hồi hoặc hủy bỏ.

**8.067. TRỤ SỞ VĂN PHÒNG.**

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận AMC phải có văn phòng chính đặt tại địa chỉ được ghi trên Giấy chứng nhận AMC.

(b) Văn phòng chính không được sử dụng chung, hoặc sử dụng bởi bên khác có Giấy chứng nhận AMC.

**8.070. CÁC CHI NHÁNH**

(a) Chi nhánh cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không có thể giám định sức khỏe nếu:

(1) Giám định viên y khoa hàng không của AMC đang công tác tại chi nhánh và có thể tiến hành giám định theo chuyên khoa được phê chuẩn;

(2) Cơ sở, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng được các yêu cầu hiện hành;

(3) Giám định viên y khoa hàng không và nhân viên tại chi nhánh của AMC được văn phòng trụ sở AMC giám sát và quản lý trực tiếp;

(4) AMC phải có các quy định đảm bảo rằng việc giám định sức khỏe tại chi nhánh của mình đáp ứng đầy đủ các yêu cầu như đối với AMC;

(5) Người được cấp Giấy chứng nhận AMC phải thông báo bằng văn bản cho Cục HKVN về việc bổ sung chi nhánh để tiến hành hoạt động tối thiểu 30 ngày trước khi chi nhánh đó bắt đầu tiến hành giám định.

**8.073. THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM**

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận AMC không được phép thay đổi địa điểm của cơ quan mình trừ khi việc thay đổi đó đã được Cục HKVN phê duyệt trước;

(b) Nếu như muốn thay đổi địa điểm, AMC phải thông báo cho Cục HKVN tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến thay đổi địa điểm;

(c) Cơ quan thẩm quyền có thể đề ra các điều kiện theo đó AMC có thể tiến hành giám định khi thay đổi địa điểm hoặc cơ sở thiết bị.

**8.075. BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA AMC**

(a) AMC phải có người quản lý có năng lực được Cục HKVN chấp thuận, người có đủ quyền hạn để đảm bảo rằng hoạt động của AMC tuân thủ mọi quy định, yêu cầu đối với AMC;

(b) Khi tiến hành bất kỳ giám định sức khỏe nào, AMC phải có cán bộ có trình độ năng lực trong lĩnh vực giám định y khoa hàng không dân dụng, đang nắm giữ cương vị sau hoặc tương đương:

(1) Trưởng giám định y khoa hàng không;

(2) Giám định viên y khoa hàng không.

(c) Cá nhân đề nghị chấp thuận giám định viên y khoa hàng không phải nộp đơn đề nghị đến Cục HKVN để xem xét chấp thuận chức danh giám định viên y khoa hàng không (AME) theo tiêu chuẩn hiện hành của Bộ Y tế và yêu cầu tại Điều 8.013.

**8.080. YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CÁN BỘ CỦA AMC**

(a) AMC phải tuyển dụng các cán bộ y tế có đủ trình độ năng lực cần thiết để tiến hành giám định sức khỏe.

(b) Trình độ của cán bộ y tế phải phù hợp với những quy định hiện hành của Bộ Y tế, quy định tại Điều 8.013.

(c) AMC phải đảm bảo rằng tất cả cán bộ y tế đều phải được đào tạo cơ bản và tiếp tục đào tạo phù hợp với nhiệm vụ được giao và trách nhiệm của họ đối với công tác giám định sức khỏe.

(d) AMC phải yêu cầu những người chịu trách nhiệm lập hồ sơ giám định sức khỏe ký tên vào bản cam kết bảo mật thông tin liên quan đến nội dung những hồ sơ này. Bản cam kết bảo mật sẽ được lưu giữ cùng với hồ sơ cá nhân của từng nhân viên y tế này.

**8.083. MÁY MÓC THIẾT BỊ XÉT NGHIỆM**

(a) AMC phải có cơ sở thiết bị, phòng khám phù hợp đảm bảo vệ sinh để có thể tiến hành công tác giám định.

(b) AMC phải có trụ sở riêng và trang thiết bị lưu trữ hồ sơ có khóa để đảm bảo an toàn đối với các hồ sơ giám định sức khỏe.

(c) AMC phải luôn có sẵn toàn bộ các thiết bị vận hành và thiết bị xét nghiệm cần thiết theo như quy định tại Sổ tay y tế hàng không dân dụng của ICAO để có thể thực hiện tốt từng công đoạn cần thiết trong công tác giám định sức khỏe.

**8.085. HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

(a) AMC phải duy trì hệ thống đảm bảo chất lượng được Cục HKVN chấp thuận nhằm đảm bảo rằng các trang thiết bị, nhân viên, công tác giám định sức khỏe và hồ sơ dữ liệu tuân thủ tất cả các quy định liên quan.

(b) Để đảm bảo yêu cầu nêu tại khoản (a), AMC có thể thuê một tổ chức đánh giá chất lượng được Cục HKVN chấp nhận, những dịch vụ đánh giá này phải được thực hiện theo đúng quy định nhằm đảm bảo chất lượng của giám định sức khỏe luôn luôn phù hợp với tiêu chuẩn tối thiểu của Việt Nam.

**8.087. KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT**

(a) Cục HKVN có thẩm quyền tiếp cận bất kỳ lúc nào để tiến hành kiểm tra đối với AMC nhằm xác định việc tuân thủ với các quy định của Phần này.

(b) AMC và nhân viên của mình phải cho phép đại diện được ủy quyền của Cục HKVN tiếp cận không hạn chế tới toàn bộ các địa điểm, trang thiết bị, nhân viên và hồ sơ, kể cả các công tác giám định y khoa đang trong quá trình thực hiện để thực hiện trách nhiệm kiểm tra và giám sát của mình.

(c) Việc duy trì hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không phụ thuộc vào việc tuân thủ của AMC đối với các nội dung quy định của Chương này.

# CÁC PHỤ LỤC

## PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 8.013: CÁC GIÁM ĐỊNH VIÊN Y KHOA HÀNG KHÔNG

(a) Thủ tục chấp thuận giám định viên y khoa hàng không:

(1) Người đề nghị chấp thuận chức danh giám định viên y khoa phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

(i) Đơn đề nghị chấp thuận chức danh giám định viên y khoa hàng không (theo mẫu kèm theo Thông tư này);

(ii) Bản sao chứng thực giấy phép thực hiện chuyên môn y tế;

(iii) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các tài liệu chứng minh đã qua khóa huấn luyện về y tế hàng không;

(2) Cục HKVN là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận các giám định viên y khoa hàng không của các cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

(3) Cục HKVN có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và đánh giá nội dung kê khai trong hồ sơ để quyết định việc chấp thuận chức danh giám định viên y khoa hàng không.

(4) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN ban hành quyết định chấp thuận chức danh giám định viên y khoa hàng không.

(5) Trong trường hợp từ chối việc chấp thuận chức danh giám định viên y khoa hàng không, Cục HKVN phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị biết và nêu rõ lý do.

## PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 8.023: CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

(a) Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận sức khỏe nhân viên hàng không:

(1) Cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không đã được Cục HKVN phê chuẩn có trách nhiệm gửi trực tiếp hoặc qua mạng điện tử hoặc qua đường bưu điện đến Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không hồ sơ và kết quả giám định sức khỏe của Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe nhân viên hàng không và phải chịu trách nhiệm về tính bảo mật, tính trung thực của các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

(i) Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe (theo mẫu kèm theo Thông tư này);

(ii) Bản sao các tài liệu nhằm cung cấp các thông tin y tế cá nhân, tiểu sử bệnh tật của bản thân người đề nghị được quy định tại điểm (1), (2) khoản (a) Điều 8.023;

(iii) Bản sao kết quả giám định sức khỏe của người đề nghị.

(2) Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không được Cục HKVN ủy quyền cấp Giấy chứng nhận sức khỏe nhân viên hàng không theo quy trình được quy định tại Điều 8.023.

(3) Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và đánh giá kết quả giám định sức khỏe để cấp Giấy chứng nhận sức khỏe.

(4) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ từ cơ sở y tế giám định sức khỏe, Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không thực hiện đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cho người đề nghị; báo cáo kết quả lên Cục HKVN.

(5) Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận sức khỏe, Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị biết và nêu rõ lý do.

(6) Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đặc biệt đối với người đề nghị trong trường hợp chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn sức khỏe đã được quy định của Bộ Y tế nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ được quy định trong giấy phép được quy định tại Điều 8.037 theo đề nghị của Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

(7) Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không xem xét cấp lại Giấy chứng nhận sức khỏe đối với người đề nghị trong trường hợp quy định tại Điều 8.043, Điều 8.045 và Điều 8.047. Trình tự thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận sức khỏe được thực hiện như cấp lần đầu.

Mẫu số 01:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

*Application form for aviation medical certificate*

I. Hành chính:

I. *Personal particulars*:

| | | | |
|---|---|---|---|
| 1) Họ:<br>*1) Surname:* | 2) Loại Giấy chứng nhận sức khỏe đề nghị cấp<br>*2) Kind of medical certificate* | | |
| 3) Tên:<br>*3) Name*: | 4) Ngày sinh:<br>*4) Date of birth:* | 5) Giới tính:<br>*5) Sex: M:*<br>*F:* | 6) Khám lần đầu:<br>*First Examination*:<br>Khám gia hạn:<br>*Renewed Examination*: |
| 7) Nước và nơi sinh:<br>*7) Country and birth place:* | 8) Quốc tịch:<br>*8) Nationality*: | | 9) Loại giấy phép đề nghị cấp:<br>*9) Kind of Licence requested*: |
| 10) Địa chỉ thường trú:<br>*10) Residential address*: | 11) Địa chỉ liên lạc:<br>*11) Postal address*: | | 12) Đơn vị sử dụng lao động:<br>*12) Employer*: |
| 13) Số điện thoại:<br>*13) Telephone No*:<br><br>16) Giấy phép hàng không hiện có (loại).<br>*16) Pilot licence available*:<br>Số giấy phép:<br>*Licence No*:<br>Nước cấp giấy phép:<br>*Issue country*: | | | 14) Chứng nhận sức khỏe lần trước:<br>*14) previous medical certificate*:<br>15) Nơi cấp:<br>*15) Place of issue*: |
| 17) Tên trường hàng không đã học:<br>*17) Name of aviation school* | | | Năm tốt nghiệp:<br>*Year of graduation*: |

<table>
<tr><td rowspan="2">18) Đã có tai nạn, sự cố trong khi bay?<br>18) Any accident or failure during flight?<br>Không (No) Có (Yes)<br>Ngày (Date)<br>Nơi (Place)<br><br>Nói chi tiết (State detaily)</td><td>19) Tổng số giờ bay:<br>19) Total flight hours:</td><td>20) Số giờ bay từ lần khám sức khỏe trước:<br><br>Amount of flight hours from previons medical examination:</td></tr>
<tr><td colspan="2">21) Loại tàu bay đang bay:<br>21) Type aircraft presently flown:</td></tr>
</table>

II. Tiền sử bệnh tật:

*II. Health history*: *Yes No*

| | | | |
|---|---|---|---|
| 1 | Từ khi cấp chứng nhận sức khỏe lần trước có điều trị ở bệnh viện không?<br>*Have you been hospitalized from previous issue of medical certificate*?<br>Nếu có bệnh gì và điều trị ở đâu?<br>*If any, what disease and where treated.* | | |
| 2 | Có hút thuốc lá không?<br>*Smoking tobaco in any form?*<br>Nếu hút thì bao nhiêu điếu một ngày? <10; 10 - 25; >25.<br>*If smoking, state how many cigarettes per day? < 10; 10 - 25; > 25* | | |
| 3 | Đã có lần nào được điều trị các vấn đề có liên quan đến rượu, các chất gây nghiện?<br>*Received treatment for problems related to alcohol, drugs or narcotics*? | | |
| 4 | Có bị mất ý thức với bất kỳ lý do nào không?<br>*Unconsciousness for any reason?* | | |
| 5 | Có bị hoa mắt chóng mặt, choáng váng hoặc ngất không?<br>*Dizziness, fainting spells or blackouts?* | | |
| 6 | Đã kiểm tra HIV chưa?<br>*Had a laboratory test for HIV infection?*<br>Nếu có thì kết quả như thế nào?<br>*If yes, what was the result?* | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 7 | Đã đau ở vùng bụng hoặc vùng ngực?<br>*Suffered any chest or abdominal pain?* | | |
| 8 | Có ho hoặc nôn ra máu không?<br>*Coughed or vomited blood?* | | |
| 9 | Có đái ra máu hoặc ỉa phân đen?<br>*Passed blood with urine or faeces?* | | |
| 10 | Đã dùng loại thuốc nào kéo dài liên tục 02 tuần chưa?<br>*Taken or used any medication for longer than two consecutive weeks*? | | |
| 11 | Đã bị điều trị viêm gan vi rút chưa?<br>*Treated virus hepatitis?* | | |
| 12 | Có biểu hiện về bệnh tim mạch?<br>*Heart complaints of any kind?* | | |
| 13 | Có cao huyết áp không?<br>*Hight blood pressure*? | | |
| 14 | Có bệnh về đường hô hấp, hen, dị ứng trầm trọng, sốt theo mùa không?<br>*Had fever, severe allergies, asthma or respiratory problems?* | | |
| 15 | Có mắc bệnh thận hoặc bàng quang như sỏi?<br>*Kidney or bladder diseases eg stones*? | | |
| 16 | Có mắc bệnh đái đường và nội tiết không?<br>*Diabetes or endocrine problems*? | | |
| 17 | Có bị đau dạ dày tá tràng và các rối loạn tiêu hóa khác?<br>*Stomach or bowel problems, other than occasional indigestion?* | | |
| 18 | Có bị các bệnh về máu hoặc thiếu máu?<br>*Anaemia or any other blood disease?* | | |
| 19 | Có mắc bệnh về hệ thống thần kinh hoặc bị liệt không?<br>*Any nervous system disease or paralysis?* | | |
| 20 | Có bị suy nhược thần kinh?<br>*Suffer from any nervous breakdown or anxiety state?* | | |
| 21 | Có đau thần kinh mãn tính hoặc cấp tính như cột sống, thần kinh tọa?<br>*Had black trouble, eg slipped disc sciatica, with chronic or recurrent disability*? | | |
| 22 | Có lần nào khám và điều trị bệnh tâm thần không?<br>*Received any psychiatric examination or treatment?* | | |
| 23 | Đã khi nào có ý định tự tử không?<br>*Attempted suicide?* | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 24 | Có bị đau đầu trầm trọng hoặc thỉnh thoảng?<br>*Any frequent or severe headaches?* | | |
| 25 | Có bị chấn thương ở đầu không?<br>*Any head injury?* | | |
| 26 | Có bị ngất, động kinh co giật không?<br>*Any fits, convulsions or epilepsy*? | | |
| 27 | Có bị bệnh hoặc phẫu thuật về mắt?<br>*Any eye disease or surgical operations?* | | |
| 28 | Hiện nay có đeo kính hoặc kính áp tròng không?<br>*Eye problems, other than wearing glasses or contact lenses?* | | |
| 29 | Thay đổi số kính từ lần khám trước?<br>*Any change of lens fiower from previous examination*? | | |
| 30 | Có vấn đề gì về tai mũi họng?<br>*Ear or hearing problems?* | | |
| 31 | Có bị dị ứng sổ mũi không?<br>*Any catarrh?* | | |
| 32 | Có bị khối u hoặc u ác tính không?<br>*Growths, tumours or malignancy?* | | |
| 33 | Đã có phẫu thuật lần nào chưa?<br>*Had any major surgical operation?* | | |
| 34 | Đã có chấn thương trầm trọng lần nào chưa? gãy xương, di chứng do chấn thương để lại?<br>*Sustained any serious injury, eg fracture or dislocation, with current sequelae?* | | |
| 35 | Đã bị sốt rét lần nào chưa?<br>*Suffered malarie at any time?* | | |
| 36 | Đã có lần nào không đủ tiêu chuẩn sức khỏe để bay không?<br>*Been refused a foreign civil aviation licence for medical reasons?* | | |
| 37 | Gia đình có ai bị mắc bệnh gì không?<br>*Is there any significant disease history in your family?* | | |

Cam đoan của người đề nghị cấp - *guarantee's statement:*

Ngày/ *Date...../...../20.....*

Chữ ký người khai / *Applicant's signature*

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 8.055: CƠ SỞ Y TẾ GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG**

(a) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không:

(1) Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận AMC phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

(i) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận AMC (theo mẫu kèm theo Thông tư này);

(ii) Bản sao quyết định thành lập AMC;

(iii) Bản sao quyết định chấp thuận của Cục HKVN đối với các giám định viên y khoa của AMC;

(iv) Tài liệu về bộ máy tổ chức của AMC;

(v) Tài liệu về hệ thống đảm bảo chất lượng của AMC, trang thiết bị y tế, nhân viên, công tác giám định sức khỏe, công tác lưu giữ hồ sơ dữ liệu, bảo mật.

(2) Cục HKVN có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và đánh giá nội dung kê khai trong hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

(3) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

(4) Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không, Cục HKVN phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị biết và nêu rõ lý do.

(b) Thủ tục gia hạn, sửa đổi Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không:

(1) Người đề nghị gia hạn, sửa đổi Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

(i) Đơn đề nghị gia hạn và/hoặc sửa đổi Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không (theo mẫu kèm theo Thông tư này);

(ii) Bản sao chứng thực giấy phép thực hiện chuyên môn y tế của trưởng giám định cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không (nếu có sửa đổi);

(iii) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các tài liệu chứng minh các cán bộ y tế đều phải được đào tạo cơ bản đối với công tác y tế (nếu có sửa đổi);

(iv) Tài liệu về bộ máy quản lý, hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không, tài liệu về trang thiết bị y tế (nếu có sửa đổi).

(v) Báo cáo hoạt động của cơ sở y tế giám định sức khỏe hàng không trong giai đoạn của Giấy chứng nhận đã được cấp.

(2) Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và đánh giá nội dung kê khai trong hồ sơ để cấp gia hạn hoặc sửa đổi Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

Mẫu số 02

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG**

Dùng bút mực xanh đen hoặc đen để hoàn chỉnh các nội dung theo mẫu:

| **1. Chi tiết về đơn vị, tổ chức** |
|---|
| Tên đơn vị, tổ chức.....<br>Địa chỉ……..<br>……..<br>Mã số bưu điện……<br>Số điện thoại……Số Fax……<br>Thư điện tử……..Trang Web……...<br>Thực trạng của cơ sở y tế đề nghị cấp và/hoặc gia hạn……...<br>……..<br>Chi tiết về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thời hạn, con dấu, tài khoản, tài sản……<br>……<br>……<br>……<br>……<br>…… |
| **2. Đề nghị cung cấp dịch vụ khám, giám định sức khỏe** |
| Tổ chức các đợt khám, giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không (người lái, tiếp viên hàng không, kiểm soát viên không lưu) |

| **3. Mô hình tổ chức, quản lý của cơ sở y tế đề nghị cấp** | | |
|---|---|---|
| Chức danh | Tên | Số bằng (Chuyên môn) |
| Người đứng đầu đơn vị | | |
| Trưởng các khoa lâm sàng | | |
| Trưởng khoa cận lâm sàng<br>Người quản lý chất lượng | | |
| | | |

| **4. Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn** | | | |
|---|---|---|---|
| Ngày | Hóa đơn số | | Ngày cấp |
| Chuyên viên cấp phép | Hồ sơ gồm | Điều kiện hạn chế | Ký duyệt |

| **5. Trang thiết bị phục vụ công tác giám định** | |
|---|---|
| Kích thước và chú thích của người lập kế hoạch có thể trình thay cho việc giải trình theo yêu cầu sau: | |
| Chủng loại | Vị trí, kích thước, số lượng các phòng |
| Phòng tiếp nhận hồ sơ và tiếp đón người đến giám định sức khỏe. | …… |
| Phòng họp kết luận tình trạng sức khỏe… | …… |
| Phòng của Chủ tịch Hội đồng GĐYKHK | …… |
| Phòng khám chuyên khoa Nội | …… |
| Phòng khám chuyên khoa Ngoại - Da liễu | …… |
| Phòng khám chuyên khoa Thần kinh - Tâm lý | …… |
| Phòng khám chuyên khoa Mắt | …… |
| Phòng khám chuyên khoa Tai - Mũi - Họng | …… |
| Phòng khám Sản - Phụ khoa | …… |
| Phòng khám chuyên khoa (Thuộc hệ thống cận lâm sàng: X quang, Siêu âm, Điện tim, Xét nghiệm máu - nước tiểu…) | …… |
| Phòng vệ sinh | …… |
| Phòng Nhân viên | …… |
| Phòng lưu trữ hồ sơ sức khỏe nhân viên hàng không | …… |
| Các tiện nghi khác…(Các trang thiết bị y tế phục vụ công tác giám định y khoa) | …… |

| | |
|---|---|
| **6. Hồ sơ, tài liệu đệ trình bao gồm:**<br>Đề nghị đánh dấu vào các ô trống phù hợp:<br>Tiêu chuẩn sức khỏe đã được cấp có thẩm quyền ký ban hành và áp dụng<br>Quy trình khám, giám định sức khỏe đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận<br>Danh sách các giám định viên y khoa hàng không đã được phê chuẩn (Giấy chứng nhận giám định viên y khoa còn hiệu lực)<br>Hồ sơ, tài liệu chuyên môn dùng để tham khảo (nếu có)<br>Báo cáo chi tiết về Hệ thống chất lượng (nếu có) | |
| 7. Cam kết | |

Mẫu số 03:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ CHUẨN**
**GIÁM ĐỊNH VIÊN Y KHOA HÀNG KHÔNG**

Tên cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không:

Đề nghị phê chuẩn các giám định viên y khoa hàng không theo danh sách dưới đây:

Họ và tên:

Năm sinh:

Nơi sinh: Quốc tịch

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ cơ quan:

Đã tốt nghiệp trường: Năm tốt nghiệp:

Thời gian đào tạo: Hình thức đào tạo:

Đào tạo sau đại học (Chuyên khoa): Thời gian đào tạo: Năm tốt nghiệp:

Chứng chỉ phê chuẩn về Y học hàng không (Số chứng chỉ):

** Kèm theo các bằng tốt nghiệp, chứng chỉ liên quan*

Ngày: ...../...../.....

Người có thẩm quyền của cơ sở ký tên, đóng dấu

# Phần 9
# PHÊ CHUẨN TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG

**Chương A: TỔNG QUÁT**
9.001. Áp dụng
9.003. Các định nghĩa
9.005. Các từ viết tắt
9.007. Thời gian lên lớp của học viên
**Chương B: GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG**
9.010. Áp dụng
9.013. Yêu cầu về cấp giấy chứng nhận
9.015. Nội dung giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không
9.017. Thời hạn của giấy chứng nhận
9.020. Đơn đề nghị cấp, cấp lại hoặc sửa đổi
9.023. Sửa đổi giấy chứng nhận
9.025. Niêm yết giấy chứng nhận
9.027. Quyền hạn của người được cấp giấy chứng nhận
9.030. Thu hồi năng định của giấy chứng nhận
**Chương C: CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**
9.040. Áp dụng
9.043. Yêu cầu đối với cấp giấy chứng nhận lần đầu
9.045. Yêu cầu đối với người được cấp giấy chứng nhận không có AOC
9.047. Các loại tổ chức huấn luyện hàng không
9.050. Phê chuẩn chương trình huấn luyện
9.053. Yêu cầu đối với các môn học của chương trình huấn luyện
9.055. Khóa huấn luyện
9.057. Các trường hợp miễn giảm
**Chương D: GIÁM SÁT VÀ DUY TRÌ HIỆU LỰC**
9.060. Áp dụng
9.063. Kiểm tra, đánh giá
9.065. Duy trì năng định của ATO

9.067. Chất lượng huấn luyện

9.070. Rà soát bắt buộc đối với chương trình huấn luyện

9.073. Các thay đổi yêu cầu thông báo cho cục HKVN

9.075. Gia hạn giấy chứng nhận và năng định

**Chương E: HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG**

9.080. Áp dụng

9.083. Yêu cầu về cán bộ quản lý tổ chức huấn luyện hàng không

9.085. Trách nhiệm của tổ trưởng bộ môn

9.087. Trụ sở chính

9.090. Các chi nhánh

9.093. Thay đổi địa điểm

9.095. Tài liệu quy trình thực hiện và huấn luyện

9.097. Tuân thủ khóa huấn luyện được phê chuẩn

9.100. Giới hạn của nội dung quảng cáo

9.103. Hệ thống đảm bảo chất lượng

**Chương F: LƯU GIỮ HỒ SƠ**

9.110. Áp dụng

9.113. Hồ sơ học viên

9.115. Hồ sơ huấn luyện và giáo viên kiểm tra

9.117. Lưu giữ hồ sơ

9.120. Cung cấp hồ sơ

9.123. Cách quy đổi huấn luyện hoặc kinh nghiệm đã có

9.125. Chứng chỉ tốt nghiệp và bản sao kết quả học tập

9.127. Bảng điểm

**Chương G: NHÂN SỰ**

9.130. Áp dụng

9.133. Các quy định chung đối với nhân sự của ATO

9.135. Giáo viên hướng dẫn và giáo viên kiểm tra

9.137. Phân công chỉ định giáo viên cho ATO

9.140. Phạm vi và quyền hạn của giáo viên

9.143. Trình độ của giáo viên huấn luyện bay (mức 1 hoặc mức 2)

9.145. Các quy định đối với huấn luyện và kiểm tra giáo viên hướng dẫn của tổ chức huấn luyện hàng không

**Chương H: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ**

9.150. Áp dụng

9.153. Các trang thiết bị được chấp thuận

9.155. Lớp học và phòng thảo luận

9.157. Các thiết bị bay mô phỏng được chấp thuận

9.160. Các thiết bị huấn luyện bay mô phỏng

9.163. Các quy định về sân bay

9.165. Các quy định về tàu bay

9.167. Giáo cụ đối với nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay

Các yêu cầu đối với thiết bị huấn luyện khác

**CÁC PHỤ LỤC**

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.015: NỘI DUNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ HUẤN LUYỆN

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.020: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG

PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 9.095: NỘI DUNG CỦA KHÓA HUẤN LUYỆN

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.113: NỘI DUNG HỒ SƠ HỌC VIÊN

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.115: NỘI DUNG HỒ SƠ CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN VIÊN ATO

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.123: CÁC PHƯƠNG PHÁP TÍNH QUY ĐỔI THỜI GIAN ĐÃ ĐƯỢC HUẤN LUYỆN

PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 9.123: CHUYỂN TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.125: NỘI DUNG CỦA HỒ SƠ GIẤY CHỨNG NHẬN/CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.157: ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ CHUẨN VIỆC SỬ DỤNG THIẾT BỊ HUẤN LUYỆN BAY MÔ PHỎNG

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.163: CÁC QUY ĐỊNH VỀ SÂN BAY

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.167: CÁC TRANG THIẾT BỊ ĐỐI VỚI CÁC KHÓA HUẤN LUYỆN AMT

## Chương A
## TỔNG QUÁT

### 9.001. ÁP DỤNG

(a) Phần này đưa ra các yêu cầu của Việt Nam về việc cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực khai thác và bảo dưỡng tàu bay.

(b) Phần này áp dụng đối với:

(1) Những người đề nghị cấp giấy phép hoạt động tổ chức huấn luyện theo hệ thống quy chế của Hàng không Việt Nam;

(2) Những người và tổ chức cấp, giám sát việc ủy quyền, huấn luyện, truyền đạt kinh nghiệm theo quy định.

### 9.003. CÁC ĐỊNH NGHĨA

(a) Đối với Phần này, các định nghĩa sau đây được áp dụng:

*Ghi chú: Các quy định bổ sung liên quan đến hàng không được quy định ở Phần 1 của quy chế này.*

(1) **Giám đốc điều hành (huấn luyện):** Là người có thẩm quyền đảm bảo cung cấp đầy đủ về tài chính và duy trì tiêu chuẩn đối với tất cả các chức năng của ATO theo quy định của Cục HKVN;

(2) **Khóa huấn luyện nhân viên bảo dưỡng tàu bay:** Là khóa huấn luyện đối với các năng định bảo dưỡng tàu bay (thân/động cơ...);

(3) **Trưởng bộ môn:** Là người giám sát việc huấn luyện, chịu trách nhiệm về chất lượng huấn luyện theo giáo trình được Cục HKVN phê chuẩn;

(4) **Năng lực về hàng không dân dụng:** Thuật ngữ này chỉ một cá nhân có đủ năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý được Cục HKVN chấp thuận cho vị trí công tác đang đảm nhiệm;

(5) **Thiết bị huấn luyện bay:** Là thiết bị huấn luyện bay mô phỏng và tàu bay;

(6) **Thiết bị huấn luyện:** Mọi thiết bị sử dụng cho mục đích huấn luyện;

(7) **Mức 1 (FTO):** Tổ chức huấn luyện hàng không được phê chuẩn đạt mức 1 khi tiến hành tất cả hoặc từng khóa huấn luyện có sử dụng tàu bay;

(8) **Mức 2 (TRTO):** Tổ chức huấn luyện hàng không được phê chuẩn đạt mức 2 khi tiến hành tất cả hoặc mỗi khóa huấn luyện có sử dụng thiết bị mô phỏng đạt yêu cầu và được Cục HKVN phê chuẩn;

(9) **Mức 3 (Các ATO khác):** Tổ chức huấn luyện hàng không được phê chuẩn đạt mức 3 khi tổ chức huấn luyện trên mặt đất hoặc/và thực hành không kết hợp với huấn luyện bay;

(10) **Các chi nhánh:** Là chi nhánh của tổ chức huấn luyện được phê chuẩn đặt ở nơi khác với trụ sở chính;

(11) **Giáo trình chuyên môn:** Là các giáo trình thỏa mãn quy định của Cục HKVN và được Cục HKVN phê chuẩn sử dụng cho tổ chức huấn luyện hàng không;

(12) **Các yêu cầu về huấn luyện:** Là tài liệu do Cục HKVN ban hành đối với tổ chức huấn luyện về chức năng huấn luyện, kiểm tra, hạn chế cũng như các yêu cầu về chương trình huấn luyện.

**9.005. CÁC TỪ VIẾT TẮT**

(a) Các từ viết tắt sau đây được sử dụng trong Phần này:

(1) ATO - Tổ chức huấn luyện hàng không;

(2) AMT - Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay;

(3) AOC - Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay;

(4) IFR - quy tắc bay bằng thiết bị.

**9.007. THỜI GIAN LÊN LỚP CỦA HỌC VIÊN**

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không không được yêu cầu học viên tham gia học trên lớp hơn 8h một ngày trong 24h liên tục hoặc hơn 6 ngày hoặc 40h trong 7 ngày liên tục.

## Chương B

## GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG

**9.010. ÁP DỤNG**

(a) Chương này đưa ra các yêu cầu về cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức huấn luyện.

**9.013. YÊU CẦU VỀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

(a) Không ai được phép hoạt động ATO nếu không có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không, hoặc hoạt động không đúng với nội dung và phạm vi hoạt động được ghi trong Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không được cấp.

(b) Không ai được phép thực hiện huấn luyện, kiểm tra trên thiết bị huấn luyện bay mô phỏng nếu không có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không, hoặc hoạt động không đúng với phạm vi hoạt động, các năng định được ghi trong Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không, ngoại trừ Người khai thác có AOC thực hiện huấn luyện cho tổ bay của mình.

**9.015. NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG**

(a) Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không bao gồm hai phần:

(1) Phần một là Giấy chứng nhận được người có thẩm quyền của Cục HKVN ký xác nhận cho mục đích trưng bày.

(2) Phần hai là quy định phạm vi hoạt động, điều kiện và quyền hạn của Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không.

(b) Nội dung của Giấy chứng nhận bao gồm:

(1) Tên và địa chỉ của tổ chức (trụ sở chính);

(2) Ngày tháng cấp và hiệu lực Giấy chứng nhận;

(3) Điều kiện phê chuẩn:

(i) Địa điểm các loại hình khai thác;

(ii) Phạm vi hoạt động.

*Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 9.015 về nội dung huấn luyện.*

(4) Các loại Giấy chứng nhận phê chuẩn, ủy quyền và hạn chế khác được Cục HKVN ban hành theo các tiêu chuẩn áp dụng đối với năng định huấn luyện do người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không thực hiện.

**9.017. THỜI HẠN CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN**

(a) Ngoại trừ quy định đưa ra ở khoản (b) của Điều này, Cục HKVN sẽ cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không với thời hạn không quá 36 tháng, và cấp lại trừ khi Giấy chứng nhận bị tạm thời đình chỉ, thu hồi hoặc hủy bỏ:

(1) Vào tháng cuối cùng của hiệu lực Giấy chứng nhận được cấp;

(2) Ngoại trừ quy định nêu ở khoản (b) của Điều này, Giấy chứng nhận sẽ được cấp lại khi có thay đổi liên quan đến quyền sở hữu đối với tổ chức huấn luyện;

(3) Khi có bất kỳ một thay đổi lớn nào về trang thiết bị của cơ sở huấn luyện; hoặc

(4) Khi Cục HKVN phát hiện tổ chức không duy trì việc đáp ứng các quy

định về cơ sở vật chất, tàu bay huấn luyện hoặc đội ngũ nhân sự trong thời gian hơn 60 ngày.

(b) Việc thay đổi quyền sở hữu của tổ chức huấn luyện hàng không không làm mất hiệu lực của Giấy chứng nhận nếu trong vòng 30 ngày:

(1) Chủ sở hữu mới của tổ chức huấn luyện thông báo cho Cục HKVN bằng văn bản; và

(2) Không có thay đổi lớn về bộ máy quản lý, trang thiết bị, đội ngũ nhân viên hoặc các khóa huấn luyện đã được phê chuẩn đòi hỏi phải cấp lại Giấy chứng nhận.

**9.020. ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI HOẶC SỬA ĐỔI**

(a) Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATO và các năng định khai thác nộp đơn đề nghị kèm theo hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến tiến hành khóa huấn luyện.

(b) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không bao gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không theo mẫu được quy định tại Phụ lục 1 Điều 9.020;

(2) Các tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

(3) Bản sao các tài liệu huấn luyện và tài liệu hoạt động bao gồm nội dung: đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên, cán bộ phụ trách về huấn luyện phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Phần này; chương trình huấn luyện; Cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy lý thuyết và thực hành;

(c) Trong trường hợp có sự thay đổi được quy định tại điểm (2) và (3), khoản (a), Điều 9.017 tổ chức huấn luyện hàng không phải làm đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không. Hồ sơ bao gồm:

(1) Đơn đề nghị;

(2) Tài liệu liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu của tổ chức huấn luyện (nếu có);

(3) Tài liệu liên quan đến những thay đổi lớn về bộ máy quản lý, trang thiết bị, đội ngũ nhân viên hoặc các khóa huấn luyện đã được phê chuẩn đòi hỏi phải cấp lại Giấy chứng nhận.

*Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 9.020 về mẫu đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không (FTO, TRTO, AMT).*

(d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện, Cục HKVN sẽ thẩm định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ và thông báo kết quả thẩm định cho người đề nghị. Trong trường hợp hồ sơ đề nghị không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ, người làm đơn phải bổ sung và thời gian phê chuẩn tổ chức huấn luyện sẽ chỉ được tính kể từ khi hồ sơ đã được bổ sung theo yêu cầu.

(e) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông báo về tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện, Cục HKVN sẽ lập kế hoạch thực hiện các công việc kiểm tra tài liệu, kiểm tra thực tế và thông báo cho người làm đơn để thống nhất kế hoạch phê chuẩn.

(f) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi thống nhất kế hoạch thực hiện công việc kiểm tra tài liệu, kiểm tra thực tế, Cục HKVN sẽ hoàn tất các công việc kiểm tra đã thống nhất và cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện nếu kết quả kiểm tra cho thấy người làm đơn hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu đối với các quy định của Phần này. Trong trường hợp còn chưa đáp ứng các yêu cầu cụ thể, Cục HKVN sẽ thông báo kết quả cho người làm đơn và thống nhất thời hạn cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng. Thời gian cần thiết cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng sẽ được tính bổ sung vào thời gian phê chuẩn tổ chức huấn luyện.

(g) Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận cho người đáp ứng các yêu cầu tại Phần này:

(1) Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không bao gồm tất cả các năng định trong đơn đề nghị mà người xin cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện và địa chỉ tổ chức huấn luyện; và

(2) Các loại hình huấn luyện do Cục HKVN cấp đều phải phù hợp với quy định.

(h) Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không cho các đối tượng sau:

(1) Tổ chức huấn luyện hàng không trong nước và nước ngoài; và

(2) Người có có trụ sở tổ chức huấn luyện hàng không ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài.

**9.023. SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN**

(a) Cục HKVN có thể sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không:

(1) Để phù hợp với luật Việt Nam hiện hành; hoặc

(2) Theo đề nghị của người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không.

(b) Người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải nộp đơn đề nghị sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN ít nhất là 30 ngày trước ngày mà bản sửa đổi có hiệu lực.

(c) Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không bao gồm:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không theo mẫu được quy định tại Phụ lục 1 Điều 9.023;

(2) Bản sao tài liệu huấn luyện và tài liệu hoạt động sửa đổi có liên quan (đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên, cán bộ phụ trách về huấn luyện phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Phần này; chương trình huấn luyện; Cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy lý thuyết và thực hành).

*Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 9.023 về mẫu đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không.*

(d) Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện, Cục HKVN thẩm định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ và thông báo kết quả thẩm định cho người đề nghị. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ, người làm đơn phải bổ sung và thời gian sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện sẽ chỉ được tính kể từ khi hồ sơ đã được bổ sung theo yêu cầu.

(e) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo về tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, Cục HKVN sẽ lập kế hoạch thực hiện các công việc kiểm tra tài liệu, kiểm tra thực tế và thông báo cho người làm đơn để thống nhất kế hoạch kiểm tra, sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện.

(f) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ khi thống nhất kế hoạch thực hiện công việc kiểm tra, Cục HKVN sẽ hoàn tất các công việc kiểm tra đã thống nhất và sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện nếu kết quả kiểm tra cho thấy người làm đơn hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu quy định tại Phần này. Trong trường hợp chưa đáp ứng các yêu cầu cụ thể, Cục HKVN sẽ thông báo kết quả cho người làm đơn và thống nhất thời hạn cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng. Thời gian cần thiết cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng sẽ được tính bổ sung vào thời gian sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện.

**9.025. NIÊM YẾT GIẤY CHỨNG NHẬN**

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải trưng bày Giấy chứng nhận ở trong trường tại nơi mà ai cũng có thể nhìn thấy được.

**9.027. QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không có thể quảng cáo và tiến hành các khóa huấn luyện đã được phê chuẩn phù hợp với Giấy chứng nhận và các năng định được cấp.

(b) Người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không có trách nhiệm huấn luyện học viên theo các nội dung chương trình huấn luyện đã được phê chuẩn đảm bảo học viên tốt nghiệp có được kiến thức và kỹ năng làm việc tốt.

**9.030. THU HỒI NĂNG ĐỊNH CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN**

(a) Cục HKVN có thể từ chối, thu hồi, hủy bỏ hoặc đình chỉ Giấy chứng nhận hoặc một số năng định của Giấy chứng nhận theo quy định của Phần này nếu thấy người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không:

(1) Không đáp ứng được hoặc không còn đáp ứng được các quy định của Phần này về Giấy chứng nhận hoặc/và năng định đã có;

(2) Tuyển dụng hoặc đề nghị tuyển dụng người bị kiểm soát hoặc trước đây đã làm ở vị trí quản lý hoặc giám sát của tổ chức mà có chứng chỉ phê chuyển bị tạm thời đình chỉ, thu hồi hoặc hủy bỏ trong vòng 36 tháng trước; hoặc

(3) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận chưa hoàn thiện hoặc không chính xác hoặc có những thông tin giả hoặc sai lệch.

(b) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không bị đình chỉ, thu hồi hoặc hủy bỏ ngay lập tức phải:

(1) Tháo bỏ mọi chỉ dẫn, biển hiệu ở bất kỳ nơi nào mà tổ chức huấn luyện hàng không đã được Cục HKVN cho phép trước đây; và

(2) Thông báo cho tất cả các công ty quảng cáo, cơ quan thông tin mà tổ chức huấn luyện hàng không sử dụng để quảng cáo dừng mọi việc quảng cáo cho các hoạt động của tổ chức huấn luyện.

(3) Nộp lại Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không cho Cục HKVN trong vòng 5 ngày kể từ ngày Cục HKVN ra quyết định thu hồi hoặc hủy bỏ.

## Chương C
## CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

**9.040. ÁP DỤNG**

(a) Chương này đưa ra các yêu cầu chung áp dụng đối với việc cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện.

**9.043. YÊU CẦU ĐỐI VỚI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LẦN ĐẦU**

(a) Trước khi cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức huấn luyện hàng không, người đề nghị cấp phải được kiểm tra và đánh giá một cách chính thức phù hợp với quy trình cấp Giấy chứng nhận do Cục HKVN quy định;

(b) Giấy chứng nhận tổ chức là tổ chức huấn luyện hàng không do Cục HKVN cấp phải tuân theo các quy định của Phần này;

(c) Cục HKVN có thể cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không và năng định huấn luyện cho người làm đơn nếu họ chứng tỏ được sự tuân thủ các quy định của Phần này.

**9.045. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHÔNG CÓ AOC**

(a) Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận có thể yêu cầu đánh giá và duy trì việc đánh giá chất lượng của các thiết bị huấn luyện mô phỏng không cần có:

(1) Giấy chứng nhận AOC; hoặc

(2) Có mối quan hệ cụ thể với người có Giấy chứng nhận AOC.

**9.047. CÁC LOẠI TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG**

(a) Cục HKVN có thể cấp Giấy chứng nhận cho người đề nghị ở mức:

(1) Tổ chức huấn luyện hàng không mức 1;

(2) Tổ chức huấn luyện hàng không mức 2; hoặc

(3) Tổ chức huấn luyện hàng không mức 3.

**9.050. PHÊ CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN**

(a) Người làm đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không hoặc đề nghị cấp bổ sung năng định phải nộp đơn lên Cục HKVN đề nghị phê chuẩn chương trình huấn luyện;

(b) Trong đơn đề nghị, người đề nghị phê chuẩn chương trình huấn luyện phải nêu rõ:

(1) Khóa học nào là cơ bản và khóa học nào dành cho chuyên môn;

(2) Giáo trình nào thỏa mãn các quy định của Phần 7; và

(3) Giáo trình nào không thỏa mãn các quy định của Phần 7;

(c) Người làm đơn có thể đề nghị phê chuẩn chương trình huấn luyện cho phép tạm thời tuân thủ các quy định về kinh nghiệm trong Phần 7, miễn là người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không chứng tỏ được năng lực ít nhất là tương đương với quy định nêu trong các yêu cầu về kinh nghiệm tối thiểu đối với nhân viên không được huấn luyện.

(d) Người làm đơn có thể đề nghị phê chuẩn chương trình huấn luyện để cấp giấy phép cho người lái tàu bay trên loại máy bay nhiều người lái miễn là huấn luyện người lái ở mức khai thác trên máy bay nhiều người lái hoặc tương đương với loại tàu bay khai thác mà người có giấy phép, năng định bay bằng thiết bị và năng định loại tàu bay được kiểm tra cấp Giấy chứng nhận để khai thác với tối thiểu tổ bay có 2 người lái.

(e) Chương trình huấn luyện do người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không xây dựng phải bao gồm nội dung huấn luyện về kiến thức và kỹ năng liên quan đến khả năng của con người.

**9.053. YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁC MÔN HỌC CỦA CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN**

(a) Người làm đơn phải đảm bảo rằng danh mục các môn học của chương trình huấn luyện trình lên Cục HKVN để phê chuẩn phải đáp ứng được các quy định hiện hành và bao gồm:

(1) Đề cương cho mỗi giáo trình giảng dạy đề nghị phê chuẩn;

(2) Các quy định tối thiểu về thiết bị huấn luyện bay và tàu bay đối với mỗi giáo trình đề nghị phê chuẩn;

(3) Trình độ tối thiểu của giáo viên hướng dẫn và giáo viên kiểm tra giảng dạy giáo trình đề nghị phê chuẩn;

(4) Giáo trình huấn luyện ban đầu và huấn luyện định kỳ của giáo viên hướng dẫn và giáo viên kiểm tra giảng dạy giáo trình đề nghị phê chuẩn; và

(5) Đối với mỗi chương trình huấn luyện cấp giấy phép hoặc năng định ít hơn số giờ tối thiểu được quy định ở Phần 7 thì:

(i) Phải thể hiện khả năng thực hiện huấn luyện với số thời gian cắt giảm; và

(ii) Có phương pháp giám sát, theo dõi năng lực của học viên

**9.055. KHÓA HUẤN LUYỆN**

(a) Các khóa huấn luyện để cấp năng định cho các loại nhân viên sau đây phải được Cục HKVN xem xét, phê chuẩn trong quá trình cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện:

*Ghi chú: Chương trình huấn luyện để chuẩn bị đưa người lái vào khai thác không yêu cầu giấy phép hoặc năng định được coi là khóa huấn luyện đặc biệt, ví dụ áp dụng trong nông nghiệp.*

(1) Người lái tư nhân;

(2) Người lái thương mại;

(3) Năng định bay bằng thiết bị;

(4) Người lái của tổ lái nhiều thành viên;

(5) Người lái vận tải thương mại;

(6) Giáo viên hướng dẫn bay;

(7) Hướng dẫn trên mặt đất;

(8) Năng định hạng hoặc loại tàu bay bổ sung;

(9) Năng định loại tàu bay;

(10) Cơ giới trên không;

(11) Tiếp viên hàng không;

(12) Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay có:

(i) Năng định khung;

(ii) Năng định về hệ thống tạo lực; và

(iii) Năng định khung và hệ thống tạo lực;

(13) Nhân viên sửa chữa hàng không;

(14) Nhân viên xếp dù;

(15) Khai thác tàu bay nông nghiệp;

(16) Khai thác tàu bay cánh quay tời cẩu;

(17) Các loại khai thác đặc biệt;

(18) Người lái thử nghiệm.

(b) Cục HKVN có thể phê chuẩn cho người làm đơn là tổ chức huấn luyện mức 2 đối với bất kỳ khóa hướng dẫn cấp giấy phép hoặc năng định nào khi người làm đơn đưa ra giáo trình được dùng để giảng dạy và thiết bị hướng dẫn mô phỏng đạt yêu cầu.

(c) Cục HKVN có thể phê chuẩn khóa huấn luyện đặc biệt cho người làm đơn nếu khóa học này mang lại lợi ích cho cộng đồng hàng không Việt Nam.

**9.057. CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN GIẢM**

(a) Cục HKVN có thể miễn giảm bất kỳ quy định nào trong Phần này cho người đề nghị cấp miễn giảm;

(b) Người đề nghị cấp miễn giảm phải cung cấp các thông tin cho Cục HKVN thể hiện:

(1) Sự xác đáng được cấp miễn giảm; và

(2) Sự miễn giảm này không ảnh hưởng đến chất lượng huấn luyện và kiểm tra.

## Chương D
## GIÁM SÁT VÀ DUY TRÌ HIỆU LỰC

**9.060. ÁP DỤNG**

(a) Chương này đưa ra các quy định chung áp dụng cho việc duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không.

**9.063. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**

(a) Bất kỳ lúc nào Cục HKVN cũng có thể kiểm tra tổ chức huấn luyện hàng không để xác định tổ chức có tuân thủ các quy định trong Phần này hay không.

(b) Người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không và nhân viên phải tạo điều kiện cho đại diện của Cục HKVN kiểm tra đánh giá tất cả các địa điểm, trang thiết bị, tài liệu và nhân sự, bao gồm cả quá trình huấn luyện khi tiến hành kiểm tra đánh giá.

(c) Việc duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận sẽ phụ thuộc vào việc người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không tuân thủ theo các quy định của Phần này.

**9.065. DUY TRÌ NĂNG ĐỊNH CỦA ATO**

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không sẽ không được thực hiện việc huấn luyện học viên nếu giáo viên hướng dẫn, giáo viên kiểm tra, các trang thiết bị không liên tục đáp ứng được các quy định và phạm vi hoạt động của tổ chức huấn luyện.

**9.067. CHẤT LƯỢNG HUẤN LUYỆN**

(a) Tổ chức huấn luyện hàng không phải huấn luyện cho học viên để học viên đạt được trình độ ngang bằng với các quy định về kinh nghiệm tối thiểu.

(b) Trừ khi có các quy định khác, người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo học viên tốt nghiệp có được kiến thức và kỹ năng làm việc tốt.

**9.070. RÀ SOÁT BẮT BUỘC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN**

(a) Sau khi người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không tiến hành chương trình huấn luyện được phê chuẩn, Cục HKVN có thể yêu cầu người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không rà soát lại chương trình huấn luyện nếu Cục HKVN phát hiện tổ chức không đáp ứng được các quy định về chương trình huấn luyện đã được phê chuẩn.

(b) Khi Cục HKVN yêu cầu người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không rà soát lại chương trình huấn luyện đã được phê chuẩn mà người có Giấy chứng nhận không rà soát lại trong thời hạn 30 ngày thì Cục HKVN có thể thu hồi hoặc đình chỉ Giấy chứng nhận đã cấp.

**9.073. CÁC THAY ĐỔI YÊU CẦU THÔNG BÁO CHO CỤC HKVN**

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải thông báo cho Cục HKVN trước khi có những thay đổi về:

(1) Giám đốc điều hành;

(2) Người quản lý theo quy định của Phần này;

(3) Giáo viên hướng dẫn và giáo viên kiểm tra;

(4) Địa điểm, trang thiết bị huấn luyện, quy trình, giáo trình huấn luyện, và phạm vi công việc có ảnh hưởng đến Giấy chứng nhận phê chuẩn.

(b) Cục HKVN có thể đưa ra các điều kiện mà theo đó người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải thực hiện trong quá trình thay đổi trừ khi Giấy chứng nhận này bị tạm thời đình chỉ.

(c) Cục HKVN có thể tạm thời đình chỉ Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không khi người được cấp Giấy chứng nhận thông báo không chính xác.

**9.075. GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ NĂNG ĐỊNH**

(a) Người xin cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không có thể đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận và năng định trong thời hạn 30 ngày trước tháng hết hạn.

(b) Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không bao gồm:

(1) Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không theo mẫu được quy định tại Phụ lục 1 Điều 9.075;

(2) Báo cáo hoạt động của tổ chức huấn luyện hàng không trong giai đoạn của Giấy chứng nhận đã được cấp.

*Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 9.020 về mẫu đơn gia hạn Giấy chứng nhận và năng định tổ chức huấn luyện hàng không.*

(c) Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện, Cục HKVN sẽ thẩm định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ và thông báo kết quả thẩm định cho người đề nghị. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ, người làm đơn phải bổ sung và thời gian gia hạn sẽ chỉ được tính kể từ khi hồ sơ đã được bổ sung theo yêu cầu.

(d) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo về tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, Cục HKVN sẽ lập kế hoạch thực hiện các công việc kiểm tra tài liệu, kiểm tra thực tế và thông báo cho người làm đơn để thống nhất kế hoạch kiểm tra, gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện.

(e) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ khi thống nhất kế hoạch thực hiện công việc kiểm tra, gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện, Cục HKVN sẽ hoàn tất các công việc kiểm tra đã thống nhất và gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện nếu kết quả kiểm tra cho thấy người làm đơn hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu quy định tại Phần này. Trong trường hợp còn chưa đáp ứng các yêu cầu cụ thể, Cục HKVN sẽ thông báo kết quả cho người làm đơn và thống nhất thời hạn cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng. Thời gian cần thiết cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng sẽ được tính bổ sung vào thời gian gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện.

(f) Cục HKVN có thể gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không và năng định nếu nhân sự, tàu bay, trang thiết bị và sân bay (nếu áp dụng), các khóa huấn luyện được phê chuẩn, tài liệu giảng dạy, khả năng và chất lượng giảng

dạy hiện tại của người được cấp tổ chức huấn luyện hàng không đáp ứng được các quy định.

## Chương E
## HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG

### 9.080. ÁP DỤNG

(a) Chương này đưa ra các quy định chung áp dụng đối với quá trình quản lý hành chính của tổ chức huấn luyện hàng không.

### 9.083. YÊU CẦU VỀ CÁN BỘ QUẢN LÝ TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải có cán bộ quản lý được Cục HKVN chấp thuận, người này sẽ phải đảm bảo với Cục HKVN việc tuân thủ các quy định của tổ chức huấn luyện hàng không.

(b) Để thực hiện chương trình huấn luyện đã phê chuẩn, tổ chức huấn luyện hàng không phải có nhân viên có trình độ chứng minh được khả năng trong lĩnh vực hàng không dân dụng, sẵn sàng cho các vị trí sau hoặc tương đương:

(1) Quản lý huấn luyện;

(2) Giáo viên hướng dẫn chính (đối với chuyên môn huấn luyện);

(3) Đảm bảo chất lượng.

*Ghi chú: "Khả năng trong lĩnh vực hàng không dân dụng" có nghĩa là cá nhân phải có trình độ kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý được Cục HKVN chấp thuận đối với vị trí làm việc".*

(c) Cục HKVN có thể phê chuẩn số lượng cán bộ quản lý khác như đã nêu tại Khoản (b) của Điều này nếu người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không chứng tỏ rằng có thể huấn luyện với mức độ an toàn cao nhất với số lượng người ít hơn hoặc có phương pháp tổ chức nhân sự phù hợp khác vì một trong các lý do như sau:

(1) Loại giáo trình huấn luyện có liên quan;

(2) Số lượng tàu bay sử dụng; và

(3) Kết hợp khác trong khai thác.

**9.085. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ TRƯỞNG BỘ MÔN**

(a) Giáo viên hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ dưới sự giám sát của giáo viên hướng dẫn chính hoặc cấp phó phụ trách thiết bị khi huấn luyện.

(b) Trong quá trình huấn luyện bay trên tàu bay, người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo trưởng bộ môn hoặc phó trưởng bộ môn sẵn sàng:

(1) Ở sân bay; hoặc

(2) Trả lời điện thoại, điện đài hoặc các thiết bị điện tử khác.

**9.087. TRỤ SỞ CHÍNH**

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải duy trì văn phòng làm việc tại trụ sở chính được nêu trong Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không;

(b) Trụ sở làm việc chính không được sử dụng chung hoặc do tổ chức huấn luyện hàng không khác sử dụng.

**9.090. CÁC CHI NHÁNH**

(a) Chi nhánh tổ chức huấn luyện hàng không có thể huấn luyện nếu:

(1) Các trang thiết bị, nhân sự và nội dung khóa học của chi nhánh thỏa mãn các quy định hiện hành;

(2) Giáo viên hướng dẫn và giáo viên kiểm tra của chi nhánh chịu sự giám sát trực tiếp của giám đốc điều hành tổ chức chính;

(3) ATO phải có các quy trình đảm bảo việc huấn luyện tại các chi nhánh đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng ở mức tương đương với chất lượng huấn luyện tại trụ sở chính;

(4) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không thông báo cho Cục HKVN bằng văn bản là chi nhánh bắt đầu khai thác huấn luyện tối thiểu là 30 ngày trước khi tiến hành khai thác; và

(5) Năng định huấn luyện của người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phản ánh được tên và địa chỉ của chi nhánh và các khóa huấn luyện được phê chuẩn tại tổ chức đó.

**9.093. THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM**

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không không được thay đổi địa điểm của tổ chức huấn luyện trừ khi sự thay đổi này được Cục HKVN phê chuẩn trước.

(b) Nếu tổ chức huấn luyện muốn thay đổi địa điểm đã được phê chuẩn thì người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải đề nghị Cục HKVN phê chuẩn sửa đổi bằng văn bản tối thiểu là 30 ngày trước ngày thay đổi.

(c) Tổ chức huấn luyện hàng không khi thực hiện thay đổi địa điểm nêu tại Giấy chứng nhận đã cấp phải đáp ứng các quy định của Phần này.

**9.095. TÀI LIỆU QUY TRÌNH THỰC HIỆN VÀ HUẤN LUYỆN**

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải huấn luyện và cung cấp tài liệu huấn luyện hướng dẫn về quy trình thực hiện cho người có liên quan.

(b) Tài liệu này có thể được chia thành các phần và tối thiểu phải bao gồm các nội dung quy định.

*Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 9.095 liên quan đến tài liệu huấn luyện và tài liệu hướng dẫn về quy trình thực hiện.*

(c) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo rằng tài liệu huấn luyện và tài liệu hướng dẫn quy trình thực hiện được sửa đổi nếu cần thiết để các thông tin được cập nhật đầy đủ.

(d) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải cung cấp tài liệu sửa đổi vào chương trình huấn luyện và tài liệu hướng dẫn thực hiện cho các tổ chức và cá nhân áp dụng tài liệu.

**9.097. TUÂN THỦ KHÓA HUẤN LUYỆN ĐƯỢC PHÊ CHUẨN**

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không và nhân viên trong tổ chức phải tuân thủ khóa huấn luyện đã được phê chuẩn.

(b) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không không được thay đổi khóa huấn luyện đã được phê chuẩn trừ khi được Cục HKVN phê chuẩn.

**9.100. GIỚI HẠN CỦA NỘI DUNG QUẢNG CÁO**

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không không được:

(1) Quảng cáo sai liên quan đến Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không và năng định hoặc gây nhầm lẫn cho người muốn tham gia vào khóa huấn luyện;

(2) Quảng cáo rằng tổ chức huấn luyện hàng không được cấp Giấy chứng nhận trừ khi nó phân biệt được rõ ràng giữa các khóa huấn luyện được phê chuẩn theo Phần này và các khóa huấn luyện không được phê chuẩn theo Phần này.

**9.103. HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải duy trì được hệ thống đảm bảo chất lượng được Cục HKVN chấp thuận cấp phê chuẩn đảm bảo việc huấn luyện và các bài thực hành tuân thủ các quy định có liên quan.

(b) Để đáp ứng các yêu cầu tại khoản (a), ATO có thể hợp đồng dịch vụ tổ chức kiểm tra chất lượng được Cục HKVN chấp thuận. Các dịch vụ này được thực hiện áp dụng thực tế được chấp thuận và đảm bảo chất lượng huấn luyện phải tương thích với các tiêu chuẩn tối thiểu của Phần này.

## Chương F
## LƯU GIỮ HỒ SƠ

**9.110. ÁP DỤNG**

(a) Chương này nêu ra những quy định chung áp dụng đối với việc lưu giữ hồ sơ của tổ chức huấn luyện hàng không.

**9.113. HỒ SƠ HỌC VIÊN**

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải duy trì nguyên vẹn hồ sơ chi tiết của mỗi học viên bao gồm tất cả các nội dung mà Cục HKVN quy định.

*Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 9.113 liên quan đến nội dung hồ sơ học viên.*

(b) Cục HKVN không coi sổ ghi giờ bay của học viên là bộ hồ sơ đầy đủ quy định ở khoản (a) của Điều này.

**9.115. HỒ SƠ HUẤN LUYỆN VÀ GIÁO VIÊN KIỂM TRA**

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải duy trì hệ thống lưu giữ hồ sơ trình độ và công tác huấn luyện của giáo viên hướng dẫn và giáo viên kiểm tra để chứng tỏ rằng mỗi người này đáp ứng được các quy định hiện hành của Phần này.

**9.117. LƯU GIỮ HỒ SƠ**

(a) Hồ sơ chi tiết của học viên phải được lưu giữ trong thời gian tối thiểu là 2 năm sau khi tốt nghiệp.

(b) Hồ sơ của giáo viên huấn luyện và kiểm tra của tổ chức huấn luyện hàng không phải được lưu giữ trong thời gian tối thiểu là 2 năm sau khi họ thôi việc.

(c) Phần này quy định hồ sơ phải được lưu tại nơi được Cục HKVN chấp thuận trên các giá đựng phù hợp với mục đích trên.

**9.120. CUNG CẤP HỒ SƠ**

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải cung cấp cho học viên bản sao hồ sơ huấn luyện của họ theo đề nghị và vào thời điểm thích hợp.

(b) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải cung cấp hồ sơ cho Cục HKVN khi có yêu cầu theo quy định của phần này vào thời điểm thích hợp.

**9.123. CÁCH QUY ĐỔI HUẤN LUYỆN HOẶC KINH NGHIỆM ĐÃ CÓ**

(a) Khi tuyển sinh, người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không có thể xem xét việc huấn luyện và kinh nghiệm trước đây của học viên theo quy định của Cục HKVN.

*Ghi chú: Xem Phụ lục 1 và 2 Điều 9.123 liên quan phương pháp tính quy đổi thời gian đã được huấn luyện.*

**9.125. CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP VÀ BẢN SAO KẾT QUẢ HỌC TẬP**

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp huấn luyện cho học viên đã hoàn thành khóa huấn luyện được phê chuẩn.

(b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp phải bao gồm các nội dung theo quy định.

*Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 9.125 liên quan đến nội dung giấy chứng chỉ tốt nghiệp.*

(c) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không có thể không cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp cho học viên hoặc khuyến cáo học viên về giấy phép và năng định trừ khi học viên phải:

(1) Hoàn thành nội dung huấn luyện quy định trong khóa huấn luyện được phê chuẩn; và

(2) Thi đỗ các kỳ thi tốt nghiệp theo quy định.

**9.127. BẢNG ĐIỂM**

(a) Khi có yêu cầu, người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải cung cấp bản sao bảng điểm của mỗi học viên tốt nghiệp hoặc người nghỉ học trước khi tốt nghiệp.

(b) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải đính kèm vào bản sao bảng điểm quy định tại khoản (a) của Điều này các tài liệu sau đây:

(1) Nội dung khóa học;

(2) Xác nhận học viên đã hoàn thành nội dung khóa huấn luyện;

(3) Điểm thi của học viên; và

(4) Xác nhận của người có thẩm quyền của ATO.

## Chương G
## NHÂN SỰ

### 9.130. ÁP DỤNG

(a) Chương này đưa ra các quy định chung áp dụng đối với người huấn luyện và kiểm tra làm việc cho tổ chức huấn luyện hàng không được phê chuẩn.

### 9.133. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NHÂN SỰ CỦA ATO

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải tuyển dụng nhân sự phù hợp để lập kế hoạch, thực hiện và giám sát công tác huấn luyện.

(b) Trình độ của giáo viên hướng dẫn phải phù hợp với các quy định và đạt mức được Cục HKVN chấp thuận.

(c) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo rằng giáo viên hướng dẫn phải được huấn luyện ban đầu và định kỳ phù hợp với nhiệm vụ và trách nhiệm của họ.

(d) Khi người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không được ủy quyền tiến hành kiểm tra để cấp giấy phép hoặc năng định thì bài kiểm tra phải được tiến hành do nhân sự được:

(1) Cục HKVN ủy quyền; hoặc

(2) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không ủy quyền phù hợp với tiêu chí được Cục HKVN phê chuẩn.

### 9.135. GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN VÀ GIÁO VIÊN KIỂM TRA

(a) Người được tổ chức huấn luyện hàng không sử dụng làm giáo viên hướng dẫn và giáo viên kiểm tra phải:

(1) Từ 18 tuổi trở lên;

(2) Có khả năng thông thạo ngôn ngữ tương đương mức 4 để hướng dẫn.

(b) Đối với mỗi giáo trình đề nghị phê chuẩn, người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải có đầy đủ đội ngũ giáo viên hướng dẫn có năng lực theo quy định để thực hiện các nhiệm vụ mà họ được ủy quyền.

(c) Mỗi tổ chức tổ chức huấn luyện hàng không phải có đầy đủ đội ngũ giáo viên kiểm tra để thực hiện kiểm tra theo quy định và kiểm tra tốt nghiệp trong vòng 7 ngày sau khi hoàn thành huấn luyện cấp giấy phép hoặc năng định; hoặc cả hai loại.

(d) Những người nói trên có thể đảm đương ở cả 2 vị trí tại tổ chức huấn luyện hàng không miễn là họ có đủ khả năng cho mỗi vị trí theo quy định.

(e) Trừ trường hợp ATO là bộ phận của người có AOC và thực hiện huấn luyện nội bộ, ATO không sử dụng giáo viên kiêm nhiệm với tỷ lệ quá 50%.

(f) Giáo viên do các ATO sử dụng cho mục đích huấn luyện phải có hồ sơ đầy đủ nêu trong Tài liệu hoạt động và tài liệu huấn luyện được Cục HKVN phê chuẩn.

**9.137. PHÂN CÔNG CHỈ ĐỊNH GIÁO VIÊN CHO ATO**

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải chỉ định giáo viên hướng dẫn cho mỗi khóa huấn luyện bằng văn bản trước khi người này thực hiện chức năng làm giáo viên hướng dẫn cho mỗi khóa huấn luyện;

(b) Trước khi chỉ định lần đầu, mỗi giáo viên hướng dẫn bay và giáo viên hướng dẫn bay trên buồng lái mô phỏng phải đáp ứng các yêu cầu tại Phần 7.

**9.140. PHẠM VI VÀ QUYỀN HẠN CỦA GIÁO VIÊN**

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không có thể cho phép giáo viên hướng dẫn thực hiện:

(1) Huấn luyện khóa học theo năng định;

(2) Kiểm tra đánh giá theo năng định;

(3) Huấn luyện, kiểm tra và đánh giá đáp ứng các quy định của Phần này.

(b) Tổ chức huấn luyện hàng không có giáo viên hướng dẫn và giáo viên kiểm tra được bổ nhiệm phù hợp với các quy định về huấn luyện, kiểm tra hoặc đánh giá trên thiết bị huấn luyện bay có thể cho phép giáo viên hướng dẫn và giáo viên kiểm tra xác nhận theo quy định của Phần 7, nếu giáo viên hướng dẫn và giáo viên kiểm tra đó được Cục HKVN ủy quyền hướng dẫn hoặc kiểm tra khóa huấn luyện cần phải xác nhận.

(c) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không không cho phép giáo viên hướng dẫn:

(1) Thực hiện giảng dạy quá 8 tiếng trong 24 giờ liên tục, hoặc quá 6 ngày hoặc 40 giờ trong vòng 7 ngày liên tục, không kể thời gian giới thiệu và tóm tắt nội dung đã thực hiện;

(2) Hướng dẫn bay bằng thiết bị trừ khi giáo viên hướng dẫn đo đáp ứng được các quy định; hoặc

(3) Hướng dẫn bay trên tàu bay trừ khi giáo viên hướng dẫn đó:

(i) Đáp ứng được các quy định;

(ii) Có năng định giáo viên hướng dẫn bay;

(iii) Có giấy phép lái máy bay và năng định đối với loại, hạng tàu bay dùng để hướng dẫn;

(iv) Nếu việc hướng dẫn và đánh giá trên tàu bay trong khi bay đã có thành viên tổ bay theo quy định thì giáo viên hướng dẫn phải có ít nhất là chứng nhận sức khỏe loại 2 còn hiệu lực; và

(v) Đáp ứng các quy định về kinh nghiệm hiện tại đối với người lái được quy định tại Phần 10.

**9.143. TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO VIÊN HUẤN LUYỆN BAY (MỨC 1 HOẶC MỨC 2)**

(a) Tổ chức huấn luyện hàng không phải có đội ngũ nhân sự đủ năng lực, bao gồm các giáo viên hướng dẫn bay, giáo viên dạy trên mặt đất được Cục HKVN cho phép và người có giấy phép lái máy bay thương mại với năng định nhẹ hơn không khí, nếu áp dụng, và giáo viên hướng dẫn chính có đủ trình độ và tay nghề thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền đối với mỗi khóa huấn luyện được phê chuẩn.

(b) Tổ chức huấn luyện hàng không có thể cho phép giáo viên hướng dẫn bay và giáo viên kiểm tra bay đáp ứng được các quy định về kinh nghiệm sử dụng thiết bị huấn luyện bay mô phỏng nếu thiết bị huấn luyện đó được sử dụng trong khóa huấn luyện được phê chuẩn.

(c) Mỗi giáo viên hướng dẫn trên mặt đất hoặc giáo viên hướng dẫn bay phải có năng định giáo viên hướng dẫn bay, giáo viên hướng dẫn trên mặt đất hoặc giấy phép lái máy bay thương mại với năng định nhẹ - hơn - không khí, nếu áp dụng với các năng định đối với khóa huấn luyện được phê chuẩn và tàu bay sử dụng cho khóa huấn luyện đó.

**9.145. CÁC QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VÀ KIỂM TRA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN CỦA TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG**

(a) Ngoại trừ quy định trong khoản (c) của Điều này, trước khi bổ nhiệm và sau 24 tháng bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng sau lần đầu bổ nhiệm giáo viên

hướng dẫn, tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo mỗi giáo viên hướng dẫn đều phải đáp ứng các quy định sau đây:

(1) Mỗi giáo viên hướng dẫn phải hoàn thành khóa huấn luyện trên mặt đất được phê chuẩn ít nhất là:

(i) Các quy tắc cơ bản của quá trình học;

(ii) Các yếu tố để dạy hiệu quả, các phương pháp hướng dẫn và kỹ thuật hướng dẫn;

(iii) Nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm và hạn chế của giáo viên hướng dẫn;

(iv) Các quy trình và chính sách huấn luyện;

(v) Quản lý trong buồng lái và sự hợp tác của tổ bay; và

(vi) Kiểm tra.

(2) Mỗi giáo viên hướng dẫn trên thiết bị huấn luyện bay mô phỏng phải hoàn thành khóa huấn luyện được phê chuẩn về khai thác thiết bị huấn luyện, và khóa huấn luyện được phê chuẩn về hướng dẫn trên mặt đất áp dụng đối với các khóa huấn luyện giáo viên để hướng dẫn, bao gồm:

(i) Khai thác và kiểm soát cụ thể hệ thống thiết bị huấn luyện bay mô phỏng;

(ii) Sự làm việc chuẩn xác của các bảng môi trường và báo hỏng hóc;

(iii) Giới hạn của buồng lái mô phỏng; và

(iv) Các yêu cầu tối thiểu về thiết bị của mỗi giáo trình giảng dạy.

(3) Mỗi giáo viên huấn luyện bay thực hiện việc huấn luyện trên tàu bay phải hoàn thành khóa huấn luyện được phê chuẩn về hướng dẫn trên mặt đất và huấn luyện bay trên tàu bay, trên thiết bị huấn luyện bay mô phỏng bao gồm:

(i) Thực hiện và phân tích các quy trình huấn luyện bay và các thao tác (manoeuvres) áp dụng cho các khóa huấn luyện mà giáo viên hướng dẫn được bổ nhiệm để hướng dẫn;

(ii) Các môn học về kỹ thuật bao hàm các hệ thống phụ (subsystem) của tàu bay và các quy tắc khai thác áp dụng cho các khóa huấn luyện mà giáo viên hướng dẫn được bổ nhiệm để hướng dẫn;

(iii) Khai thác trong trường hợp khẩn nguy;

(iv) Các tình huống khẩn nguy có khả năng xảy ra trong quá trình huấn luyện; và

(v) Các biện pháp đảm bảo an toàn thích hợp.

(4) Mỗi giáo viên hướng dẫn bay bằng thiết bị huấn luyện phải thi đỗ bài kiểm tra về lý thuyết và bài kiểm tra tay nghề định kỳ hàng năm:

(i) Trên thiết bị huấn luyện bay mà anh ta được hướng dẫn; và

(ii) Về môn học và các thao tác của một phần tiêu biểu của giáo trình mà giáo viên hướng dẫn sẽ tiến hành hướng dẫn học viên.

(b) Ngoài các quy định từ điểm (1) đến (5) của khoản (a) của Điều này, mỗi tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo mỗi giáo viên hướng dẫn trên thiết bị huấn luyện bay mô phỏng được Cục HKVN phê chuẩn cho tất các các khóa huấn luyện và kiểm tra để cấp giấy phép lái máy bay vận tải hàng không, năng định loại tàu bay hoặc cả hai phải đáp ứng được ít nhất một trong các quy định đã nêu.

(c) Giáo viên hướng dẫn phải hoàn thành chương trình huấn luyện quy định tại khoản (a) hoặc (b) vào trước, trong hoặc sau tháng hết hạn năng định.

(d) Cục HKVN có thể công nhận các việc tuân thủ các quy định tại khoản (a) hoặc khoản (b) cho giáo viên hướng dẫn hoàn thành khóa huấn luyện đối với người có AOC nếu Cục HKVN thấy khóa huấn luyện như thế tương đương với các quy định tại khoản (a) hoặc (b).

**9.147. CÁC QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN KIỂM TRA CỦA TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG**

(a) Ngoại trừ quy định nêu tại khoản (c), tổ chức huấn luyện cho thành viên tổ lái phải đảm bảo mỗi một người được ủy quyền làm giáo viên kiểm tra:

(1) Được Cục HKVN phê chuẩn;

(2) Tuân thủ theo các quy định đã nêu;

(3) Trước khi bổ nhiệm, phải hoàn thành chương trình huấn luyện trong vòng 12 tháng bao gồm:

(i) Các nhiệm vụ, chức năng và trách nhiệm của giáo viên kiểm tra;

(ii) Các phương pháp, thủ tục và kỹ năng tiến hành đánh giá và kiểm tra;

(iii) Đánh giá quá trình thực hiện của người lái (performance); và

(iv) Quản lý các bài kiểm tra không đạt yêu cầu và biện pháp khắc phục tiếp theo; và

(4) Nếu kiểm tra đánh giá trên thiết bị huấn luyện trong khi bay thì phải đỗ bài kiểm tra kiến thức và kiểm tra tay nghề hàng năm trên buồng lái giả định hoặc trên tàu bay mà giáo viên kiểm tra sẽ tiến hành kiểm tra học viên.

(b) Với mục đích huấn luyện định kỳ khi hết hạn năng định, Cục HKVN sẽ xem xét xem giáo viên hoàn thành giáo trình quy định tại điểm (3), khoản (a) tại tháng trước hoặc sau hoặc tháng hết hạn năng định.

(c) Cục HKVN có thể công nhận các quy định của điểm (3), khoản (a) cho giáo viên kiểm tra hoàn thành khóa huấn luyện giáo viên kiểm tra cho người có AOC nếu Cục HKVN thấy khóa huấn luyện như thế tương đương với các quy định của điểm (3), khoản (a).

## Chương H
## CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

### 9.150. ÁP DỤNG

(a) Chương này nêu ra những quy định chung áp dụng cho cơ sở vật chất và trang thiết bị của tổ chức huấn luyện hàng không.

### 9.153. CÁC TRANG THIẾT BỊ ĐƯỢC CHẤP THUẬN

(a) Cơ sở vật chất của tổ chức huấn luyện hàng không và môi trường làm việc phải phù hợp với nhiệm vụ thực hiện và được Cục HKVN chấp thuận.

(b) Tổ chức huấn luyện hàng không phải cung cấp cơ sở vật chất và các trang thiết bị, tài liệu theo các tiêu chuẩn của quy định hiện hành về cấp Giấy chứng nhận và năng định.

(c) Tổ chức huấn luyện hàng không phải có thông tin, thiết bị, thiết bị huấn luyện và tài liệu cần thiết để tiến hành các khóa huấn luyện mà tổ chức được phê chuẩn.

(d) Tổ chức huấn luyện hàng không không được thay đổi lớn về cơ sở vật chất, thiết bị hoặc tài liệu đã được phê chuẩn cho chương trình huấn luyện cụ thể trừ khi thay đổi đó được Cục HKVN phê chuẩn trước.

### 9.155. LỚP HỌC VÀ PHÒNG THẢO LUẬN

(a) Tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo lớp học và các phòng thảo luận:

(1) Sử dụng cho các mục đích giảng dạy đủ hệ thống chiếu sáng, thông thoáng phù hợp với khí hậu địa phương, vệ sinh và đảm bảo cho sức khỏe; và

(2) Không làm cho học viên mất tập trung bởi khai thác bay và khai thác bảo dưỡng ở sân bay.

(b) Tổ chức huấn luyện hàng không thực hiện huấn luyện bay cho người lái phải thể hiện luôn sử dụng địa điểm giảng bình đặt tại mỗi sân bay nơi bắt đầu thực hiện các chuyến bay huấn luyện đó là:

(1) Thích hợp với các học viên đợi đến lượt tham gia huấn luyện bay;

(2) Chuẩn bị và bố trí thiết bị giảng bình cho người lái; và

(3) Đối với tổ chức huấn luyện hàng không thực hiện các khóa huấn luyện năng định thiết bị hoặc người lái bay khai thác thương mại, thì phải trang bị từ phương tiện liên lạc phù hợp cho đến thông tin về thời tiết và kế hoạch bay.

**9.157. CÁC THIẾT BỊ BAY MÔ PHỎNG ĐƯỢC CHẤP THUẬN**

(a) Các thiết bị huấn luyện bay mô phỏng phải đủ tiêu chuẩn phù hợp với các quy định của Cục HKVN.

(b) Việc sử dụng các thiết bị huấn luyện bay mô phỏng phải được Cục HKVN phê chuẩn để đảm bảo chúng phù hợp với công tác huấn luyện.

*Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 9.157 về trình tự thực hiện thủ tục phê chuẩn việc sử dụng thiết bị huấn luyện bay mô phỏng.*

**9.160. CÁC THIẾT BỊ HUẤN LUYỆN BAY MÔ PHỎNG**

(a) Ngoại trừ ATO của người có AOC, ATO mức 2 phải có thiết bị và chương trình huấn luyện bay gồm có ít nhất là một thiết bị huấn luyện bay mô phỏng cho chương trình huấn luyện được phê chuẩn tại tổ chức huấn luyện được Cục HKVN phê chuẩn.

(b) Tổ chức huấn luyện hàng không mức 1 hoặc mức 2 phải thể hiện mỗi thiết bị huấn luyện, kiểm tra bay có đủ tiêu chuẩn và được Cục HKVN phê chuẩn cho:

(1) Các hình thái và phương thức mô phỏng theo loại, mẫu, bộ hoặc một loạt tàu bay áp dụng; và

(2) Mỗi giáo trình hoặc khóa huấn luyện có sử dụng thiết bị huấn luyện bay mô phỏng nếu giáo trình hoặc khóa huấn luyện đó đáp ứng quy định của quy chế này.

(c) Tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo trước khi các thiết bị được đưa vào sử dụng phải được phê chuẩn với nội dung gồm:

(1) Đội tàu bay hoặc loại tàu bay;

(2) Nếu áp dụng loại tàu bay đặc biệt dùng để huấn luyện, kiểm tra và đánh giá; và

(3) Hình thái cơ động đặc biệt, phương thức hoặc chức năng của thành viên tổ bay phải thực hiện.

(d) Tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo mỗi thiết bị huấn luyện bay mô phỏng được dùng:

(1) Đảm bảo các tính năng, chức năng và đặc điểm khác tuân thủ theo quy định về tiêu chuẩn;

(2) Thay đổi để phù hợp với các thay đổi của tàu bay được mô phỏng để huấn luyện nếu các thay đổi đó liên quan đến tính năng, chức năng hoặc các đặc điểm khác theo quy định về tiêu chuẩn;

(3) Kiểm tra trước khi bay mỗi ngày trước khi sử dụng.

**9.163. CÁC QUY ĐỊNH VỀ SÂN BAY**

(a) Tổ chức huấn luyện hàng không mức 1 phải duy trì sử dụng sân bay tiến hành huấn luyện và sân bay đó phải có đường cất hạ cánh thích hợp và các thiết bị cần thiết.

*Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 9.163 quy định về sân bay (đường cất hạ cánh đặc biệt và các quy định về thiết bị).*

**9.165. CÁC QUY ĐỊNH VỀ TÀU BAY**

(a) Người xin cấp Giấy chứng nhận hoặc người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo mỗi tàu bay dùng cho hướng dẫn bay và các chuyến bay đơn:

(1) Ngoại trừ các chuyến bay hướng dẫn bay và bay đơn trong chương trình huấn luyện khai thác máy bay nông nghiệp, bay tời cẩu và các khai thác tương tự, tàu bay được Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay hoặc các tàu bay có Giấy chứng nhận nước ngoài tương đương Giấy chứng nhận tiêu chuẩn đủ điều kiện bay Việt Nam được Cục HKVN chấp thuận;

(2) Mỗi tàu bay được bảo dưỡng và kiểm tra phù hợp với các quy định của Phần 4; và

(3) Mỗi tàu bay được trang bị theo quy định về cấu hình huấn luyện đối với các khóa huấn luyện được phê chuẩn.

(b) Ngoài quy định trong khoản (c), người xin cấp Giấy chứng nhận hoặc người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo mỗi tàu bay dùng để huấn luyện bay tối thiểu phải là loại tàu bay có hai chỗ ngồi dễ dàng kiểm soát được công suất động cơ và cần lái và khai thác theo phương thức quy ước từ hai vị trí lái.

(c) Tổ chức huấn luyện hàng không có thể sử dụng máy bay với cần điều khiển ví dụ như điều khiển bánh lái mũi, các công tắc, van chọn nhiên liệu và kiểm soát

dòng khí động cơ và khai thác theo phương thức được quy ước từ hai vị trí lái trong quá trình huấn luyện bay nếu tổ chức huấn luyện hàng không xác định được công tác hướng dẫn bay có thể được thực hiện một cách an toàn tính cả vị trí kiểm soát và khai thác không theo quy ước chung hoặc cả hai trường hợp.

(d) Tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo mỗi tàu bay dùng trong huấn luyện liên quan đến khai thác quy tắc bay bằng thiết bị đều được trang bị và bảo dưỡng để khai thác bay bằng thiết bị.

(e) Cục HKVN có thể phê chuẩn tàu bay với Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay hạn chế sử dụng trong khai thác tàu bay nông nghiệp, khai thác nổi bên ngoài, kiểm tra người lái và các khóa khai thác đặc biệt, nếu việc sử dụng huấn luyện không vi phạm về khai thác tàu bay.

**9.167. GIÁO CỤ ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY**

(a) Người xin cấp Giấy chứng nhận hoặc người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không với các khóa huấn luyện AMT phải có và duy trì thiết bị hướng dẫn sau đây phù hợp với năng định được cấp:

(1) Các dạng cấu trúc về thân, hệ thống về các thiết bị, động cơ và các bộ phận (cả cánh quạt), số lượng và loại phù hợp để hoàn thiện các bài tập thực hành quy định trong chương trình huấn luyện được phê chuẩn.

(2) Có khả năng tiếp cận hoặc sử dụng cho mục đích thực hành, ít nhất một tàu bay thuộc loại tàu bay được Cục HKVN phê chuẩn;

(3) Thiết bị quy định trong điều này, nếu là thiết bị hỏng hóc trước đó, thì phải được sửa chữa để có thể sử dụng được nhưng không nhất thiết phải đáp ứng tình trạng đủ điều kiện bay đối với thiết bị.

(b) Người xin cấp Giấy chứng nhận hoặc người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không với năng định hướng dẫn AMT phải có các bộ phận như thân, động cơ, cánh quạt và các thiết bị khác để dùng cho mục đích huấn luyện và từ đó các học viên sẽ tích lũy được kinh nghiệm làm việc qua các bài tập thực hành. Tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo rằng các bộ phận trên phải được biến đổi để thích ứng với các phương pháp khác nhau về lắp ráp, các bộ phận, thanh tra và khai thác khi lắp ráp tàu bay đưa vào sử dụng.

(c) Người xin cấp Giấy chứng nhận hoặc người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không với năng định AMT phải duy trì số lượng mô hình trực quan đầy đủ đảm bảo không quá 8 học viên thực hành trên một mô hình tại cùng một thời điểm.

(d) Người xin cấp Giấy chứng nhận hoặc người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không với năng định AMT khi sử dụng tàu bay cho mục đích hướng dẫn mà không thu được càng và cánh tà thì phải hỗ trợ huấn luyện hoặc các mẫu càng và cánh tà phải được Cục HKVN chấp thuận.

(e) Người xin cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không với năng định AMT hoặc người xin cấp năng định AMT bổ sung ít nhất phải có các trang thiết bị, dụng cụ phù hợp với năng định.

(f) Người xin cấp Giấy chứng nhận hoặc người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không với năng định AMT phải duy trì được các vật liệu, dụng cụ đặc biệt và thiết bị dùng để lắp ráp và bảo dưỡng tàu bay phù hợp với chương trình huấn luyện được phê chuẩn của tổ chức huấn luyện hàng không để đảm bảo mỗi học viên đều được huấn luyện đầy đủ.

(g) Người xin cấp Giấy chứng nhận hoặc người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không với năng định AMT phải đảm bảo các dụng cụ đặc biệt và các thiết bị của các phân xưởng luôn trong tình trạng có thể sử dụng tốt để hướng dẫn và thực hành.

*Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 9.167 về các quy định đặc biệt về trang thiết bị cho các khóa huấn luyện AMT.*

**9.169. CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ HUẤN LUYỆN KHÁC**

(a) Tổ chức ATO được phê chuẩn cho việc huấn luyện tiếp viên phải có thiết bị mô phỏng, hiện thị và giáo cụ phù hợp với danh sách các môn học của chương trình huấn luyện được phê chuẩn.

# CÁC PHỤ LỤC

## PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.015: NỘI DUNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ HUẤN LUYỆN

(a) Nội dung của các quy định về huấn luyện do Cục HKVN ban hành gồm có:

(1) Cho phép tổ chức huấn luyện hàng không thực hiện chức năng ở mức 1, 2 hoặc 3;

(2) Loại hình huấn luyện được ủy quyền, bao gồm cả các khóa huấn luyện;

(3) Loại tàu bay, hạng tàu bay có thể được sử dụng trong huấn luyện, đánh giá và kiểm tra;

(4) Đối với thiết bị huấn luyện bay mô phỏng một loại tàu bay, mẫu mã và một loại tàu bay hoặc dòng tàu bay được mô phỏng và các chuẩn mực quy định; hoặc tiêu chuẩn loại tàu bay, mẫu mã và một loại hoặc dòng tàu bay cánh quay được mô phỏng và các chuẩn mực quy định;

(5) Đối với thiết bị huấn luyện bay mô phỏng đủ tiêu chuẩn đánh giá của Cục HKVN thì số xác nhận do Cục HKVN cấp;

(6) Tên và địa chỉ của mỗi chi nhánh thuộc và các tổ chức huấn luyện hàng không và tên các khóa huấn luyện được phê chuẩn cho chi nhánh đó;

(7) Các sai lệch và miễn trừ so với các quy định của Phần này;

(8) Các điều khoản khác mà Cục HKVN yêu cầu hoặc cho phép.

## PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.020: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG (ÁP DỤNG CHUNG CHO FTO, TRTO, AMT)

(a) Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không và phê chuẩn chương trình huấn luyện phải cung cấp cho Cục HKVN các thông tin sau đây:

(1) Chứng tỏ đáp ứng được các quy định về trình độ tối thiểu của mỗi vị trí quản lý;

(2) Thông báo cho Cục HKVN bất kỳ thay đổi nào trong việc bổ nhiệm người quản lý trong vòng 10 ngày làm việc;

(3) Các chương trình huấn luyện đề nghị phê chuẩn;

(4) Đề nghị cho phép kiểm tra đánh giá;

(5) Chi tiết về các thiết bị huấn luyện bay sẽ sử dụng;

(6) Chi tiết về các trang thiết bị và trình độ của nhân sự sử dụng và các kế hoạch đánh giá đề nghị phê chuẩn;

(7) Giáo trình của chương trình huấn luyện bao gồm tài liệu, tóm tắt, các thủ tục hỗ trợ cho các quy định mà Cục HKVN đề ra;

(8) Hệ thống lưu giữ hồ sơ rõ ràng và tài liệu chi tiết về huấn luyện, trình độ và các Giấy chứng nhận cấp cho học viên, giáo viên hướng dẫn và giáo viên kiểm tra;

(9) Các biện pháp kiểm soát chất lượng;

(10) Chứng tỏ trình độ và khả năng thực hiện việc huấn luyện cấp giấy phép hoặc năng định ít hơn số giờ tối thiểu quy định trong Phần 7 nếu người xin cấp Giấy chứng nhận đề nghị thực hiện như vậy.

(11) Mẫu đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Ngày..... tháng..... năm 20.....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/SỬA ĐỔI/GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN PHÊ CHUẨN TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG**

(Dùng bút mực xanh đen hoặc đen để hoàn chỉnh các nội dung theo mẫu)

| **1. Chi tiết về đơn vị, tổ chức** |
|---|
| Tên đơn vị, tổ chức..... |
| Địa chỉ..... |
| ..... Mã số bưu điện..... |
| Số điện thoại..... Số Fax..... |
| Thư điện tử..... Trang Web..... |
| Thực trạng của tổ chức đề nghị cấp/cấp lại hoặc gia hạn (ví dụ: Công ty Tư nhân hay Công ty Trách nhiệm hữu hạn vốn nhà nước)…..... |
| Chi tiết về trụ sở đơn vị..... |

| **2. Tổ chức các khóa huấn luyện** |
|---|
| Các khóa huấn luyện cấp phép và năng định:<br>.....<br>.....<br>.....<br>..... |

| **3. Mô hình tổ chức quản lý của tổ chức huấn luyện hàng không** | | |
|---|---|---|
| Chức danh | Tên | Số giấy phép (nếu áp dụng) |
| Giám đốc huấn luyện (HT) | | |
| Giáo viên hướng dẫn bay chính (CFI) | | |
| Giáo viên mặt đất chính (CGI) | | |
| Giám đốc chất lượng | | |
| Các chức danh khác (nếu áp dụng): | | |

| **4. Dành cho Cục Hàng không Việt Nam** | | | |
|---|---|---|---|
| Ngày: | Hóa đơn số: | | Ngày cấp: |
| Chuyên viên cấp phép | Hồ sơ gồm | Điều kiện hạn chế | Ký duyệt |

| **5. Trang thiết bị phục vụ công tác huấn luyện** | |
|---|---|
| Kích thước và chú thích của người lập kế hoạch có thể trình thay cho việc giải trình theo yêu cầu sau: | |
| Kiểu loại<br><br>Phòng học lý thuyết/Phòng máy<br><br>Phòng họp trước và sau chuyến bay | Vị trí, kích thước, số lượng các phòng học |

| | |
|---|---|
| Phòng của Giám đốc huấn luyện<br><br>Phòng của Giáo viên hướng dẫn bay chính<br><br>Phòng thực hành thiết bị huấn luyện bay mô phỏng<br><br>Phòng Nhân viên<br><br>Phòng huấn luyện FTD/FMGS<br><br>Phòng nghỉ cho học viên<br><br>Phòng vệ sinh<br><br>Phòng nhân viên hành chính<br><br>Các tiện nghi khác | |
| **6. Hồ sơ, tài liệu đệ trình bao gồm:** | |
| Đánh dấu vào ô thích hợp | Đính kèm / Bản sao |
| Tài liệu hoạt động<br>.....<br>Tài liệu huấn luyện<br>.....<br>Mẫu hồ sơ huấn luyện<br>Thông tin về hệ thống chất lượng<br>.....<br>Bằng chứng về nguồn tài chính<br>Sơ yếu lý lịch của lãnh đạo | N/A<br>N/A<br>N/A |
| | |

| **7. Cam kết** |
| --- |
| Tôi xin cam đoan rằng các thông tin nêu trên là đúng sự thật.<br>Tôi xin xác nhận những người có tên nêu trên tuân thủ theo quy định tại Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay.<br>Chữ ký..... Ngày..... tháng..... năm.....<br>Họ tên.....Chức vụ:..... |
| **8. HƯỚNG DẪN NỘP ĐƠN** Nộp mẫu đơn đã hoàn thiện về:<br>**Cục Hàng không Việt Nam - 119 Phố Nguyễn Sơn - Quận Long Biên - TP Hà Nội** |

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.095 NỘI DUNG CỦA TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VỀ HUẤN LUYỆN VÀ QUY TRÌNH HUẤN LUYỆN**

(a) Tài liệu hướng dẫn về huấn luyện và quy trình huấn luyện phải bao gồm các thông tin sau:

(1) Mô tả tổng quát về phạm vi được phép huấn luyện theo các mục của Giấy chứng nhận phê chuẩn;

(2) Nội dung của chương trình huấn luyện mà tổ chức thực hiện bao gồm cả phần giáo trình và thiết bị sử dụng;

(3) Mô tả hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định;

(4) Mô tả các trang thiết bị của tổ chức;

(5) Tên, nhiệm vụ và trình độ của người được ủy quyền có trách nhiệm đối với việc tuân thủ các quy định trong Giấy chứng nhận phê chuẩn;

(6) Nhiệm vụ và trình độ của người được ủy quyền có trách nhiệm lập kế hoạch, thực hiện và giám sát việc huấn luyện;

(7) Các quy trình dùng để thiết lập và duy trì tay nghề của giáo viên hướng dẫn;

(8) Phương pháp dùng để hoàn thiện và lưu giữ hồ sơ huấn luyện theo quy định;

(9) Mô tả, nếu áp dụng, việc huấn luyện bổ sung cần thiết để tuân thủ các quy trình và quy định của nhà khai thác; và

(10) Việc chọn lựa, vai trò và nhiệm vụ của người được phép thay mặt Cục HKVN thực hiện kiểm tra.

**PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 9.095: NỘI DUNG CỦA KHÓA HUẤN LUYỆN**

(a) Tổ chức huấn luyện hàng không mức 1 và mức 2 phải đảm bảo mỗi khóa huấn luyện tổ chức huấn luyện hàng không gồm có:

(1) Thiết bị huấn luyện bay mô phỏng dùng cho huấn luyện;

(2) Danh mục các sân bay thực hiện các chuyến bay huấn luyện và các trang thiết bị gồm cả khu vực giảng bình cho người lái mà các học viên có thể sử dụng được và nhân sự tại mỗi sân bay này;

(3) Loại tàu bay có các thiết bị đặc biệt dùng cho mỗi giai đoạn huấn luyện;

(4) Trình độ và năng định tối thiểu của mỗi giáo viên hướng dẫn được bổ nhiệm huấn luyện trên mặt đất và huấn luyện bay; và

(5) Giáo trình huấn luyện bao gồm:

(i) Các điều kiện tiên quyết đối với huấn luyện trên mặt đất và huấn luyện bay bao gồm giấy phép và năng định, huấn luyện, kinh nghiệm tích lũy và kiến thức của người lái;

(ii) Chi tiết của mỗi bài giảng gồm mục tiêu, tiêu chuẩn và thời gian hoàn thành theo kế hoạch;

(iii) Mục tiêu của khóa học;

(iv) Mục tiêu và tiêu chuẩn của từng giai đoạn; và

(v) Các biện pháp đánh giá và kiểm tra để đánh giá kết quả học tập sau mỗi giai đoạn huấn luyện.

(b) Tổ chức huấn luyện hàng không mức 1 có thể:

(1) Bao gồm việc huấn luyện trên thiết bị huấn luyện bay mô phỏng đặc trưng cho loại tàu bay dùng cho khóa học được phê chuẩn, đáp ứng được các quy định trong phần này, và công tác huấn luyện được thực hiện bởi giáo viên hướng dẫn được Cục HKVN bổ nhiệm; và

(2) Cho phép học viên tính thời gian huấn luyện trên buồng lái mô phỏng tối đa là 25 % trong tổng số quy định về thời gian huấn luyện bay của khóa học.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.113: NỘI DUNG HỒ SƠ HỌC VIÊN**

(a) Hồ sơ học viên được lưu giữ tại tổ chức huấn luyện hàng không bao gồm:

(1) Tên học viên;

(2) Bản sao giấy phép nếu có, và Giấy chứng nhận sức khỏe;

(3) Tên khóa học và loại thiết bị huấn luyện bay sử dụng;

(4) Kinh nghiệm trước đó, bao gồm cả các khóa huấn luyện trước đó, và bản sao Giấy chứng nhận tốt nghiệp trước đây được dùng để tính chuyển đổi;

(5) Bảng điểm có xác nhận của các khóa học trước đây đã được tính chuyển đổi;

(6) Ngày kết thúc khóa học;

(7) Thời gian huấn luyện của học viên, thời gian kết thúc huấn luyện và thời gian bắt đầu chuyển trung tâm huấn luyện khác;

(8) Kết quả thực hiện khóa học của mỗi học viên đối với mỗi học phần và tên giáo viên hướng dẫn;

(9) Hồ sơ hiện tại của mỗi học viên thể hiện các bài tập thực hành hoặc phòng thí nghiệm đã hoặc cần phải thực hiện cho mỗi môn học;

(10) Ngày và kết quả kiểm tra kiến thức và kết quả kiểm tra thực hành cuối khóa học và tên giáo viên kiểm tra; và

(11) Số giờ huấn luyện bổ sung phải thực hiện sau khi kiểm tra thực hành không đạt.

## PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.115: NỘI DUNG HỒ SƠ CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN VIÊN ATO

(a) ATO cần phải lưu giữ hồ sơ của giáo viên với các nội dung như sau:

(1) Tên của giáo viên và/hoặc người đánh giá viên;

(2) Bản sao giấy phép của giáo viên/đánh giá viên và chứng chỉ sức khỏe;

(3) Hồ sơ kinh nghiệm hiện tại và trước đó;

(4) Hồ sơ ghi chép về trình độ và quá trình giảng dạy của giáo viên/đánh giá viên;

(5) Hồ sơ tham gia các khóa học cần thiết để chuẩn bị cho các giáo viên/đánh giá viên chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ giảng dạy được phân công bởi ATO;

(6) Phê chuẩn giáo viên của nhà chức trách hàng không liên quan;

(7) Phạm vi giảng dạy/đánh giá của giáo viên/đánh giá viên.

## PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.123: CÁC PHƯƠNG PHÁP TÍNH QUY ĐỔI THỜI GIAN ĐÃ ĐƯỢC HUẤN LUYỆN

(a) Tổ chức huấn luyện hàng không phải áp dụng hướng dẫn sau đây khi tính kinh nghiệm đã có cho học viên:

(1) Đã hoàn thành việc huấn luyện tại:

(i) Đại học, trường chuyên nghiệp hoặc trung cấp;

(ii) Trường kỹ thuật, hướng nghiệp, thương mại hoặc trung học;

(iii) Trường kỹ thuật quân sự; hoặc

(iv) Tổ chức huấn luyện hàng không.

(2) Kinh nghiệm đã có về bảo dưỡng tàu bay so với các môn học quy định:

(i) Bằng cách xác định kinh nghiệm đã có được xác minh; và

(ii) Bằng cách đưa ra bài kiểm tra tương đương với bài kiểm tra cho học viên hoàn thành các môn học của giáo trình theo quy định của tổ chức huấn luyện hàng không.

(3) Cách tính cho phép đối với việc được hướng dẫn trước đây:

(i) Bằng bài kiểm tra đầu vào tương đương với bài kiểm tra đối với học viên hoàn thành các môn học của giáo trình theo quy định của hàng không;

(ii) Bằng cách đánh giá bản sao có công chứng bằng cấp do trường cũ của học viên cấp; hoặc trong trường hợp người làm đơn từ trường quân đội thì chỉ cần dựa trên bài kiểm tra đầu vào.

**PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 9.123: CHUYỂN TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN**

(a) Tổ chức huấn luyện hàng không mức 1 nhận học viên từ tổ chức huấn luyện hàng không mức 1 khác có thể tính kinh nghiệm trước đây theo các quy định của giáo trình huấn luyện với các điều kiện sau đây:

(1) Nếu việc tính này dựa trên các quy định nêu trong Phần này, tổ chức huấn luyện hàng không nhận vào có thể tính cho học viên đó không quá 50% thời gian theo quy định của chương trình huấn luyện;

(2) Nếu việc tính đó không theo quy định của Phần này, tổ chức huấn luyện hàng không nhận vào có thể tính cho học viên thời gian không quá 25% theo quy định của chương trình huấn luyện;

*Ghi chú: Tổ chức huấn luyện hàng không nhận vào phải xác định số thời gian được huấn luyện được tính theo điểm (1) hoặc (2) dựa trên bài kiểm tra kiến thức hoặc kỹ năng hoặc cả hai của học viên; và*

(b) Tổ chức huấn luyện hàng không nhận vào có thể tính thời gian huấn luyện theo quy định tại điểm (1) hoặc (2), khoản (a) nếu tổ chức huấn luyện trước đã xác nhận loại hình huấn luyện và số thời gian huấn luyện cũng như kết quả kiểm tra của mỗi giai đoạn và bài kiểm tra cuối khóa học của học viên, nếu áp dụng.

(c) Tổ chức huấn luyện hàng không huấn luyện ATM có thể tính thời gian huấn luyện trước đây cho học viên mới vào nếu:

(1) Tổ chức này xác định được việc huấn luyện có thể thẩm tra được và có thể so sánh được với các quy định của chương trình huấn luyện;

(2) Cá nhân đề nghị tính thời gian huấn luyện trước đây với cùng môn học trong chương trình huấn luyện.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.125: NỘI DUNG CỦA HỒ SƠ GIẤY CHỨNG NHẬN/ CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP**

(a) Hồ sơ Giấy chứng nhận/chứng chỉ tốt nghiệp bao gồm:

(1) Tên và số Giấy chứng nhận của ATO;

(2) Tên học viên tốt nghiệp;

(3) Tên chương trình huấn luyện được phê chuẩn;

(4) Ngày tốt nghiệp;

(5) Thông báo nêu rõ học viên đã tốt nghiệp bao gồm cả các bài kiểm tra của khóa huấn luyện đã được phê chuẩn;

(6) Chứng thực của cán bộ trong trường; và

(7) Thông báo nêu rõ học viên đã được huấn luyện bay đường dài, nếu áp dụng trên cùng loại buồng lái huấn luyện mô phỏng được phê chuẩn mà giáo viên được bổ nhiệm để thực hiện hướng dẫn; Mỗi giáo viên hướng dẫn phải tham gia vào chương trình giám sát đường dài đã được phê chuẩn và chương trình này:

(i) Được thực hiện trên cùng một loại tàu bay giống như trên buồng lái mô phỏng mà giáo viên được bổ nhiệm để hướng dẫn bay; và

(ii) Bao gồm huấn luyện bay đường dài có định hướng ít nhất là một giờ bay trong đó giáo viên hướng dẫn bay là người thao tác chính đối với cần lái trên buồng lái mô phỏng giống như loại tàu bay mà giáo viên hướng dẫn.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.157: ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ CHUẨN VIỆC SỬ DỤNG THIẾT BỊ HUẤN LUYỆN BAY MÔ PHỎNG**

(a) Người đề nghị gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ.

(b) Hồ sơ đề nghị phê chuẩn thiết bị huấn luyện bay mô phỏng bao gồm:

(1) Đơn đề nghị phê chuẩn thiết bị huấn luyện bay mô phỏng;

(2) Bản sao tài liệu hệ thống chất lượng của Người khai thác thiết bị huấn luyện bay mô phỏng;

(3) Bản sao tài liệu hướng dẫn kiểm tra chất lượng (Qualification Test Guide);

(4) Danh mục đánh giá sự khác biệt về cấu hình giữa thiết bị huấn luyện bay mô phỏng và loại máy bay của Người khai thác và phương án huấn luyện (Trường hợp có sự khác biệt);

(5) Bản sao Giấy chứng nhận của tổ chức thực hiện huấn luyện, kiểm tra;

(6) Bản sao Giấy chứng nhận của thiết bị huấn luyện bay mô phỏng.

(c) Thời hạn hiệu lực phê chuẩn việc sử dụng thiết bị huấn luyện bay mô phỏng không quá 12 tháng.

(d) Cục HKVN kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản cho người đề nghị nếu hồ sơ không hợp lệ.

(1) Trường hợp hồ sơ được chấp nhận, trong thời hạn 20 ngày tiếp theo, Cục HKVN xem xét lập kế hoạch và tiến hành kiểm tra tại địa điểm đặt thiết bị huấn luyện bay mô phỏng.

(2) Căn cứ vào kết quả kiểm tra, Cục HKVN quyết định phê chuẩn việc sử dụng thiết bị huấn luyện bay mô phỏng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

***Mẫu đơn***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Ngày.... tháng.... năm 20....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN PHÊ CHUẨN BUỒNG LÁI MÔ PHỎNG**

**☐ Cấp mới ☐ Cấp lại (Giấy chứng nhận phê chuẩn số: .....)**

**Phần I - THÔNG TIN CƠ BẢN**

| | |
|---|---|
| TÊN CHỦ SỞ HỮU/NGƯỜI KHAI THÁC/NGƯỜI SỬ DỤNG BUỒNG LÁI MÔ PHỎNG: | |
| ĐỊA CHỈ: | |
| TÊN VÀ ĐỊA CHỈ TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ PHÊ CHUẨN BUỒNG LÁI MÔ PHỎNG: | |
| TÊN VÀ ĐỊA CHỈ NHÀ CHẾ TẠO BUỒNG LÁI MÔ PHỎNG: | |
| ĐỊA ĐIỂM ĐẶT BUỒNG LÁI MÔ PHỎNG<br>(nếu khác với địa chỉ chủ sở hữu): | |
| KIỂU BUỒNG LÁI TÀU BAY MÔ PHỎNG: | KIỂU LOẠI ĐỘNG CƠ MÔ PHỎNG: |
| ID BUỒNG LÁI MÔ PHỎNG : | ID MÀN HÌNH: |

| | |
|---|---|
| HỆ THỐNG BAY BẰNG MẮT: | HỆ THỐNG CẢM GIÁC: |
| MỨC BUỒNG LÁI MÔ PHỎNG: | ☐ MỨC A (tương đương JAR-STD 1A)<br>☐ MỨC B (tương đương JAR-STD 1A)<br>☐ MỨC C (tương đương JAR-STD 1A)<br>☐ MỨC D (tương đương JAR-STD 1A) |

**Phần II - CAM ĐOAN**

| | |
|---|---|
| *Tôi xin cam đoan các thông tin trên đây là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.*<br><br>*Người đề nghị* | ***Chữ ký*** |

**Phần III - DÀNH CHO CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

| | | |
|---|---|---|
| Phí, lệ phí: | Phê chuẩn số: | Ngày: |
| Số Séc: | Hóa đơn số: | Thủ quỹ: |

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.163: CÁC QUY ĐỊNH VỀ SÂN BAY**

(a) Tổ chức huấn luyện hàng không phải có sân bay để thực hiện huấn luyện bay với các điều kiện sau đây:

(1) Ít nhất có một đường cất hạ cánh hoặc khu vực cất cánh cho phép tàu bay huấn luyện thực hiện cất cánh và hạ cánh bình thường với trọng tải cất cánh tối đa cho phép dưới các điều kiện sau đây:

(i) Tốc độ gió không lớn hơn 5 knot;

(ii) Nhiệt độ bằng nhiệt độ của tháng nóng nhất trong năm tại khu vực khai thác;

(iii) Có thể khai thác động cơ, càng và cánh tà được thả theo khuyến cáo của nhà sản xuất trong trường hợp áp dụng; và

(iv) Trong trường hợp cất cánh:

(A) Nhẹ nhàng chuyển từ giai đoạn nhấc bánh sang giai đoạn lấy độ cao không cần thêm thao tác nào nữa; và

(B) Tĩnh không tại vệt cất cánh ít nhất là 50 feet.

(2) Ở dưới đất có thể nhìn thấy được thiết bị chỉ hướng gió từ cuối đường cất hạ cánh;

(3) Thiết bị không lưu khi:

(i) Sân bay không có đài kiểm soát khai thác; và

(ii) Không có chỉ dẫn về tốc độ gió và không lưu.

(4) Ngoại trừ quy định trong điểm (5), khoản (a), phải có đèn đường cất hạ cánh cố định nếu sân bay khai thác các chuyến bay huấn luyện vào ban đêm;

(5) Phải có đèn cất hạ cánh không cố định của sân bay hoặc đèn tại nơi đậu thủy phi cơ cho các chuyến bay huấn luyện ban đêm bằng thủy phi cơ nếu được Cục HKVN phê chuẩn.

## PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 9.167: CÁC TRANG THIẾT BỊ ĐỐI VỚI CÁC KHÓA HUẤN LUYỆN AMT

(a) Người xin cấp hoặc có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không đối với AMT phải có các trang thiết bị mà Cục HKVN thấy phù hợp với số lượng học viên lớn nhất có thể sử dụng tại mọi thời điểm huấn luyện như sau:

(1) Các phòng học khép kín;

(2) Bố trí cơ sở hạ tầng phù hợp, đảm bảo sự tách biệt của các trang thiết bị với khu vực làm việc, đối với thiết bị tàu bay, dụng cụ huấn luyện, vật tư khí tài và các thiết bị tương tự;

(3) Khu vực phù hợp để vật liệu thực hiện giai đoạn cuối bao gồm sơn tàu bay;

(4) Khu vực phù hợp trang bị các thiết bị tẩy rửa bằng áp suất không khí hoặc các thiết bị làm sạch tương đương khác;

(5) Trang thiết bị phù hợp để nổ máy động cơ;

(6) Khu vực có trang thiết bị phù hợp bao gồm bàn kiểm tra, bàn thử nghiệm, thiết bị kiểm tra để tháo dỡ, sửa chữa hoặc làm vệ sinh và kiểm tra đối với:

(i) Hệ thống đánh lửa, thiết bị điện và các thiết bị khác;

(ii) Bộ chế hòa khí và hệ thống nhiên liệu; và

(iii) Hệ thống thủy lực và hút chân không của tàu bay, động cơ tàu bay và các thiết bị của tàu bay;

(7) Khu vực phù hợp với đầy đủ các trang thiết bị bao gồm bàn kiểm tra, bàn thử nghiệm, thang, kích để thực hiện việc tháo rời, kiểm tra và căn chỉnh các bộ phận của tàu bay;

(8) Khu vực phù hợp với đầy đủ các trang thiết bị bao gồm bàn kiểm tra, bàn thử nghiệm, thang, kích để thực hiện việc tháo rời, kiểm tra và căn chỉnh các bộ phận, động cơ tàu bay.

(Xem tiếp Công báo số 145 + 146)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng